



Nguyễn Thị Thu Hương
C=VN, L="Số 87 đường Phù Đổng
Thiên Vương, Phường 8, Thành
phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt
Nam",
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=C
CCD:014187000015, O=CÔNG TY
CÓ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY
DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG,
E=thuhuongk9@gmail.com, T=Kế
Toán Trưởng, CN=Nguyễn Thị Thu
Hương
2025-04-17 17:13:17

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề hoạt động kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

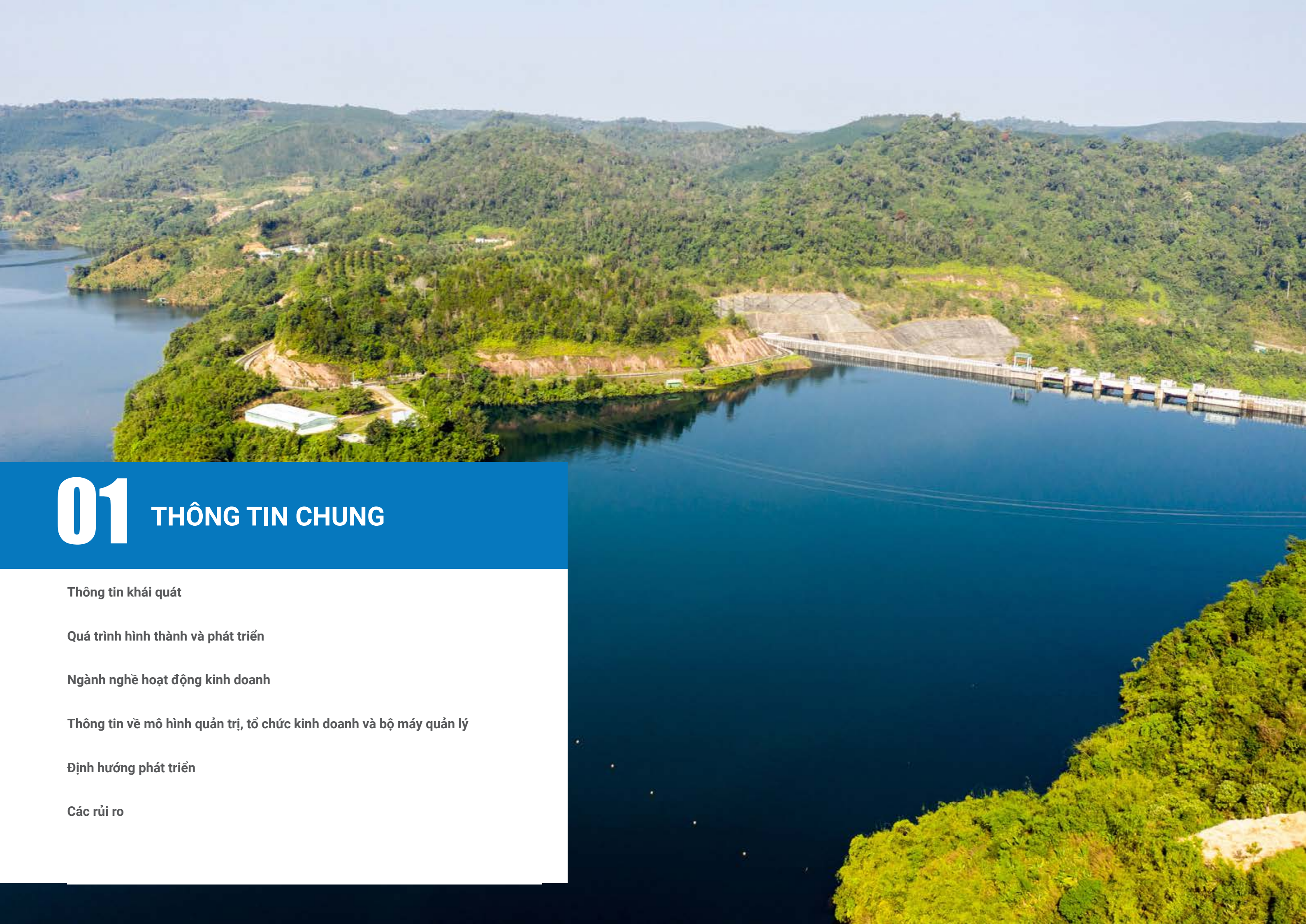
QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính năm 2024



01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề hoạt động kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

- Tên giao dịch: : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
- Tên tiếng Anh: : LAM DONG INVESTMENT AND HYDAULIC CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Mã cổ phiếu: : LHC
- Giấy chứng nhận ĐKDN: : Số 5800000424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 27/07/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25/11/2024
- Vốn điều lệ: : 144.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: : Số 87 đường Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam



(0263) 3821 854



www.lhc.com.vn



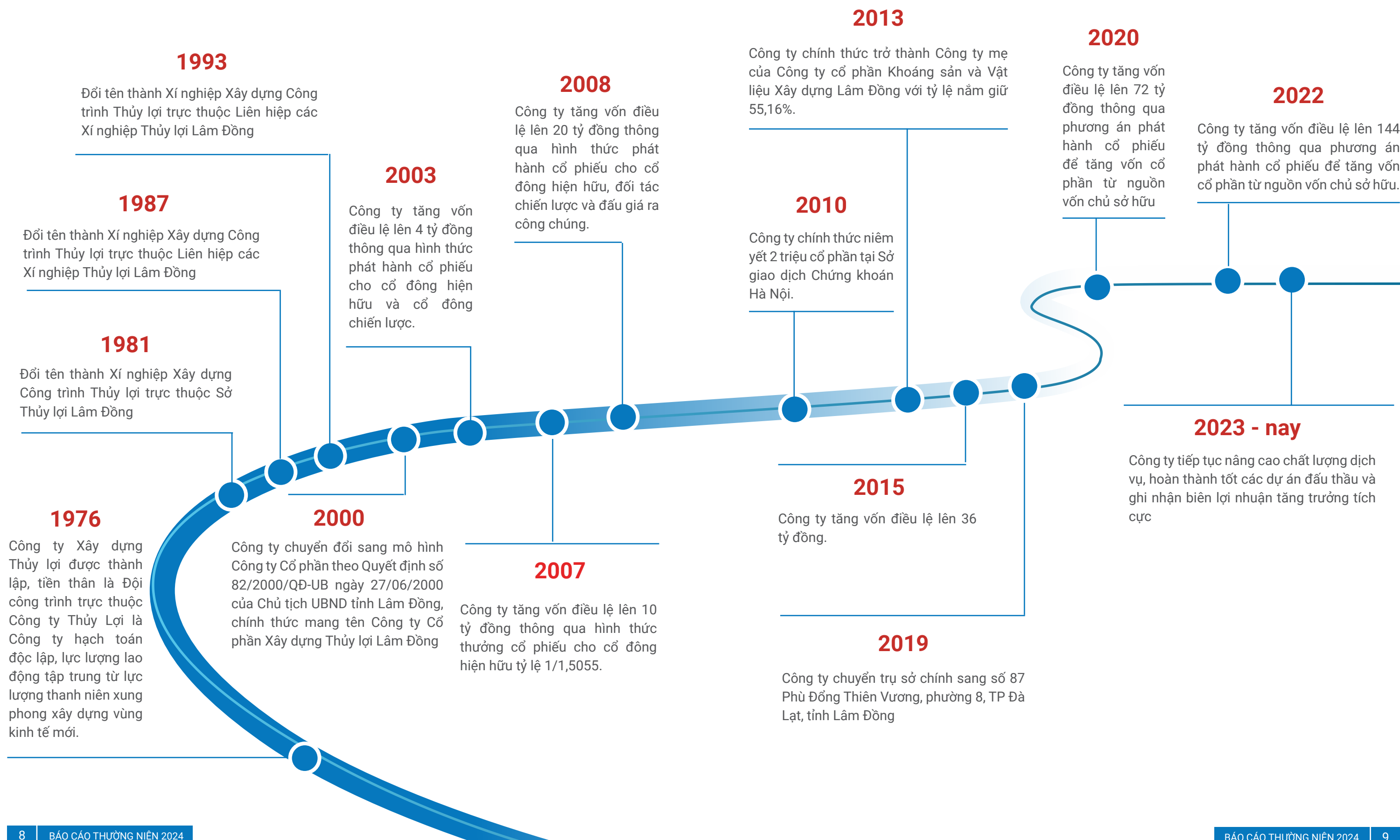
(0263) 3832 542



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



GIẢI ĐOẠN 1976 - 2023



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

NĂM	GIẢI THƯỞNG
2010	Doanh nghiệp đã được Bộ Tài chính ghi nhận và tặng bằng khen vì thành tích xuất sắc trong việc chấp hành chính sách pháp luật thuế. Cũng trong năm này, Bộ Xây dựng đã trao Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam cho công trình Hồ chứa nước Ka La tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, minh chứng cho chất lượng các dự án của công ty.
2015 - 2016	Tiếp nối những thành công, trong hai năm 2015 và 2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã vinh danh doanh nghiệp là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất.
2022	Doanh nghiệp tiếp tục được đánh giá cao khi trở thành ứng viên cho vòng Bình chọn IR theo từng nhóm vốn hóa được công bố vào ngày 11/07/2022, cho thấy sự quan tâm đến hoạt động quan hệ nhà đầu tư.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. <i>Chi tiết: khách sạn.</i>	5510
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. <i>Chi tiết:</i> - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
Cho thuê xe có động cơ. <i>Chi tiết: cho thuê ô tô, xe có động cơ khác.</i>	7710
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: kinh doanh bất động sản; cho thuê nhà làm việc, văn phòng, nhà ở. (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i>	6810
Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. <i>Chi tiết: dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản.</i>	6820
Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. <i>Chi tiết: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).</i>	4299 (Chính)
Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. <i>Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu.</i>	7730
Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông. Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng. Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại. Khai thác, chế biến khoáng sản. (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

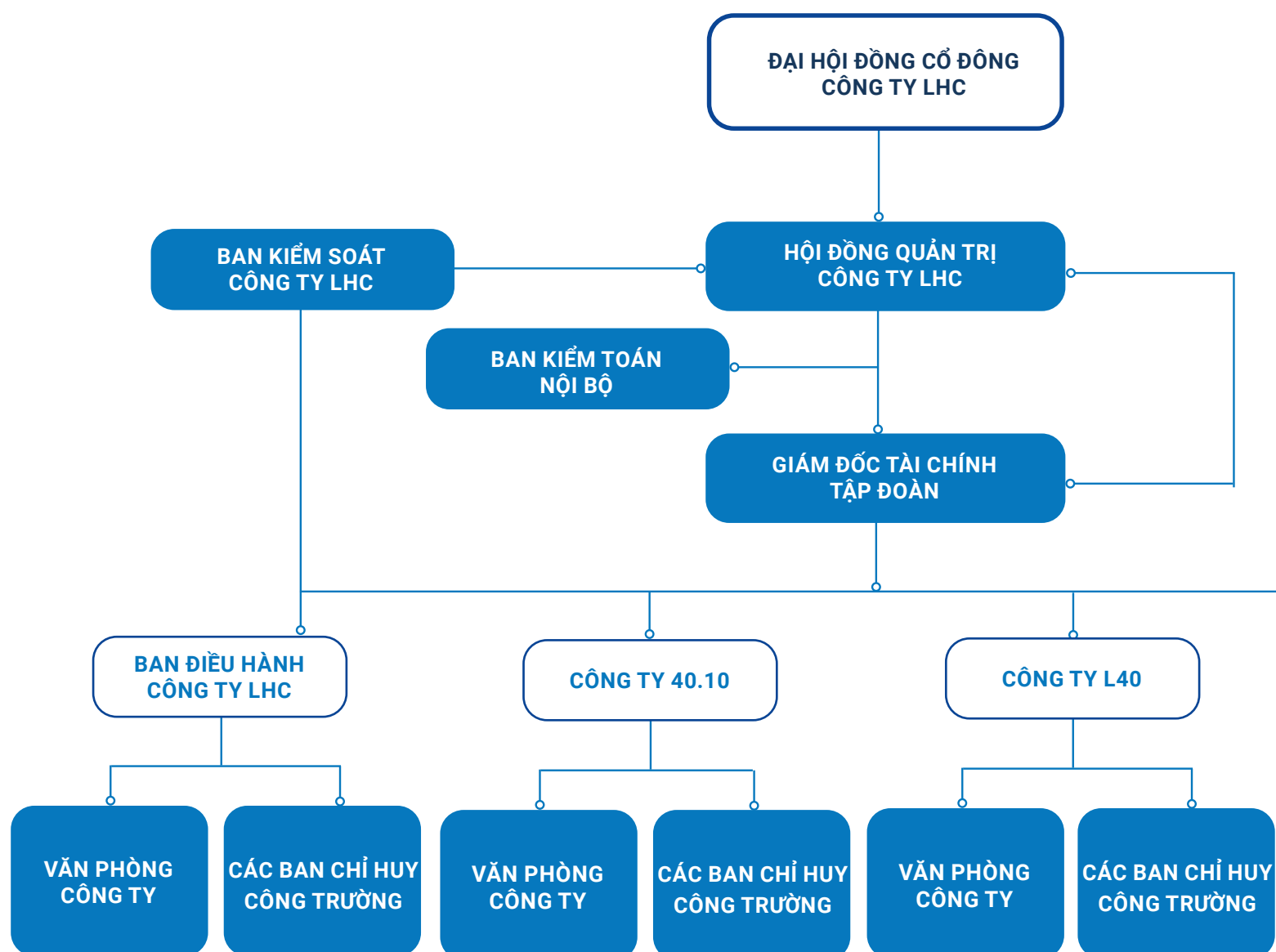
ĐỊA BÀN KINH DOANH: Doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi cả nước.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp hiện hành và có mô hình quản trị tính đến ngày 31/12/2024 như sau:



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.



Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



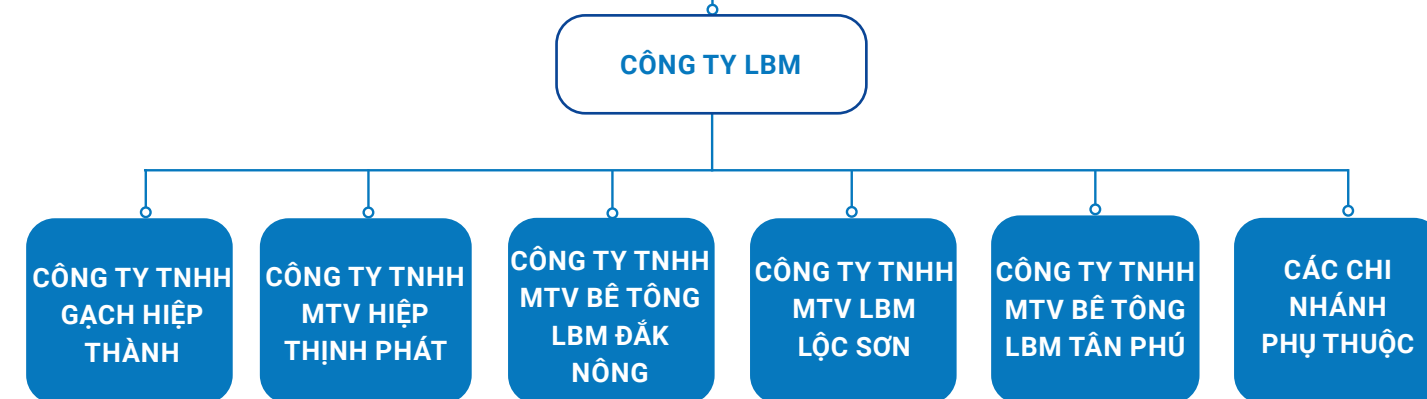
Ban Kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

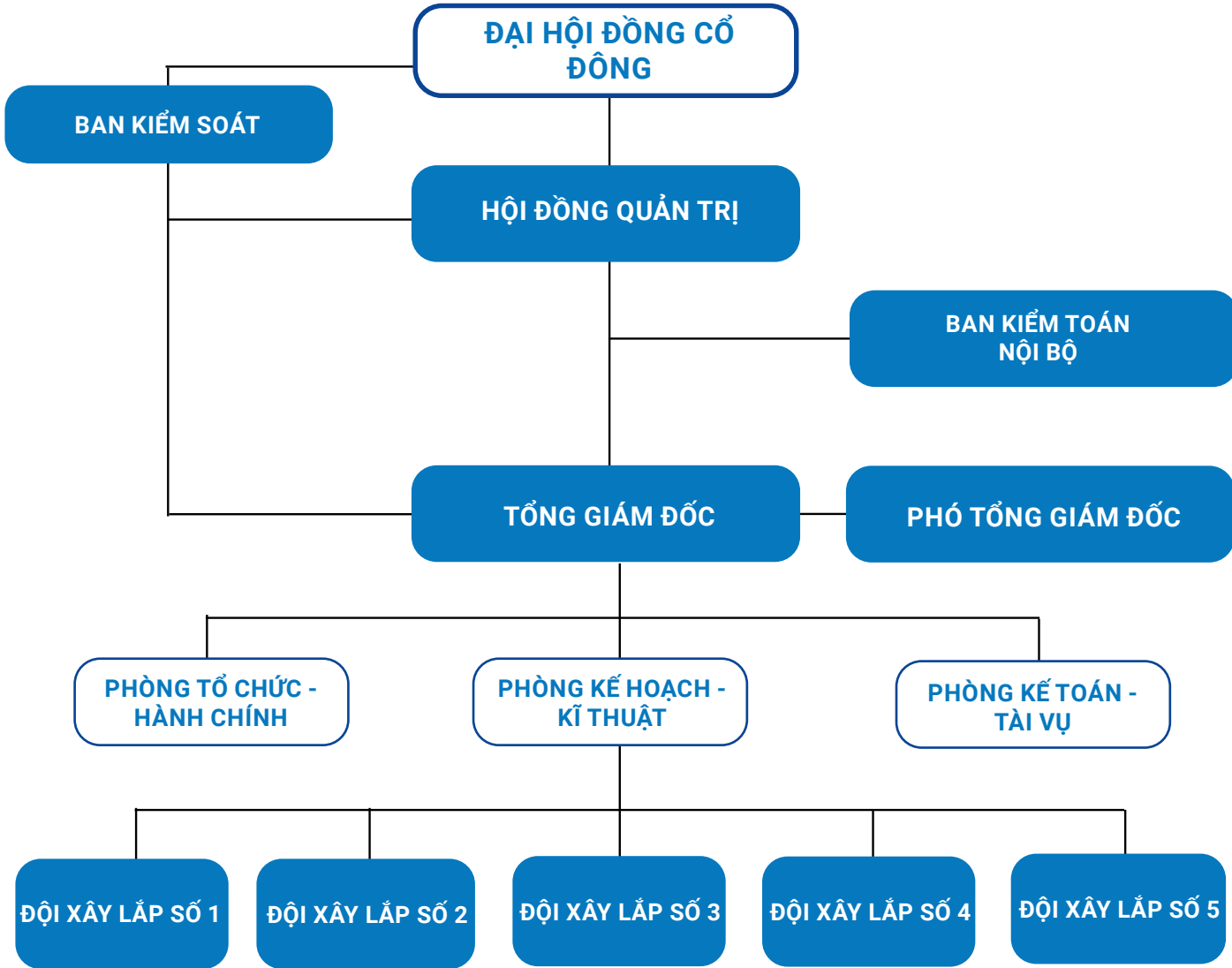


Ban Tổng Giám đốc

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TT)



CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP , GIÁN TIẾP

STT	Công ty con sở hữu trực tiếp	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM)	87 đường Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	400.000	64,90%
2	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (L40) (*)	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, Thủy lợi, nước sinh hoạt	36.000	51,00%
3	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, các công trình thủy lợi, thủy điện, trạm bơm; công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; công trình ngầm dưới đất, dưới nước, công trình đường ống cấp thoát nước	18.100	99,45%

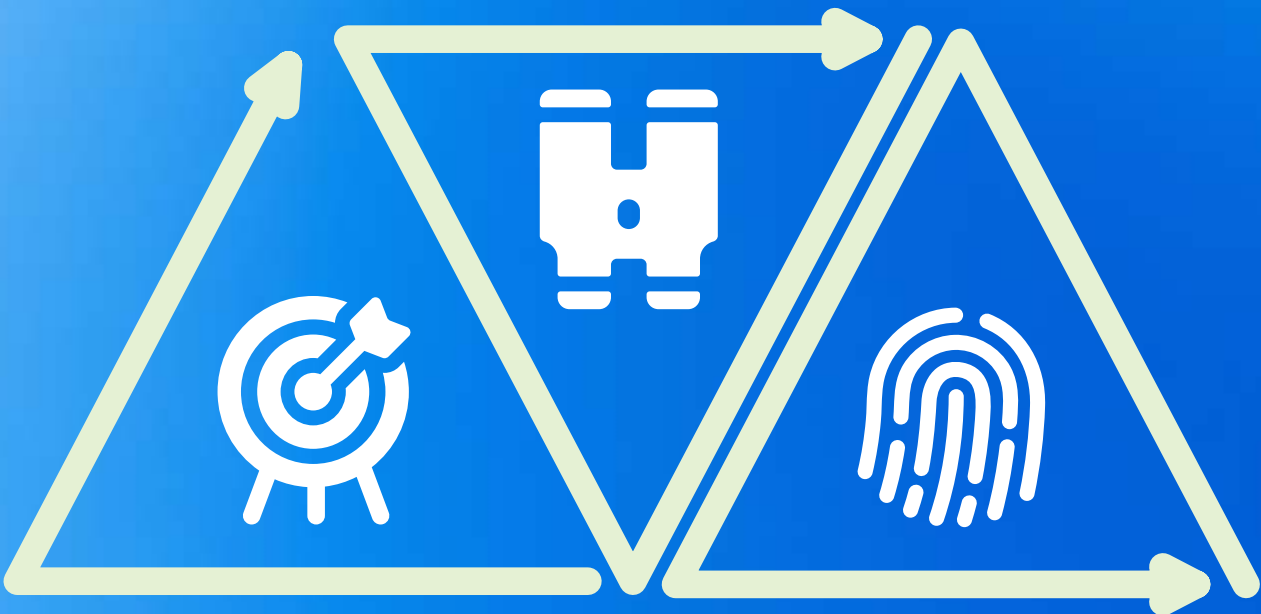
(*) Ghi chú : Ngày 07/03/2025, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy lợi Lâm Đồng đã khớp lệnh bán thành công 1.836.000 cổ phiếu L40 (tỷ lệ nắm giữ sau khi bán: 0%) và không còn là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 kể từ ngày 07/03/2025.

STT	Công ty con sở hữu gián tiếp	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 đường Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	5.000	100%	64,90%
2	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Số 14, thôn Hiệp Thành 1, xã Tam Bố, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	12.600	94,39%	61,26%
3	Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	50.000	100%	64,90%
4	Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Thửa đất 239, 289 TĐĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	30.000	100%	64,90%
5	Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.	Sản xuất và kinh doanh bê tông	30.000	100%	64,90%

TẦM NHÌN , SỨ MỆNH , GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Trở thành đơn vị xây lắp thi công chất lượng, an toàn, hiệu quả và là thương hiệu uy tín trên thị trường.
- Đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng; Kiến tạo giá trị tương lai.

TẦM NHÌN



SỨ MỆNH

- Phần đầu trở thành một trong những doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi hàng đầu Việt Nam.
- Mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng, xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- L: Lớn mạnh không ngừng
- H: Hoàn thành đúng tiến độ
- C: Chất lượng hàng đầu



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » **Củng cố vị thế và phát triển kinh doanh cốt lõi:** Tiếp tục khẳng định vị thế trong lĩnh vực xây lắp thủy lợi, đặc biệt ở khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Đẩy mạnh hoạt động sản xuất và kinh doanh chiến lược tại các công ty con để tối ưu hóa hiệu quả.
- » **Hoàn thành mục tiêu và nâng cao năng lực quản trị:** Thực hiện xuất sắc các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Xây dựng bộ máy quản trị chặt chẽ, hiệu quả và đầu tư vào đào tạo nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao năng suất thi công.
- » **Tạo giá trị cho người lao động và các bên liên quan:** Tạo thêm cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. Tối ưu hóa lợi nhuận để gia tăng lợi ích cho cổ đông và các bên liên quan.
- » **Đảm bảo quyền lợi cổ đông và tuân thủ pháp luật:** Bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của cổ đông và nhà đầu tư. Tuân thủ nghiêm túc các quy định về công bố thông tin để xây dựng niềm tin và uy tín trên thị trường.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

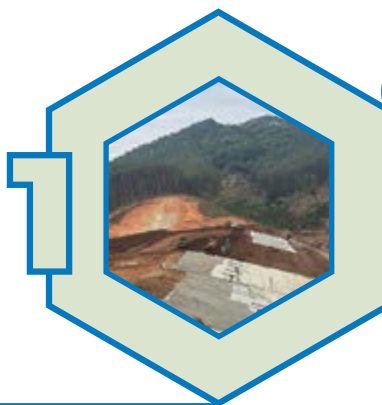
- » **Củng cố vị thế và mở rộng hợp tác quốc tế:** Nâng cao uy tín trong ngành xây dựng, đặc biệt lĩnh vực thủy lợi, tối ưu hóa năng lực sản xuất kinh doanh và tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư quốc tế.
- » **Tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và phát triển đa dạng:** Nâng cao hiệu quả đầu tư tại các đơn vị trực thuộc, thúc đẩy hợp tác chiến lược và mở rộng sang các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng để đảm bảo tăng trưởng bền vững.
- » **Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:** Ưu tiên đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có kỹ năng đáp ứng yêu cầu của ngành và tạo môi trường làm việc lý tưởng.
- » **Ứng dụng công nghệ và nâng cao năng lực thi công:** Tăng cường đầu tư vào công nghệ và thiết bị tiên tiến, đảm bảo bảo dưỡng định kỳ, tối ưu hóa chi phí và an toàn lao động.
- » **Nâng cao hiệu quả dự án và quản lý chi phí:** Tập trung hoàn thành các công trình đúng hạn với chi phí cạnh tranh, tối ưu hóa quy trình đấu thầu và quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ tư vấn thiết kế.
- » **Tái cấu trúc và tối ưu hóa chi phí:** Tiến hành tái cấu trúc biên chế, đổi mới máy móc thiết bị để tiết giảm chi phí sản xuất, mang lại giá trị công trình tốt nhất với giá cạnh tranh.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TT)

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu đối với môi trường

- Hoạt động xây dựng một cách bền vững và có trách nhiệm với môi trường. Điều này được thể hiện qua việc tuân thủ tuyệt đối các quy định bảo vệ môi trường, chủ động giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thông qua các biện pháp kiểm soát khí thải, nước thải và rác thải.
- Doanh nghiệp hướng đến xây dựng các công trình “xanh, sạch, an toàn”, tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chiến lược môi trường còn bao gồm việc áp dụng công nghệ tiên tiến để giảm phát thải, sử dụng hiệu quả năng lượng và vật liệu bền vững, hướng tới giảm thiểu dấu chân carbon và khai thác năng lượng tái tạo.
- Công tác kiểm tra, giám sát môi trường được ưu tiên hàng đầu để đảm bảo tuân thủ pháp luật và ngăn chặn các nguy cơ ô nhiễm tiềm ẩn.



Mục tiêu
đối với môi
trường

Mục tiêu đối
với xã hội và
cộng đồng

Mục tiêu
đối với
người lao
động

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

- Doanh nghiệp cam kết đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội và cộng đồng thông qua việc hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội, tạo cơ hội việc làm ổn định cho người dân địa phương từ các dự án hạ tầng. Chúng tôi luôn sẵn sàng tham gia các hoạt động từ thiện, đóng góp vào các quỹ xã hội và hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.
- Doanh nghiệp định hướng phát triển các dự án không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn giải quyết các vấn đề xã hội, hướng tới xây dựng cộng đồng văn minh. Chúng tôi tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và xã hội, đồng thời tạo điều kiện làm việc tốt, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động, hướng đến mục tiêu vì cộng đồng và ổn định an sinh xã hội trong khu vực hoạt động.



Mục tiêu đối với người lao động

- Doanh nghiệp cam kết tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện, nơi mọi người lao động có cơ hội phát triển toàn diện về kỹ năng và sự nghiệp. Mục tiêu hàng đầu là đảm bảo các chế độ đãi ngộ cạnh tranh, công bằng, cùng với các chính sách phúc lợi toàn diện, chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần cho người lao động.
- Doanh nghiệp chú trọng xây dựng văn hóa học tập, khuyến khích sự sáng tạo và đóng góp của mỗi cá nhân, tạo điều kiện để người lao động gắn bó lâu dài và phát triển cùng công ty.





CÁC RỦI RO

Các rủi ro

RỦI RO KINH TẾ

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), nền kinh tế toàn cầu đang từng bước ổn định sau những biến động do đại dịch COVID-19, xung đột địa chính trị, lạm phát và chính sách tiền tệ thắt chặt. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng vẫn thấp hơn đáng kể so với giai đoạn trước đại dịch. Theo đó, tăng trưởng toàn cầu năm 2024 đạt 2,6% và dự báo tăng nhẹ lên 2,7% trong giai đoạn 2025-2026, thấp hơn mức trung bình 3,1% của thập kỷ trước COVID-19. Điều này cho thấy hơn 80% dân số thế giới và GDP toàn cầu sẽ tăng trưởng chậm hơn so với giai đoạn trước năm 2020.

Tại Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục có những bước tiến tích cực mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước, vượt mục tiêu kiểm soát lạm phát do Quốc hội đề ra, đồng thời phản ánh sự ổn định vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế. GDP cả năm 2024 đạt mức tăng 7,09%, cao hơn mục tiêu đề ra, với tốc độ tăng trưởng từng quý đều gia tăng mạnh mẽ (quý I tăng 5,98%; quý II tăng 7,25%; quý III tăng 7,43%; quý IV tăng 7,55%). Điều này giúp Việt Nam nằm trong nhóm ít quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn đối với nền kinh tế Việt Nam là hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công. Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đạt thấp, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Cụ thể, Tổng vốn thực hiện năm 2024 đạt 661,3 nghìn tỷ đồng, tương đương 84,6% kế hoạch năm và chỉ tăng 3,3% so với năm trước, mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 2016, ngoại trừ năm 2021 khi đầu tư công giảm 7,1% do ảnh hưởng của đại dịch.

Trong môi trường cạnh tranh khốc liệt, để thành công trong quá trình đấu thầu, doanh nghiệp không chỉ cần chứng minh năng lực vượt trội về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ nhân sự và tài chính mà

còn phải thể hiện uy tín qua số lượng, giá trị các công trình trúng thầu. Trong đó, nền tảng tài chính vững mạnh đóng vai trò quan trọng, giúp đảm bảo tiến độ, chất lượng thi công. Các chủ đầu tư thường đánh giá năng lực doanh nghiệp dựa trên quy mô vốn, khả năng huy động vốn ngắn hạn và dài hạn. Bên cạnh đó, việc sở hữu trang thiết bị hiện đại và công nghệ tiên tiến cũng là yếu tố quan trọng, tổng giá trị tài sản cùng mức độ hiện đại của máy móc quyết định lợi thế cạnh tranh trong ngành.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC) hoạt động trong lĩnh vực xây lắp thủy lợi và thi công các công trình xây dựng nên luôn chịu tác động trực tiếp từ tình hình kinh tế. Trước bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới cũng như Việt Nam biến động khó lường, LHC luôn theo dõi sát sao việc nhận định về tình hình kinh tế, chính trị của thế giới và trong nước để có những quyết sách chiến lược phù hợp. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC) không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, đầu tư vào công nghệ, trang thiết bị hiện đại và xây dựng đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC) phải đối diện với một hệ thống pháp lý phức tạp và biến động. Phạm vi điều chỉnh pháp luật bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Quản lý Thuế, và các văn bản hướng dẫn chi tiết. Đặc biệt, lĩnh vực xây dựng thủy lợi đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định đặc thù như Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, và Luật Tài nguyên nước,...Việc tuân thủ các quy định liên quan đến thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, cấp phép xây dựng, bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng, nếu vi phạm có thể dẫn đến đình chỉ dự án hoặc chịu chế tài xử phạt hành chính.

Hiện nay, quy định pháp luật liên tục thay đổi, đặc biệt là các quy định liên quan đến đấu thầu, đầu tư công, môi trường và an toàn lao động ngày càng chặt chẽ, đòi hỏi Công ty phải liên tục cập nhật và điều chỉnh hoạt động để đảm bảo tuân thủ pháp luật. Việc không kịp thời thích ứng có thể khiến doanh nghiệp mất cơ hội tham gia các dự án lớn hoặc chịu chế tài từ cơ quan quản lý nhà nước.

Ngoài ra, theo Luật Lao động, Công ty phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động và đảm bảo an toàn lao động tại công trường, bởi rủi ro tai nạn trong lĩnh vực xây dựng là đáng kể, có thể gây tranh chấp lao động hoặc gián đoạn hoạt động kinh doanh. Trong lĩnh vực tài chính, theo Luật Quản lý thuế, LHC phải thực hiện đúng nghĩa vụ kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác, tránh rủi ro bị truy thu, xử phạt hành chính hoặc điều tra vi phạm thuế. Đồng thời, là doanh nghiệp niêm yết, Công ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán về công bố thông tin tài chính, đảm bảo minh bạch, chính xác, tránh vi phạm làm ảnh hưởng đến uy tín và giá cổ phiếu. Sự thay đổi liên tục của hệ thống pháp luật đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt là yêu cầu cập nhật và tuân thủ

các quy định mới như Luật số 56/2024/QH15 (ban hành ngày 29/11/2024, có hiệu lực từ 01/01/2025) sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Quản lý Thuế, v.v. và Thông tư 68/2024/TT-BTC (ban hành ngày 18/09/2024, có hiệu lực kể từ ngày 02/11/2024), trong đó có quy định bắt buộc doanh nghiệp niêm yết phải công bố thông tin định kỳ bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025. Việc không kịp thời cập nhật và thực hiện theo các quy định mới có thể dẫn đến nguy cơ vi phạm pháp luật và bị xử phạt.

Để giảm thiểu rủi ro pháp lý, LHC đã triển khai các biện pháp như thường xuyên cập nhật quy định mới, hợp tác với đơn vị tư vấn pháp lý, đầu tư vào công nghệ, đào tạo nhân sự và thực hiện giám sát định kỳ để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật. Việc thực hiện nghiêm túc các yêu cầu pháp lý không chỉ giúp Công ty giảm thiểu rủi ro mà còn nâng cao uy tín, năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng phát triển bền vững trong tương lai.



CÁC RỦI RO (TT)

RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành thi công công trình dân dụng là lĩnh vực có mức độ cạnh tranh cao, chịu tác động từ nhiều yếu tố như quy mô thị trường, năng lực tài chính, trình độ công nghệ và biến động của chính sách pháp luật. Để tồn tại và phát triển trong môi trường này, các doanh nghiệp cần chuẩn bị toàn diện, bao gồm năng lực cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng cao từ phía khách hàng và chủ đầu tư.

Đặc thù ngành xây dựng yêu cầu nguồn vốn đầu tư lớn, trong khi dòng tiền thường bị chiếm dụng trong thời gian dài trước khi dự án được bàn giao và thanh toán. Nếu không có năng lực tài chính vững mạnh và quản trị vốn hiệu quả, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động và thực hiện các dự án đã ký kết. Bên cạnh đó, xu hướng hiện nay cho thấy các chủ đầu tư ngày càng ưu tiên lựa chọn nhà thầu có sở hữu hệ thống máy móc hiện đại và công nghệ thi công tiên tiến, đảm bảo phù hợp với đặc thù về điều kiện địa lý, khí hậu và yêu cầu kỹ thuật của từng dự án.

Ngoài ra, rủi ro cạnh tranh còn đến từ chiến lược cạnh tranh về giá, điều này có thể làm giảm biên lợi nhuận và ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Việc tham gia đấu thầu với mức giá thấp tạo ra áp lực tài chính lớn, tiềm ẩn nguy cơ không đảm bảo tiến độ hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, dẫn đến tổn thất về uy tín và năng lực cạnh tranh dài hạn của doanh nghiệp.

Nhận thức rõ những thách thức này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC) đã không ngừng cải thiện năng lực cạnh tranh thông qua đầu tư vào công nghệ và trang thiết bị hiện đại, đào tạo đội ngũ nhân viên kỹ thuật có chuyên môn cao và tối ưu hóa quy trình quản lý chi phí. Đồng thời, Công ty luôn nỗ lực cập nhật nhu cầu thị trường và xu hướng của ngành, từ đó xây dựng chiến lược kinh doanh linh hoạt, nâng cao vị thế và uy tín trong lĩnh vực thi công xây dựng.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình thi công xây dựng, Công ty cần thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho người lao động và cộng đồng xung quanh. Các yếu tố rủi ro môi trường mà doanh nghiệp có thể đối mặt bao gồm phát sinh từ nước thải, khí thải hoặc chất thải xây dựng, có nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường địa phương. Quá trình giải phóng mặt bằng và thi công cũng tiềm ẩn những tác động không mong muốn đến môi trường sống của cư dân gần khu vực công trình.

Nhận thức rõ điều này, LHC không ngừng cải thiện các chính sách và quy trình bảo vệ môi trường. Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, như kiểm soát tiếng ồn, hạn chế thi công vào ban đêm tại khu vực đông dân cư, và xử lý nước thải theo đúng tiêu chuẩn quy định, nhằm đảm bảo hoạt động thi công tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp lý, đồng thời góp phần xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch và bền vững.



RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC) hoạt động trong lĩnh vực Thi công xây dựng, do đó chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động giá nguyên vật liệu, đặc biệt là thép, xi măng và vật liệu xây dựng – các yếu tố đầu vào quan trọng quyết định chi phí thi công. Biến động giá nguyên vật liệu có thể làm gia tăng chi phí, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp, đặc biệt đối với các hợp đồng có đơn giá cố định hoặc thời gian thi công kéo dài.

Theo Báo cáo của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) năm 2024, giá thép trung bình trong năm có xu hướng giảm, với giá thép cây CB300 vào cuối năm khoảng 13,7 triệu đồng/tấn, giảm so với 14,4 triệu đồng/tấn vào đầu năm. Trên thị trường quốc tế, giá quặng sắt trung bình năm 2024 đạt 109,4 USD/tấn, giảm 8,7% so với năm 2023, trong khi giá thép phế liệu giao dịch tại cảng Đông Á vào tháng 12/2024 ở mức 342,1 USD/tấn, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù giá nguyên liệu đầu vào có xu hướng giảm, nhưng sự biến động này vẫn tiềm ẩn rủi ro lớn đối với doanh nghiệp do ảnh hưởng của cung – cầu thị trường và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác.

Bên cạnh đó, thị trường xi măng Việt Nam năm 2024 ghi nhận sự biến động đáng kể về giá cả do ảnh hưởng của chi phí sản xuất và biến động cung cầu. Ngày 17/12/2024, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1202/QĐ-BXD, công bố Chỉ số giá xây dựng quốc gia năm 2024, phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng công trình trên phạm vi cả nước. Trong bối cảnh thị trường Bất động sản rơi vào trạng thái trầm lắng, sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng vật liệu xây dựng lại thể hiện những tín hiệu trái chiều, phản

ánh rõ rệt sự mất cân đối giữa cung – cầu.

Cụ thể, đối với mặt hàng xi măng, Bộ Xây dựng ghi nhận sản lượng sản xuất năm 2024 đạt 91 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2023; lượng tiêu thụ khoảng 91 triệu tấn, tăng 2%. Trong đó, tiêu thụ nội địa ở mức 60 triệu tấn, tăng khoảng 6%; xuất khẩu sản phẩm xi măng và clinker khoảng 31 triệu tấn với giá trị xuất khẩu đạt 1,1 tỷ USD. Đối với gạch ốp lát, sản lượng sản xuất trong năm 2024 đạt khoảng 450 triệu m², tăng 15%; sản lượng tiêu thụ ở mức 405 triệu m², tăng 15% so với năm trước,... Một số vật liệu khác có sản lượng sản xuất giảm như sản lượng sản xuất và tiêu thụ vôi đạt 2,2 triệu tấn, giảm 5%; đá ốp lát đạt khoảng 11 triệu m²; tấm lợp fibro xi măng đạt khoảng 32 triệu m²; vật liệu xây đạt 23 tỷ viên.

Trước những rủi ro này, LHC đã triển khai nhiều giải pháp nhằm kiểm soát tác động của biến động giá nguyên vật liệu. Công ty thực hiện giám sát chặt chẽ hàng tồn kho, duy trì lượng dự trữ hợp lý để tránh thiếu hụt hoặc mua vào thời điểm giá cao. Đồng thời, LHC chủ động ký kết hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp chiến lược, giúp ổn định giá mua và đảm bảo nguồn cung bền vững. Đặc biệt, Công ty tận dụng lợi thế cung ứng nguyên vật liệu từ Công ty con là LBM, giúp LHC đảm bảo nguồn cung đầu vào ổn định với giá cả cạnh tranh, từ đó giảm thiểu rủi ro biến động giá nguyên vật liệu.



CÁC RỦI RO (tt)

RỦI RO DỰ ÁN

Rủi ro dự án trong ngành thi công công trình xuất phát từ những vấn đề phát sinh trong quá trình đấu thầu và triển khai các công trình xây dựng. Đặc thù ngành thi công đòi hỏi thời gian thực hiện các hợp đồng kéo dài, dẫn đến ảnh hưởng độ nghiệm thu và gây ra khó khăn trong việc quản lý vốn của doanh nghiệp. Điều này đặt các công ty vào tình trạng vòng quay vốn chậm, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn như thủy lợi và thủy điện, rủi ro dự án là một thách thức không thể tránh khỏi, khi phải đảm bảo đủ nguồn lực tài chính lớn để chi trả chi phí trong thời gian dài trước khi hoàn thành và bàn giao.

Các doanh nghiệp xây dựng phải linh hoạt trong việc tìm kiếm các giải pháp tài chính linh hoạt, ví dụ như nguồn tài trợ từ ngân hàng hoặc các kênh tài chính khác. Tuy nhiên, sự biến động của lãi suất và điều kiện tín dụng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận vốn, làm gia tăng áp lực tài chính lên doanh nghiệp. Đặc biệt là khi lãi suất tăng cao hoặc điều kiện tín dụng thắt chặt, doanh nghiệp gặp thêm nhiều khó khăn trong việc duy trì hoạt động cũng như là duy trì dòng tiền ổn định để đảm bảo tiến độ thi công.

Ngoài ra, các dự án thi công công trình dân dụng và thủy lợi thường đối mặt với rủi ro về tiến độ do các yếu tố khách quan như điều kiện thời tiết, thay đổi trong quy trình phê duyệt hồ sơ thiết kế, chậm trễ trong công tác giải phóng mặt bằng hoặc những điều chỉnh từ phía chủ đầu tư. Những yếu tố này có thể làm tăng chi phí phát sinh, ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhằm giảm thiểu những rủi ro này, LHC đã tập trung tối ưu hóa quản lý dòng vốn lưu động, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ và đảm bảo cung ứng đầy đủ vật tư, thiết bị phục vụ các công trình một cách kịp thời và hiệu quả. Công ty cũng tăng cường năng lực tài chính thông qua hợp tác với các tổ chức tín dụng, xây dựng chiến lược sử dụng vốn hợp lý nhằm giảm thiểu tác động từ biến động thị trường tài chính và duy trì sự ổn định trong hoạt động triển khai dự án. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện kiểm soát chặt chẽ tiến độ, chi phí và dòng tiền nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Ngành xây dựng, với đặc thù công việc phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ, luôn được xếp vào nhóm ngành có nguy cơ cao về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Các hoạt động thi công, sửa chữa, và vận hành thiết bị trong ngành này thường tiềm ẩn nhiều rủi ro, đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động. Đặc biệt, trong lĩnh vực thi công các công trình xây dựng, người lao động phải làm việc trong các điều kiện khắc nghiệt như thời tiết xấu, sử dụng máy móc thiết bị nặng, huy động nhiều nhân công và thi công với tiến độ gấp, dẫn đến nguy cơ cao về tai nạn lao động. Ngoài ra, công ty còn chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các công trình phụ cận.

Sự thiếu sót trong công tác giám sát an toàn lao động có thể gây ra cho các nhà thầu như LHC những tổn thất lớn về tài chính và uy tín khi xảy ra sự cố.

Nhằm giảm thiểu rủi ro về an toàn lao động, LHC đã triển khai xây dựng các quy trình và quy định an toàn nghiêm ngặt. Công ty bố trí người hướng dẫn tại các công trình, lắp đặt các biển cảnh báo nguy hiểm, đồng thời thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc và thiết bị thi công. LHC cũng đầu tư mới vào các trang thiết bị hiện đại, đảm bảo cung cấp đầy đủ đồ bảo hộ lao động và triển khai các gói bảo hiểm cho nhân viên để giảm thiểu tác động với các rủi ro có thể xảy ra.

RỦI RO KHÁC

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, với các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt và sạt lở đất xảy ra thường xuyên. Những sự kiện này không chỉ gây thiệt hại trực tiếp đến các công trình xây dựng mà còn làm gián đoạn tiến độ thi công, tăng chi phí và giảm hiệu quả kinh doanh. Ngoài ra, mặc dù đại dịch COVID-19 đã được kiểm soát, nhưng nguy cơ bùng phát các dịch bệnh mới vẫn hiện hữu, có thể dẫn đến thiếu hụt lao động, gián đoạn chuỗi cung ứng và làm giảm nhu cầu thị trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng nói chung và đến LHC nói riêng.

Bên cạnh các rủi ro về thiên tai và dịch bệnh, Công ty còn đối mặt với những rủi ro bất khả kháng khác như động đất, chiến tranh hay khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Mặc dù những rủi ro này không thường xuyên xảy ra, nhưng khi xuất hiện, chúng có thể gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc phòng ngừa và giảm thiểu tác động của các rủi ro bất khả kháng luôn được coi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

Nhận thức được điều này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã không ngừng triển khai các biện pháp phòng ngừa. Các biện pháp bao gồm truyền thông linh hoạt, lập kế hoạch và xây dựng các phương án ứng phó cần thiết, nhằm hạn chế tối đa tổn thất có thể xảy ra và duy trì hoạt động ổn định trong bối cảnh nhiều thách thức khó lường.



02 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2024

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2024

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu và trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức do suy thoái và xung đột địa chính trị, tạo ra những áp lực lớn cho hoạt động phát triển. Mặc dù Chính phủ đã nỗ lực thúc đẩy kinh tế, đặc biệt là thông qua giải ngân đầu tư công, ngành xây dựng vẫn gặp nhiều khó khăn về giá nguyên vật liệu, thị trường vốn và tăng trưởng tín dụng. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công cũng còn nhiều trở ngại. Năm 2024, giải ngân vốn đầu tư công ước đạt 84,47% kế hoạch, tương đương 93,06% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, với tổng số vốn giải ngân khoảng 635.579,9 tỷ đồng.

ĐVT: Triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	KH 2024	TH 2024	TH 2023	% TH 2024/ KH 2024	% TH 2024/ TH 2023
1	Doanh thu thuần	1.100.000	1.204.784	1.119.271	109,53%	107,64%
2	Giá vốn hàng bán	-	982.365	842.466	-	116,61%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	-	121.711	155.869	-	78,09%
4	Lợi nhuận trước thuế	103.500	147.214	161.293	142,24%	91,27%
5	Lợi nhuận sau thuế	-	116.936	126.275	-	92,60%

Trong bối cảnh thị trường biến động, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng và thủy lợi, Ban lãnh đạo LHC đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tối ưu hóa chi phí và tìm kiếm cơ hội tăng trưởng, từ đó đạt được kết quả khả quan. Doanh thu từ hoạt động thi công xây dựng tăng so với cùng kỳ nhờ mở rộng thêm một số công trình mới. Cụ thể, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.204.784 triệu đồng, tăng 7,64% so với năm 2023 và đạt 109,53% so với kế hoạch ĐHCĐ đầu năm, phần lớn nhờ vào mảng thi công xây dựng.

Mặc dù doanh thu tăng trưởng, nhưng biến động mạnh của giá nguyên vật liệu xây dựng đã tạo áp lực lên giá vốn. Giá vốn hàng bán tăng 139.899 triệu đồng, tương đương tăng hơn 16% so với cùng kỳ năm 2023 (trong khi đó doanh thu thuần chỉ tăng gần 10%), dẫn đến kết quả lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt chỉ đạt 147.214 triệu đồng và 116.936 triệu đồng, đồng loạt giảm -8,73% và -7,40% so với cùng kỳ năm trước.

CƠ CẤU DOANH THU TỪNG MẢNG TRONG NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	2023		2024		% TH 2024/ TH 2023
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu thi công	993.715	88,74%	1.077.728	89,31%	108,45%
2	Doanh thu VLXD và khai thác mỏ	44.252	3,95%	52.306	4,33%	118,20%
3	Doanh thu gạch	21.394	1,91%	13.503	1,12%	63,12%
4	Doanh thu gốm sứ chịu lửa	32.241	2,88%	32.413	2,69%	100,53%
5	Doanh thu cao lanh	23.938	2,14%	17.841	1,48%	74,53%
6	Doanh thu điện năng lượng mặt trời	4.268	0,38%	13.001	1,08%	304,62%
	Tổng cộng	1.119.808	100,00%	1.206.792	100,00%	107,77%

Hoạt động thi công, xây dựng tiếp tục là nguồn thu chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng trong năm 2024, đóng góp 89,31% vào tổng doanh thu, tương đương 1.077.728 triệu đồng. So với năm trước, doanh thu từ mảng này tăng 8,45% (84.013 triệu đồng), có tác động tích cực đến tổng doanh thu, chủ yếu do doanh thu thi công công trình tăng 9% nhờ việc triển khai lại các công trình đình trệ do giải phóng mặt bằng.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác mỏ tại Công ty con LBM đạt 52.306 triệu đồng trong năm 2024, tăng 18,20% (8.054 triệu đồng) so với năm 2023. Tuy nhiên, kết quả này bị ảnh hưởng bởi khó khăn trong kinh doanh vật liệu xây dựng do thời tiết tiêu cực tại Lâm Đồng và xu hướng giảm nhu cầu vật tư xây dựng chung của thị trường.

Bên cạnh đó, các hoạt động sản xuất khác có sự biến động. Đáng chú ý, doanh thu điện năng lượng mặt trời tăng mạnh 304,62% (từ 4.268 triệu đồng lên 13.001 triệu đồng) nhờ khai thác tối đa công suất kho bãi, văn phòng. Thành công trong năm 2024 là kết quả của sự chủ động của Ban lãnh đạo, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và nỗ lực của toàn thể CBCNV, giúp Công ty phát triển mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng và thi công công trình.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)		Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
			Cá nhân	Đại diện		
1	Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	91.600	-	0,64%	-
2	Trần Đại Hiền	Phó TGD	0	-	0%	-
3	Nguyễn Văn Sơn	Phó TGD	0	-	0%	-
4	Hầu Văn Tuấn	Giám đốc Tài chính	4.900	-	0,03%	-
5	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	35.504	-	0,17%	-

(*) Căn cứ danh sách cổ đông ĐKCC tại ngày 20/03/2025

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024:

Nghị quyết HĐQT Số: 10/2024/NQ-HĐQT/LHC ngày 05/11/2024: Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty với ông Nguyễn Văn Sơn kể từ ngày 05/11/2024.





LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG LÊ VĂN QUÝ

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Xây dựng
Nơi sinh: Nam Định

Quá trình công tác:

07/1999- 07/2007	Trưởng phòng Kế hoạch – kỹ thuật Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Lâm Đồng
08/2007 - 01/2012	Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
02/2012 - 07/2020	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
04/2016 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng
04/2016 - 04/2021	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
07/2020 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM).

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 91.600 cổ phiếu, chiếm 0,64% vốn điều lệ.

ÔNG NGUYỄN VĂN SƠN

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 20/4/1970
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng Công Trình Thủy lợi
Nơi sinh: Hà Tĩnh

Quá trình công tác:

08/2002 - 06/2004	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
07/2004 - 05/2005	Trưởng ban Công trình Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
06/2005 - 09/2009	Đi học sau Đại học
10/2009 - 10/2011	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang
11/2011 - 2/2013	Trưởng ban chỉ huy công trình Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
03/2013 - 11/2021	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
12/2021 - 8/3/2025	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40
05/11/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
8/3/2025 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- + Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.
- + Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TT)

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH (TT)

ÔNG TRẦN ĐẠI HIỀN

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân, chuyên ngành quản lý sản xuất kinh doanh công nghiệp

Nơi sinh: Thành phố Huế

Quá trình công tác:

08/2013 - 01/2022:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
04/2017 - nay:	Thành viên BKS Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
02/2022 - nay:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1987

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Nơi sinh: Sơn La

Quá trình công tác:

30/06/2012 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng
01/10/2023 - nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

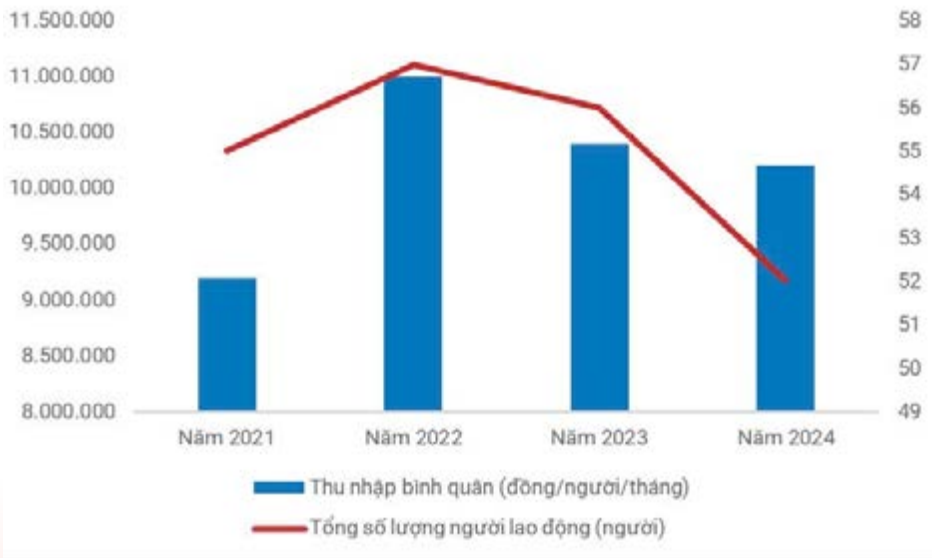
Sở hữu cá nhân: 35.504 Cổ phiếu, chiếm 0,25% vốn điều lệ.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Chỉ tiêu	2023		2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	56	100,00%	52	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	20	35,71%	21	40%
2	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	28	50,00%	24	50%
3	Lao động phổ thông	8	14,29%	7	10%
II	Theo giới tính	56	100,00%	52	100,00%
1	Nam	51	91,07%	47	91,07%
2	Nữ	5	8,93%	5	8,93%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	56	100,00%	52	100,00%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	9	16,07%	3	6%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	47	83,93%	49	94%
Tổng cộng		57	100,00%	52	100,00%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	55	57	56	52
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.200.000	11.000.000	10.400.000	10.700.000



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ TUYỂN DỤNG

Chính sách tuyển dụng đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng, tạo sự gắn kết lâu dài với Công ty và nâng cao hiệu quả hoạt động. Một chiến lược tuyển dụng hiệu quả không chỉ giúp doanh nghiệp thu hút nhân tài và đáp ứng nhu cầu nhân lực, mà còn góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu LHC trên thị trường lao động, tạo lợi thế cạnh tranh.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (LHC) xây dựng chính sách tuyển dụng như một quá trình chiến lược, được thực hiện theo các tiêu chí rõ ràng và quy trình chuyên nghiệp. Mỗi vị trí công việc tại Công ty đều được mô tả cụ thể, yêu cầu năng lực rõ ràng và được tuyển dụng dựa trên khung năng lực tiêu chuẩn, nhằm lựa chọn ứng viên phù hợp nhất với yêu cầu chuyên môn và văn hóa doanh nghiệp.

Với định hướng tuyển dụng lao động từ địa phương, LHC chú trọng mở rộng cơ hội việc làm, đồng thời góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại khu vực nơi Công ty hoạt động, đặc biệt là tỉnh Lâm Đồng. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng cải tiến chính sách tuyển dụng và đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng nhân sự, cải thiện năng suất lao động và xây dựng đội ngũ nhân viên trở thành giá trị cốt lõi cho doanh nghiệp.

Để đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong tuyển dụng, đồng thời tối ưu hóa quy trình tuyển dụng và tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng, Công ty công khai thông tin tuyển dụng trên website chính thức và các kênh tuyển dụng uy tín, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường lao động, tạo lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong dài hạn.



VỀ ĐÀO TẠO

Đào tạo nhân sự đóng vai trò cốt lõi trong việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, mỗi doanh nghiệp, trong đó có LHC, cần có chiến lược đào tạo bài bản nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc cho đội ngũ nhân viên.

Tại LHC, công tác đào tạo được triển khai theo hướng tự đào tạo, đặc biệt chú trọng vào đội ngũ cán bộ trẻ. Mục tiêu dài hạn của công ty là xây dựng đội ngũ nhân viên có tác phong làm việc chuyên nghiệp, linh hoạt và có khả năng thích nghi tốt với các đề án do Ban lãnh đạo đề ra. Nhân viên không chỉ được đào tạo chuyên môn mà còn được khuyến khích tinh thần trách nhiệm, cống hiến vì sự phát triển chung của tập thể.

Đặc thù ngành thi công công trình đòi hỏi đội ngũ kỹ sư và nhân viên phải có kiến thức chuyên môn vững chắc và kinh nghiệm thực tế. Vì thế, LHC thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện kỹ năng nhằm rút ngắn thời gian thích nghi với công việc của nhân viên mới, đồng thời chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cấp trung.

Ngoài ra, LHC khuyến khích sự chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhân viên thông qua các buổi trao đổi và thảo luận, giúp thúc đẩy văn hóa học hỏi và phát triển không ngừng trong tổ chức. Mô hình đào tạo này không chỉ nâng cao năng lực cá nhân mà còn góp phần xây dựng một tập thể vững mạnh, sẵn sàng thích nghi với những thách thức mới.



VỀ CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

LHC luôn đặt chế độ lương, thưởng và phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên lên hàng đầu, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động. Công ty thường xuyên điều chỉnh chính sách đãi ngộ để phù hợp với từng trường hợp và đáp ứng nhu cầu của nhân viên. Quý khen thưởng và phúc lợi được trích lập theo đúng quy định, nhằm đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, từ đó thúc đẩy sự gắn bó và đóng góp của nhân viên.

Quyền lợi của người lao động được đảm bảo bằng chế độ làm việc theo Luật Lao động và quy định nội bộ, với thời gian làm việc không quá 48 giờ/tuần, cùng với các chế độ nghỉ Lễ, Tết và nghỉ có lương theo quy định. Chính sách làm thêm giờ được áp dụng đúng luật đối với các trường hợp làm việc vào ngày nghỉ.

Để tạo ra một môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên, ban lãnh đạo LHC luôn lắng nghe và thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ, từ đó không ngừng hoàn thiện và nâng cao các chính sách phúc lợi.

VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Trong thị trường lao động đầy cạnh tranh, ngoài chế độ đãi ngộ và thu nhập hấp dẫn, môi trường làm việc là yếu tố quan trọng để thu hút và giữ chân nhân viên. Do đó, Công ty luôn chú trọng đầu tư vào cơ sở vật chất tiện nghi, đáp ứng đầy đủ nhu cầu làm việc của nhân viên. Đặc biệt, LHC đặt an toàn lao động lên ưu tiên hàng đầu, trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ để giảm thiểu rủi ro cho người lao động, tạo điều kiện làm việc an toàn và yên tâm.

LHC cũng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, tạo điều kiện để mỗi nhân viên phát huy năng lực, thể hiện trách nhiệm và cùng hướng đến thành công chung. Công ty coi trọng sự phát triển và hạnh phúc của nhân viên, tạo ra một môi trường làm việc mà mỗi cá nhân đều tự hào là một phần.

Để tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên, LHC không ngừng xây dựng một môi trường làm việc lành mạnh, cung cấp nhiều cơ hội để nhân viên rèn luyện, phát triển bản thân và thăng tiến trong sự nghiệp.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

MỘT SỐ GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

01. THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ SỐ 6A: NẠO VÉT, GIA CỐ TUYẾN SUỐI CÁI NHÁNH CHÍNH TỪ K10+889 ĐẾN K12+891,6

- **Dự án** Nạo vét, gia cố suối Cái đoạn từ cầu Thợ Lật đến sông Đồng Nai.
- **Chủ đầu tư** Ban Quản lý dự án ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương.
- **Nhà thầu** Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và Công ty TNHH Đầu tư – Xây dựng Nguyên Cát.
- **Công trình chính** Nạo vét, gia cố tuyến Suối Cái nhánh chính từ K10+889 đến K12+891,6.
- **Giá trị đảm bảo thực hiện hợp đồng cho bên thầu là:** 12.832.897.490 đồng (5% giá trị hợp đồng). Trong đó, LHC thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 3.843.452.799 đồng (29,95% giá trị bảo đảm).
- **Ngày khởi công** 25/12/2024.
- **Thời gian thực hiện hợp đồng** 540 ngày kể từ ngày khởi công.
- **Giá trị hợp đồng** 256.657.949.799 đồng (bao gồm tất cả các dịch vụ và chi phí).
- **Ngày ký hợp đồng** 21/12/2024.

02. THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ SỐ 4: NẠO VÉT, GIA CỐ TUYẾN SUỐI CÁI NHÁNH CHÍNH TỪ K6+608 ĐẾN K10+409.

- **Dự án** Nạo vét, gia cố suối Cái đoạn từ cầu Thợ Lật đến sông Đồng Nai.
- **Chủ đầu tư** Ban Quản lý dự án ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương.
- **Nhà thầu** Liên danh Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Đại Phong và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- **Công trình chính** Nạo vét, gia cố tuyến Suối Cái nhánh chính từ K6+608 đến K10+409.
- **Giá trị đảm bảo thực hiện hợp đồng cho bên thầu là:** 16.973.485.449 đồng (5% giá trị hợp đồng). Trong đó, LHC thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 7.755.185.502 (45,69% giá trị bảo đảm).
- **Ngày khởi công** 25/12/2024.
- **Thời gian thực hiện hợp đồng** 540 ngày kể từ ngày khởi công.
- **Giá trị hợp đồng** 339.469.708.989 đồng (bao gồm tất cả các dịch vụ và chi phí).
- **Ngày ký hợp đồng** 21/12/2024.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN_(TT)

MỘT SỐ GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

03. GÓI THẦU SỐ 15: KÊNH CHÍNH ĐOẠN K13+630 ĐẾN K17+400.

- **Dự án** Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2.
- **Chủ đầu tư** Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh.
- **Nhà thầu** Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- **Công trình chính** Kênh chính đoạn K13+630 đến K17+400.
- **Giá trị đảm bảo thực hiện hợp đồng cho bên thầu là** 10% giá trị hợp đồng.
- **Thời gian thực hiện hợp đồng** 18 tháng.
- **Giá trị hợp đồng** 30.648.184.000 đồng (thuế VAT 10%).
- **Ngày ký hợp đồng** 02/10/2024.

04. THI CÔNG CÔNG TRÌNH NẠO VẾT SUỐI TÂN LẬP, HUYỆN ĐẠ TÊH

- **Ngày khởi công** 01/08/2022
- **Dự án** Nạo Vết Suối Tân Lập, huyện Đạ Tẻh
- **Nhà thầu** Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- **Nhà đầu tư** Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình công cộng Huyện Đạ Tẻh
- **Tiến độ thực hiện** Đã hoàn thành



NẠO VẾT SUỐI TÂN LẬP, HUYỆN ĐẠ TÊH

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN_(TT)

XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC ĐÔNG THANH, HUYỆN LÂM HÀ



MỘT SỐ GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

05. NÂNG CẤP KÊNH CHÍNH ĐẠ RÒN; KÊNH CẤP 1 CAM LY THƯỢNG VÀ KÊNH N3 ĐẠ ĐỒN

- Thi công nâng cấp kênh chính Đạ Ròn; Kênh Cấp 1 Cam Ly Thượng và Kênh N3 Đạ Đờn

- Ngày khởi công: 10/09/2021
- Tên Dự án: Nâng cấp Kênh chính Đạ Ròn; Kênh Cấp 1 Cam Ly Thượng và Kênh N3 Đạ Đờn Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
- Nhà đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng
- Tiến độ thực hiện: Đã hoàn thành

06. XÂY DỰNG HỒ CHỨA NƯỚC ĐÔNG THANH, HUYỆN LÂM HÀ

- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị hạng mục cụm công trình đầu mối và công trình quản lý, vận hành

- Ngày khởi công: Sau 10 ngày kể từ ngày chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công công trình
- Tên Dự án: Xây dựng Hồ chứa nước Đông Thanh, huyện Lâm Hà
- Nhà thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (đảm nhận thực hiện thi công trọn gói bao gồm thực hiện cơ khí và một phần đập), liên danh: LHC – L40 – 36.
- Nhà đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng công trình công cộng huyện Lâm Hà
- Tiến độ thực hiện: Đang thực hiện



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN_(TT)

MỘT SỐ GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

07. XÂY DỰNG HỒ CHỨA KA ZAM, HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị cụm công trình đầu mối

- Ngày khởi công 23/11/2023
- Tên Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Ka Zam, huyện Đơn Dương
- Bên nhận thầu Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 - Công ty Cổ phần Xây dựng 47
- Tên nhà đầu tư Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện Đơn Dương
- Tiến độ thực hiện Đang thực hiện



08. GÓI THẦU SỐ 10: KÊNH TƯỚI BN (1,2,3,4) VÀ KÊNH TIÊU T (1,2,3). DỰ ÁN: TRẠM BƠM TÂN LONG

- Hợp đồng thi công, xây dựng công trình.

- Chủ đầu tư Ban dự án quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh.
- Dự án Trạm bơm Tân Long.
- Nhà thầu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- Công trình chính Kênh tưới BN (1,2,3,4) và kênh tiêu T (1,2,3).
- Ngày ký kết Hợp đồng 18/01/2024.
- Giá trị hợp đồng 12.585.745.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).
- Tiến độ thực hiện Đang thực hiện

09. GÓI THẦU: TRANG BỊ HỆ THỐNG CÀO RÁC THÔ TẠI HỌNG THU NƯỚC SÔNG TRẠM BƠM HÒA PHÚ

- Hợp đồng cung cấp và lắp đặt hàng hóa

- Tên dự án Trang bị hệ thống cào rác thô tại hòng thu nước sông trạm bơm Hòa Phú.
- Chủ đầu tư Tổng công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH một thành viên (SAWACO).
- Nhà thầu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- Giá trị hợp đồng 4.698.100.000 đồng (bao gồm tất cả các dịch vụ và chi phí).
- Ngày ký kết Hợp đồng 13/12/2023.
- Tiến độ thực hiện Đang thực hiện



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN_(TT)

MỘT SỐ GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

10. GÓI THẦU SỐ 10: THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI VÀ THU GỌN VỆ SINH LÒNG HỒ THUỘC HỒ CHỨA NƯỚC TA HOẾT, HUYỆN ĐỨC TRỌNG

- **Tên dự án** Xây dựng hồ chứa nước Ta Hoét, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- **Chủ đầu tư** Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng.
- **Nhà thầu** Liên danh LHC – ICCO40 – CC47 – 68. Thành viên đứng đầu Liên danh: LHC
- **Giá trị hợp đồng** 319.416.079.547 đồng.
- **Ngày ký hợp đồng** 20/12/2021.
- **Tiến độ thực hiện** Đang thực hiện

11. GÓI THẦU SỐ 18: THI CÔNG XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HẠNG MỤC HỆ THỐNG KÊNH VÀ CÔNG TRÌNH TRÊN KÊNH

- Hợp đồng xây dựng, lắp đặt thiết bị hạng mục hệ thống kênh và công trình trên kênh.

- **Tên dự án** Xây dựng hồ chứa nước Đông Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
- **Chủ đầu tư** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và công trình công cộng huyện Lâm Hà.
- **Nhà thầu** Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.
- **Giá trị hợp đồng** 72.051.846.901 đồng
- **Ngày khởi công** 10/01/2023.
- **Tiến độ thực hiện** Đang thực hiện
- **Ngày ký hợp đồng** 27/12/2022.
- **Tiến độ thực hiện** Đang thực hiện

12. ĐẦU TƯ: DỰ ÁN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC DOANH NGHIỆP SAP B1

- Hợp đồng cung cấp bản quyền phần mềm và dịch vụ triển khai phần mềm quản trị hiệu suất doanh nghiệp

- **Bên cung cấp dịch vụ** Công ty Cổ phần Công nghệ FOXAI
- **Giá trị hợp đồng** 10.697.935.760 đồng.
- **Ngày ký hợp đồng** 17/02/2025.
- **Tiến độ thực hiện** Đang thực hiện



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN_(TT)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP :

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2023	Năm 2024	% 2024/2023
1	Vốn điều lệ	200.000	400.000	200,00%
2	Tổng giá trị tài sản	769.876	813.953	105,73%
3	Doanh thu thuần	901.724	873.041	96,82%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	263.447	192.442	73,05%
5	Lợi nhuận khác	599	-415	-69,28%
6	Lợi nhuận trước thuế	159.877	104.123	65,13%
7	Lợi nhuận sau thuế	125.241	82.616	65,97%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2023	Năm 2024	% 2024/2023
1	Vốn điều lệ	36.000	36.000	100,00%
2	Tổng giá trị tài sản	185.797	184.183	99,13%
3	Doanh thu thuần	110.598	254.785	230,37%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.849	14.231	243,31%
5	Lợi nhuận khác	3.174	46.723	1.472,05%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.395	53.715	3.850,54%
7	Lợi nhuận sau thuế	1.111	42.586	3.833,12%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG 40.10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2024
1	Vốn điều lệ	36.200
2	Tổng giá trị tài sản	53.737
3	Doanh thu thuần	20.674
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.407
5	Lợi nhuận khác	-
6	Lợi nhuận trước thuế	416
7	Lợi nhuận sau thuế	333

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2023	Năm 2024	% 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	1.098.510	1.196.612	108,93%
2	Doanh thu thuần	1.119.271	1.204.784	107,64%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	155.869	121.711	78,09%
4	Lợi nhuận trước thuế	161.293	147.214	91,27%
5	Lợi nhuận sau thuế	126.275	116.936	92,60%

DOANH THU THUẦN

1.204.784

Triệu đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

116.936

Triệu đồng



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,81	1,45
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,42	1,11
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	37,23	37,64
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	59,30	60,36
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,70	6,88
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,05	1,05
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	11,28	9,71
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	19,39	16,29
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	11,86	10,19
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	13,93	10,10

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

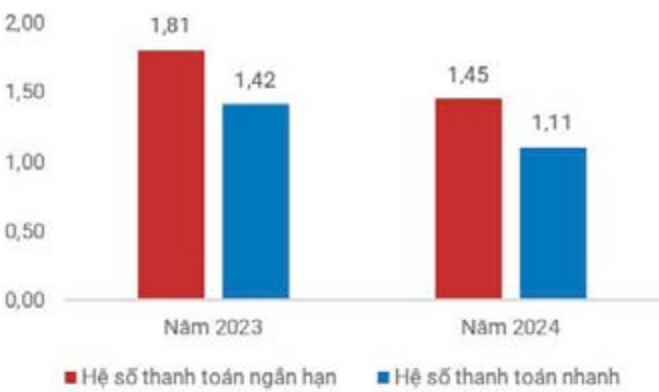
ĐÁNH GIÁ/NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Các chỉ số thanh toán của Công ty cho thấy xu hướng giảm nhẹ so với năm 2023. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,81 xuống còn 1,45, và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,42 xuống còn 1,11. Điều này chủ yếu xuất phát từ việc tài sản ngắn hạn của Công ty giảm 8,07% trong khi nợ ngắn hạn tăng 14,71% so với năm trước. Sự sụt giảm về tài sản ngắn hạn do khoản trả trước cho người bán giảm hơn 60 tỷ đồng. Ngoài ra, mức tăng của nợ ngắn hạn đến từ việc LHC vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng với giá trị trên 50 tỷ đồng nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024.

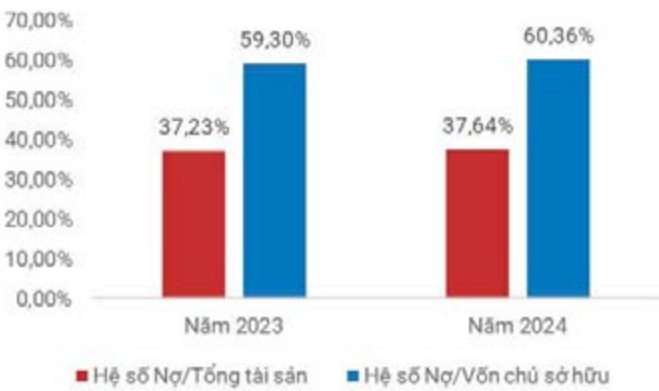
Nhìn chung, mặc dù thanh khoản có dấu hiệu giảm, nhưng các chỉ số thanh toán vẫn duy trì mức an toàn trên 1, đảm bảo sự ổn định tài chính của Công ty. LHC cam kết sẽ tiếp tục theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu và quản lý dòng tiền, nhằm duy trì khả năng thanh toán vững chắc trong thời gian tới.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Vào ngày 31/12/2024, cơ cấu vốn của công ty cho thấy một sự thay đổi nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 37,23% lên 37,64%, và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 59,30% lên 60,36%. Sự gia tăng các hệ số này chủ yếu do nợ phải trả tăng nhanh hơn so với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Cụ thể, sự gia tăng nợ phải trả đến từ việc gia tăng các khoản vay từ Ngân hàng (như đã đề cập ở phần chỉ tiêu khả năng thanh toán) và một khoản thanh toán cho đối tượng khác với giá trị tăng thêm hơn 30 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



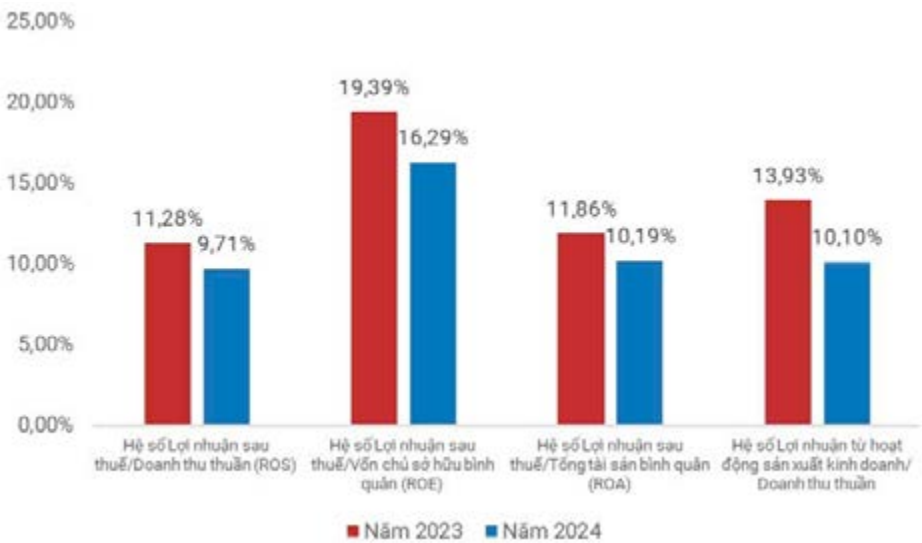
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Năm 2024, các hệ số năng lực hoạt động của LHC có dấu hiệu tăng trưởng nhẹ. Cụ thể, hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng thêm 1,18 vòng, và hệ số vòng quay tổng tài sản giữ nguyên. Sự cải thiện ở vòng quay hàng tồn kho đến từ giá vốn hàng bán đạt 982.365 triệu đồng, tăng 16,61% so với năm 2023, chủ yếu do giá nguyên vật liệu leo thang, kéo theo chi phí thi công công trình xây dựng tăng đáng kể. Bên cạnh đó, hệ số vòng quay tổng tài sản gần như không đổi vẫn duy trì ở mức 1,05 đã phản ánh kết quả kinh doanh tích cực của LHC trong thời kỳ nền kinh tế vẫn đang khó khăn, cụ thể doanh thu thuần tăng 7,64% so với cùng kỳ, phần lớn nhờ các công trình xây dựng góp phần cải thiện đáng kể tình hình kinh doanh của công ty.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Kết thúc năm 2024, các chỉ số sinh lời của LHC cho thấy xu hướng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, chỉ số ROS, ROE và ROA giảm lần lượt 1,76%, 3,12% và 1,67% so với năm 2023. Mặc dù doanh thu thuần tăng hơn 85 tỷ đồng (tương ứng mức tăng 7,64%), thể hiện sự tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng sự gia tăng mạnh mẽ của giá vốn (16,61%) đã tạo áp lực lớn, dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm hơn 9 tỷ đồng, tức giảm 7,40%, bất chấp những nỗ lực kiểm soát chi phí hiệu quả của ban lãnh đạo.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY

144.000.000.000

Đồng

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

14.400.000

Cổ phiếu

MỆNH GIÁ CỔ PHIẾU

10.000

Đồng/Cổ phiếu

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

0

Cổ phiếu

LOẠI CỔ PHẦN: Cổ phần phổ thông

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ Danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2025

STT	Đối tượng	Số lượng	Số cổ phần (CP)	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	382	14.319.420	143.194.200.000	99,44%
-	Cá nhân	380	13.557.620	135.576.200.000	94,15%
-	Tổ chức	2	761.800	7.618.000.000	5,29%
2	Cổ đông nước ngoài	19	80.580	805.800.000	0,56%
-	Cá nhân	15	40.000	400.000.000	0,28%
-	Tổ chức	4	40.580	405.800.000	0,28%
Tổng cộng		401	14.400.000	144.000.000.000	100,00%

CÁC CỔ ĐÔNG LỚN

Căn cứ Danh sách cổ đông tại ngày 20/03/2025

STT	Tên	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Việt Thắng	027073000522	1.285.600	8,93%
2	Nguyễn Thị Mai Lan	027147006093	1.213.600	8,43%
3	Lê Đình Hiến	034064023979	1.072.000	7,44%
4	Bùi Hữu Quỳnh	001062047134	803.400	5,58%
5	Công ty Cổ phần Phước Hòa	3700793085	760.800	5,28%
Tổng cộng			5.135.400	35,66%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: Căn cứ theo Công văn số 2811IUBCK-PTTT ngày 16/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của Công ty là 50%.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/ giảm (đồng)	Hình thức tăng/ giảm vốn
Năm 2000		2.779.900.000	Cổ phần hoá.
Năm 2002	1.211.300.000	3.991.200.000	1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu. 2. Phát hành cho cổ đông chiến lược.
Năm 2007	6.008.800.000	10.000.000.000	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1/1,5055
Năm 2008	10.000.000.000	20.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược và đấu giá ra công chúng.
Năm 2015	16.000.000.000	36.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng (Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu; Phát hành cho người lao động; Phát hành cho đối tác chiến lược; Đấu giá công khai).
Năm 2020	36.000.000.000	72.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Năm 2022	72.000.000.000	144.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

LHC xác định tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội là ba trụ cột cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty không chỉ tập trung vào phát triển mạnh mẽ mà còn đặc biệt chú trọng đến các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo quá trình tăng trưởng ổn định, lâu dài và mang lại lợi ích bền vững. Đồng thời, LHC hướng đến quản trị doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn ESG (Environmental, Social, and Governance) để xây dựng một sự phát triển toàn diện.

Để triển khai chiến lược phát triển bền vững hiệu quả, Ban Điều hành của LHC luôn bám sát định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo sự thống nhất trong việc hoạch định và thực thi các chính sách. Các hoạt động thiết thực đã được thực hiện, bao gồm đảm bảo an sinh cho người lao động, bảo vệ môi trường trong thi công, và tích cực tham gia các chương trình cộng đồng để tạo ra giá trị tích cực cho xã hội.

Với định hướng phát triển bền vững, LHC không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn khẳng định vai trò của mình trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

- **Tác động lên môi trường**
- **Tiêu thụ nước**
- **Tiêu thụ năng lượng**
- **Quản lý nguồn nguyên vật liệu**
- **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**
- **Báo cáo trách nhiệm với cộng đồng địa phương**
- **Chính sách liên quan đến người lao động**
- **Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng vốn tiềm ẩn nhiều tác động tiêu cực đến môi trường, bao gồm ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước và tiếng ồn ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh. Tuy nhiên, LHC luôn nỗ lực giảm thiểu tối đa những tác động này để đảm bảo hoạt động thi công diễn ra một cách bền vững.

Để đạt được mục tiêu này, LHC chủ động đề xuất và triển khai các sáng kiến bảo vệ môi trường, tập trung vào các biện pháp chống bụi, chống ồn thông qua việc bao che công trình, thu dọn hiện trường sạch sẽ và xử lý phế thải đúng quy định.

Thông qua những biện pháp này, LHC không chỉ đảm bảo chất lượng công trình mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động đến cộng đồng và tuân thủ các quy định của cơ quan chức năng tại địa phương.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Quản lý hiệu quả nguồn nguyên liệu đầu vào đóng vai trò then chốt không chỉ đối với LHC mà còn đối với toàn bộ ngành công nghiệp xây dựng và đầu tư. Việc tối ưu hóa chi phí nguyên vật liệu mang lại lợi ích kép: vừa nâng cao biên lợi nhuận cho doanh nghiệp, vừa góp phần tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu lãng phí cho xã hội và bảo vệ môi trường. LHC có lợi thế cạnh tranh khi sở hữu Công ty con khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, từ đó tối ưu hóa quy trình quản lý nguyên liệu đầu vào, hạn chế thất thoát và đảm bảo nguồn cung ổn định cho các dự án.

Việc kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cho LHC mà còn có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các nguồn cung bên ngoài và đảm bảo tính bền vững trong hoạt động sản xuất.

Trong các dự án, LHC luôn cam kết đảm bảo chất lượng công trình ở mức cao nhất, đồng thời ưu tiên sử dụng các vật liệu xanh thân thiện với môi trường thay vì các nguyên liệu truyền thống, nhằm giảm tác động tiêu cực đến môi trường mà vẫn duy trì chất lượng thi công. Với định hướng phát triển lâu dài, LHC không ngừng đổi mới và ứng dụng các giải pháp công nghệ trong quản lý nguyên liệu, đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và đáp ứng xu hướng phát triển bền vững của ngành xây dựng.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Việc sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm không chỉ góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh mà còn có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, LHC tiêu thụ các nguồn năng lượng chính như điện, xăng, dầu... để phục vụ cho các hoạt động tại văn phòng và các công trình xây dựng.

Để tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, Công ty đã triển khai nhiều chính sách nhằm đảm bảo phát triển bền vững và tiết kiệm năng lượng trong quá trình hoạt động. LHC áp dụng các tiêu chuẩn và quy định cụ thể về việc tiêu thụ năng lượng như điện, nước, xăng, dầu sao cho phù hợp với từng mục đích sử dụng. Công ty cũng khuyến khích nhân viên nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng trong công việc hàng ngày, hướng tới xây dựng văn hóa sử dụng năng lượng hiệu quả.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên kiểm tra các hệ thống điện và bảo trì, sửa chữa máy móc có dấu hiệu hỏng hóc tại văn phòng và công trình, nhằm đảm bảo hiệu suất hoạt động tối ưu. Các thiết bị cũ, tiêu tốn nhiều năng lượng mà hiệu quả không cao sẽ được thay thế bằng những thiết bị mới, tiết kiệm năng lượng hơn, góp phần giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng. Với định hướng phát triển bền vững, LHC tiếp tục cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI_(TT)

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là nguồn tài nguyên thiết yếu cho cả sinh hoạt và sản xuất kinh doanh. Việc tiết kiệm nước không chỉ giúp Công ty giảm chi phí vận hành mà còn đóng góp vào mục tiêu bảo vệ tài nguyên nước, hạn chế khai thác quá mức và nguy cơ cạn kiệt. LHC luôn nhận thức rõ trách nhiệm trong việc tối ưu hóa nguồn tiêu thụ nước, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng công trình, và chú trọng đến việc xử lý nước thải một cách hợp lý.

Để tăng cường hiệu quả sử dụng nước, Công ty triển khai các biện pháp cụ thể như kiểm tra và thay thế đường ống nước bị hư hỏng, áp dụng các thiết bị vòi nước tự ngắt, nhằm giảm thiểu tối đa sự thất thoát nước trong quá trình hoạt động.

Những nỗ lực này không chỉ giúp tiết kiệm nguồn tài nguyên nước quý giá mà còn nâng cao hiệu quả vận hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững theo định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Để hướng đến phát triển bền vững, doanh nghiệp không chỉ tập trung vào kết quả kinh doanh mà còn đặt trọng tâm vào đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, và bảo vệ môi trường. Công ty cam kết thực hiện đúng đạo đức kinh doanh để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, cộng đồng địa phương và toàn xã hội. Một ví dụ cụ thể cho cam kết này là việc tổ chức giải bóng đá kỷ niệm 79 năm ngành Thủy lợi, một sự kiện thể thao thể hiện tinh thần gắn kết, sẻ chia và trách nhiệm với cộng đồng. Doanh nghiệp luôn chú trọng đến các vấn đề an sinh xã hội, môi trường, và đặt sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm xã hội, hướng đến xây dựng một thương hiệu uy tín và chuyên nghiệp.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng xác định chính sách đối với người lao động là yếu tố then chốt để đảm bảo quyền lợi, nâng cao chất lượng làm việc và xây dựng mối quan hệ gắn bó lâu dài giữa nhân viên và doanh nghiệp. Chính sách này được xem là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

LHC tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng chế độ phúc lợi cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân tài, thể hiện sự quan tâm của Ban lãnh đạo đến đời sống nhân viên và đặt chiến lược phát triển nguồn nhân lực lên hàng đầu. Điều này được chứng minh qua mức lương trung bình của người lao động tại LHC tăng qua từng năm. Tính đến 31/12/2024, Công ty có 56 người lao động, với mức lương trung bình đạt 10.700.000 triệu đồng/tháng.

Ngoài chế độ lương thưởng cạnh tranh, LHC còn áp dụng chính sách khen thưởng và phúc lợi hấp dẫn để tạo động lực cho nhân viên. Công ty cũng chú trọng đầu tư vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức định kỳ, nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và trình độ chuyên môn cho người lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại, Công ty chưa triển khai các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, LHC luôn theo dõi sát sao các thông tin liên quan đến lĩnh vực này và sẵn sàng tích cực tham gia khi có hướng dẫn từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Với nhận thức về xu hướng ô nhiễm môi trường và yêu cầu ngày càng cao từ xã hội, các doanh nghiệp cần điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tuân thủ các chuẩn mực bảo vệ môi trường. Đồng thời, Nhà nước cũng tăng cường các quy định trong Luật Bảo vệ môi trường để ngăn ngừa các tác động tiêu cực và hậu quả xấu đến cộng đồng.

LHC thể hiện trách nhiệm của mình bằng việc chủ động xây dựng các chủ trương tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty thực hiện đánh giá tác động môi trường cho các dự án lớn và triển khai các biện pháp giảm thiểu tác động, đồng thời cam kết xử lý nước thải và rác thải theo đúng quy trình.

Kết quả là, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo và ý thức của đội ngũ nhân viên, LHC luôn duy trì tuân thủ các quy định về ô nhiễm môi trường. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở hay xử phạt, cho thấy cam kết vững chắc đối với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.



03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	KH 2024	TH 2024	TH 2023	% TH 2024/ KH 2024	% TH 2024/ TH 2023
1	Doanh thu thuần	1.100.000	1.204.784	1.119.271	109,53%	107,64%
2	Lợi nhuận từ HĐKD		121.711	155.869		78,09%
3	Lợi nhuận trước thuế	103.500	147.214	161.293	142,24%	91,27%
4	Lợi nhuận sau thuế		116.936	126.275		92,60%

DOANH THU THUẦN

(Triệu đồng)

1.204.784

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

(Triệu đồng)

147.214

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

Mặc dù kinh tế năm 2024 còn nhiều khó khăn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (LHC) đã ghi nhận một năm thành công với những kết quả kinh doanh vượt trội so với kế hoạch. Doanh thu thuần hợp nhất đạt 1.204.784 triệu đồng, vượt 9,53% so với mục tiêu, và lợi nhuận trước thuế đạt 147.214 triệu đồng, cao hơn tới 42,24% so với kế hoạch. Thành tích này là minh chứng cho sự điều hành linh hoạt, chiến lược quản lý tài chính hiệu quả, sự tận tâm của đội ngũ nhân viên và sự chỉ đạo sát sao của HĐQT. Bên cạnh đó, LHC còn chú trọng đến chất lượng công trình, đời sống người lao động và các hoạt động vì cộng đồng.

THUẬN LỢI

Công ty nhận thêm một số dự án mới trong năm đã khẳng định được uy tín cũng như tầm nhìn chiến lược của ban lãnh đạo trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh. Đây không chỉ là dấu hiệu tích cực cho sự phát triển dài hạn, mà còn là minh chứng cho năng lực cạnh tranh vững chắc của công ty trên thị trường.

Với đội ngũ cán bộ, công nhân viên sở hữu trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm dày dặn và kỹ năng vững vàng, công ty đã có nền tảng vững chắc để vượt qua các thách thức trong năm. Sự đóng góp quan trọng của yếu tố con người đã đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án và duy trì chất lượng công trình ở mức tối ưu.

Tình hình tài chính của công ty, dù có sự suy giảm nhẹ về tính thanh khoản do chi phí đầu vào gia tăng, vẫn được đánh giá là ổn định tương đối so với mặt bằng chung của ngành. Nền tảng tài chính này đóng vai trò then chốt, giúp công ty tự tin thực hiện các kế hoạch kinh doanh và đầu tư trong tương lai, hướng tới sự phát triển bền vững.

KHÓ KHĂN

Sự gia tăng mạnh mẽ của giá vật liệu xây dựng là một trong những thách thức lớn mà lĩnh vực thi công xây dựng công trình đang phải đối diện. Điều này gây ra nhiều khó khăn trong công tác quản lý nguyên vật liệu đầu vào, dẫn đến sự tăng đáng kể của giá vốn hàng bán, chủ yếu do những biến động trên thị trường nguyên vật liệu. Các yếu tố khách quan như gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, chi phí vận chuyển tăng và thay đổi chính sách thương mại đã trực tiếp tác động tiêu cực đến chi phí sản xuất, làm giảm biên lợi nhuận của doanh nghiệp, dù doanh thu vẫn có sự tăng trưởng so với năm trước.

Dù có sự hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư công quy mô lớn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật, ngành xây dựng vẫn gặp phải tình trạng phân bổ vốn hạn chế do yêu cầu khắt khe của nhà thầu. Tình hình càng trở nên khó khăn hơn khi đơn giá định mức của Nhà nước chưa được điều chỉnh kịp thời theo giá thị trường, khiến các doanh nghiệp xây dựng đứng trước nguy cơ thua lỗ, đặc biệt khi giá vật liệu vẫn tiếp tục biến động mạnh.

Ngoài ra, mặt bằng lãi suất tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn còn tương đối cao, tạo ra những rủi ro đáng kể cho các khoản vay dài hạn của doanh nghiệp. Việc duy trì chi phí tài chính ổn định trở nên thách thức hơn khi chi phí đầu vào không ngừng gia tăng, điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng cân đối nguồn vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	660.825	60,16%	607.501	50,77%	-8,07%
Tài sản dài hạn	437.685	39,84%	589.112	49,23%	34,60%
Tổng tài sản	1.098.510	100,00%	1.196.612	100,00%	8,93%

ĐVT: Triệu đồng

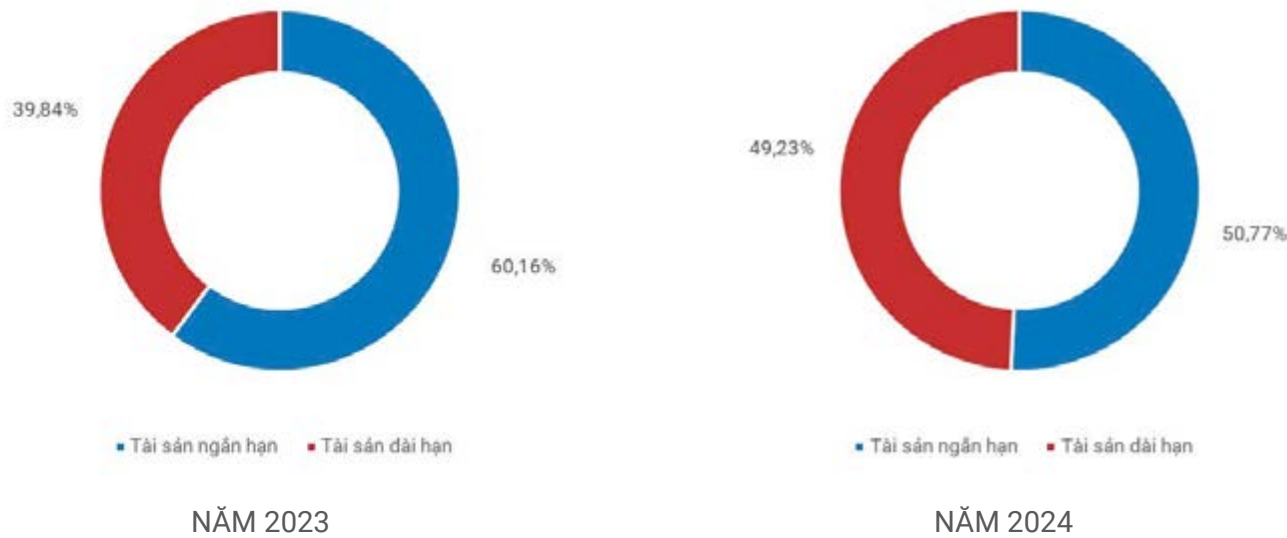
ĐVT: Triệu đồng					
Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	364.538	89,15%	418.160	92,84%	14,71%
Nợ dài hạn	44.389	10,85%	32.259	7,16%	-27,33%
Tổng nợ phải trả	408.927	100,00%	450.419	100,00%	10,15%

ĐVT: Triệu đồng

Trong năm 2024, cơ cấu tài sản của LHC đã có sự điều chỉnh đáng chú ý, thể hiện ở việc tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn tiến gần hơn đến trạng thái cân bằng. Cụ thể, tài sản ngắn hạn chiếm 50,77% tổng tài sản, trong khi tài sản dài hạn là 49,23%.

Tính đến ngày 31/12/2024, LHC ghi nhận tổng tài sản đạt 1.196.612 triệu đồng, tăng 8,93% so với năm trước. Sự tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi sự gia tăng ấn tượng của tài sản dài hạn, đạt mức 34,60% (tương đương 151.426 triệu đồng so với cuối năm 2023). Nguyên nhân chính của sự gia tăng này là việc Công ty đẩy mạnh đầu tư vào các khu đất đang trong quá trình xây dựng, đáng chú ý là khu đất tại xã Liên Hiệp - Đức Trọng, dẫn đến sự mở rộng của khoản mục tài sản dở dang dài hạn.

Trong khi đó, tài sản ngắn hạn không có sự sụt giảm nhẹ, chỉ giảm 53.324 triệu đồng, tương đương 8,07% so với thời điểm 31/12/2023.



Tính đến cuối năm 2024, cơ cấu nợ phải trả của LHC tiếp tục cho thấy sự chiếm ưu thế của nợ ngắn hạn với tỷ trọng 92,84%, tương ứng 418.160 triệu đồng. Nguyên nhân chính dẫn đến sự gia tăng nhẹ của khoản nợ này là do Công ty đã chủ động tăng cường vay vốn để tài trợ cho việc triển khai các dự án kinh doanh đang được thực hiện.

Nợ dài hạn của LHC trong kỳ ghi nhận mức 32.259 triệu đồng, giảm 27,33% so với năm trước. Cơ cấu nợ dài hạn bao gồm 12.130 triệu đồng là các khoản vay dài hạn, chủ yếu từ Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Lâm Đồng. Nguồn vốn này đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và thi công xây dựng của Công ty thông qua việc đầu tư vào máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC,
CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

- Trong năm 2024, LHC đã khẳng định chiến lược quản trị hiệu quả là yếu tố then chốt trong việc nâng cao năng suất và thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững. Để củng cố hệ thống tổ chức, Công ty không ngừng duy trì và phát huy vai trò của Giám đốc tài chính trực thuộc Hội đồng quản trị – người phụ trách tham mưu, giám sát và điều hành toàn diện các hoạt động tài chính, kế toán và kiểm toán trong toàn hệ thống. Sự điều chỉnh này đã giúp LHC nâng cao năng lực quản lý nguồn vốn, tài sản, cũng như các hoạt động kế toán và kiểm toán, không chỉ trong nội bộ mà còn có tác động tích cực đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và các công ty con khác.
- Ngoài ra, cơ cấu tổ chức và hệ thống phân cấp đã được tối ưu hóa nhằm đảm bảo mỗi bộ phận có nhiệm vụ cụ thể, tạo điều kiện cho sự phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng ban. Chất lượng nguồn nhân lực cũng được nâng cao thông qua việc phân công công việc hợp lý và khai thác tối đa năng lực cá nhân, đồng thời công tác quản trị nhân sự luôn được chú trọng với các chương trình đào tạo định kỳ, phổ biến văn hóa doanh nghiệp, và các giá trị cốt lõi cùng nhiệm vụ của từng vị trí.
- Đặc biệt, LHC tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo kết hợp, góp phần nâng cao cả kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cho toàn bộ nhân viên, hướng tới phát triển toàn diện đội ngũ. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đào tạo được tăng cường, giúp nâng cao năng suất lao động và tối ưu hóa kết quả hoạt động của Công ty.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ

- Với định hướng phát triển bền vững, Công ty luôn ưu tiên đảm bảo mức lương và thưởng cạnh tranh, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Lao động, nhằm mang lại sự an tâm về kinh tế và tinh thần cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến đời sống của nhân viên thông qua các chương trình cụ thể, nhằm cung cấp sự chăm sóc toàn diện. Cụ thể, trong công tác nâng cao đời sống người lao động, Công ty đã thực hiện các biện pháp thiết thực như: đảm bảo 100% người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, kèm theo bảo hiểm thân thể 24/24 với 3 suất/người/năm, nhằm bảo vệ quyền lợi sức khỏe của nhân viên. Hàng năm, tất cả người lao động đều có cơ hội nghỉ dưỡng, giúp tái tạo năng lượng và nâng cao tinh thần làm việc. Công ty luôn nỗ lực cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để bảo vệ sức khỏe và nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT

- Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo ra môi trường thuận lợi để nhân viên phát huy khả năng sáng tạo, khuyến khích họ đưa ra những ý tưởng cải tiến kỹ thuật đột phá. Công ty cũng triển khai các chương trình truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ về tầm quan trọng của sáng kiến và cải tiến trong việc nâng cao chất lượng công việc.
- Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chế độ khen thưởng và tuyên dương đối với những cá nhân có sáng kiến khả thi và ứng dụng cao, qua đó thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung. Những nỗ lực này không chỉ cải thiện hiệu suất làm việc mà còn xây dựng một môi trường làm việc năng động, thử thách và đầy động lực.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	
	Công ty mẹ	Hợp nhất
Doanh thu thuần	245	1.190
Lợi nhuận trước thuế	90,775	158,94
Cổ tức cho cổ đông	10% - 25%	
Đầu tư mua sắm TSCĐ	4 - 10	
Khấu hao TSCĐ	3 - 6	
Đầu tư vào Công ty con	Tối đa 150	

KẾ HOẠCH TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Lĩnh vực thi công xây dựng công trình hiện đang gặp nhiều khó khăn do giá vật liệu xây dựng tăng cao. Tại Công ty mẹ LHC và Công ty con L40, công ty tập trung hoàn thành các công trình với đơn giá thấp, cố định để bàn giao. Trong thời gian tới, cần phải lựa chọn kỹ càng các dự án để đấu thầu với giá tốt nhất, đồng thời sắp xếp lại biên chế và đổi mới máy móc thiết bị nhằm giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất, từ đó tạo ra giá thành công trình hợp lý nhất.
- Trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng tại Công ty con LBM, công ty tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất và nghiên cứu đầu tư vào các ngành nghề mới khi có thời cơ thích hợp và lợi thế cạnh tranh.
- Công ty cũng triển khai dự án số hóa toàn bộ tập đoàn và dự kiến sẽ chạy thử từ năm 2026.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

- Quản lý hiệu quả nguồn nguyên vật liệu là yếu tố then chốt để tối ưu hóa chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh và đảm bảo tính bền vững của doanh nghiệp trong ngành xây dựng. LHC có lợi thế cạnh tranh lớn nhờ sở hữu mạng lưới nhà cung cấp nguyên liệu uy tín, cùng với việc sở hữu Công ty con chuyên khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng (LBM), giúp Công ty chủ động đảm bảo sự ổn định trong nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho các dự án thi công.
- Bên cạnh đó, LHC chú trọng ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quản lý tiêu thụ nguyên vật liệu, nhằm tối ưu hóa chi phí mà vẫn đảm bảo chất lượng thi công ở mức cao nhất. Công ty áp dụng các công nghệ tiên tiến để giảm thiểu lãng phí nguyên liệu, đồng thời bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, và không ngừng cải tiến các phương pháp quản lý, nâng cao hiệu quả vận hành trong toàn bộ chuỗi cung ứng nguyên vật liệu.
- Với chiến lược quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ và toàn diện, LHC không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn đảm bảo tính bền vững cho mỗi dự án mà Công ty triển khai, góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

- Tiết kiệm năng lượng hiệu quả là yếu tố quan trọng giúp tối ưu hóa chi phí vận hành, bảo vệ môi trường và duy trì sự phát triển bền vững. Nguồn năng lượng chính mà Công ty sử dụng trong quá trình hoạt động là điện năng, phục vụ cho việc vận hành các kho lưu trữ, quản lý và vận chuyển hàng hóa. Tiết kiệm năng lượng không chỉ giảm thiểu chi phí vận hành mà còn góp phần bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên quý giá.
- Hiện nay, LHC đã áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng thông qua việc vận hành hệ thống quản lý kho thông minh. Công ty sử dụng các thiết bị và công nghệ tiên tiến để giảm thiểu thất thoát năng lượng trong quá trình sử dụng. Bên cạnh đó, LHC cũng tích cực tìm kiếm và áp dụng các giải pháp tái chế tài nguyên, nhằm giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

TIÊU THỤ NƯỚC

- Công ty ý thức sâu sắc tầm quan trọng của tài nguyên nước sạch trong thi công xây dựng và luôn tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Công ty đặc biệt chú trọng bảo vệ nguồn nước trong mọi giai đoạn thi công, thể hiện qua các biện pháp cụ thể: không gây ảnh hưởng đến hệ thống đường ống nước khu vực, thực hiện giải phóng hạ tầng cẩn thận và chuyên nghiệp, sử dụng nước tiết kiệm và điều chỉnh lượng dùng phù hợp, cũng như sử dụng nhiên liệu vận hành thiết bị, máy móc sao cho không gây tác động tiêu cực đến môi trường. Những hành động này góp phần bảo vệ tài nguyên nước và môi trường tự nhiên.





ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Công ty xác định bảo vệ môi trường là một phần quan trọng trong phát triển bền vững. Điều này được thể hiện qua việc kiểm tra tác động từ hoạt động thi công lên môi trường, thực hiện đầy đủ các quan trắc theo quy định và triển khai các biện pháp, quy định nghiêm ngặt về vệ sinh môi trường cho nhân viên và các khu vực hoạt động. Công ty cũng chủ động nâng cao hệ thống xử lý chất thải và thay thế bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường, hướng đến bảo vệ thiên nhiên và giảm thiểu ô nhiễm. Việc này không chỉ đáp ứng yêu cầu của xã hội mà còn mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số lượng nhân viên hiện tại của Công ty: 56 người.
- Mức lương trung bình: 10.700.000 đồng/tháng/người.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Chế độ phúc lợi tại LHC được xây dựng một cách toàn diện, không chỉ đảm bảo quyền lợi vật chất mà còn chú trọng đến yếu tố tinh thần, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và trải nghiệm làm việc của nhân viên. Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng chính sách lương thưởng cạnh tranh, kết hợp với chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm, giúp nhân viên luôn cảm nhận được sự quan tâm và hỗ trợ thiết thực trong công việc.
- LHC cũng áp dụng chế độ khen thưởng công bằng, tương xứng với năng lực và thành tích cá nhân, tạo động lực để nhân viên phát huy tối đa khả năng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, công ty triển khai hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm hưu trí và bảo hiểm y tế, nhằm đảm bảo sự ổn định và an tâm lâu dài cho người lao động.
- Môi trường làm việc tại LHC được xây dựng theo hướng chuyên nghiệp, dân chủ và tôn trọng lẫn nhau, tạo ra không gian làm việc lành mạnh, thân thiện và gắn kết. Đồng thời, công ty luôn chú trọng đến an toàn lao động bằng việc cung cấp đầy đủ trang phục bảo hộ, tổ chức các khóa huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy và diễn tập ứng phó sự cố, cũng như trang bị bảo hiểm và thực hiện kiểm định xe, máy móc thiết bị theo đúng quy định, góp phần bảo vệ tối đa sức khỏe và sự an toàn của người lao động.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI_(TT)

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Công ty xác định đào tạo nhân sự là một trong những hoạt động quan trọng hàng đầu. Ban lãnh đạo luôn chú trọng đầu tư vào đào tạo nhằm tạo cơ hội cho người lao động nâng cao năng lực và trình độ, từ đó không chỉ nâng cao chất lượng công việc mà còn cải thiện chất lượng cuộc sống của họ một cách bền vững. Công ty hiểu rằng, việc tích hợp và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới nhất trong quá trình đào tạo là cần thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Đào tạo không chỉ là chìa khóa để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao mà còn là động lực để nâng cao hiệu quả công việc và đảm bảo sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN

ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Bên cạnh mục tiêu kinh doanh, LHC luôn đặt sự bền vững và trách nhiệm với xã hội, cộng đồng làm ưu tiên. Trong quá trình giải phóng mặt bằng và thi công công trình, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc bảo vệ môi trường xung quanh, không ngừng nỗ lực duy trì không khí trong lành và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến địa bàn hoạt động.
- Không chỉ tập trung vào công việc chuyên môn, LHC còn tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng tại địa phương. Các hoạt động này bao gồm tổ chức từ thiện, xây dựng nhà tình nghĩa và trao quà vào các dịp lễ cho cựu chiến binh, người cao tuổi, người tàn tật và trẻ em. LHC cũng luôn sẵn sàng hỗ trợ cộng đồng khi khu vực gặp khó khăn do thiên tai, lũ lụt hay dịch bệnh, thể hiện tinh thần đoàn kết và cam kết trách nhiệm.
- Những hoạt động này không chỉ khẳng định hình ảnh của một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương, đồng thời tạo dựng mối gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và cộng đồng.





04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	Đơn vị tính	KH 2024	TH 2024	% TH 2024/ KH 2024
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.100.000	1.204.784	109,53%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	103.500	147.214	142,24%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-	116.936	-

Kết thúc năm 2024, Công ty ghi nhận:

- Doanh thu thuần đạt 1.204.784 triệu đồng, vượt 109,53% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 147.214 triệu đồng, vượt 142,24% so với kế hoạch.

Các chi phí trong kỳ bao gồm:

Chi phí tài chính giảm nhẹ, từ 4.671 triệu đồng trong năm 2023 xuống còn 3.687 triệu đồng trong năm 2024, tương đương mức giảm 21,07%. Nguyên nhân chính là do Công ty đã thanh toán lãi cho các khoản vay, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính.

Chi phí bán hàng tăng mạnh, đạt 4.951 triệu đồng trong năm 2024, trong khi năm 2023 ghi nhận mức thấp hơn (tăng 1.789 triệu đồng, tương đương 56,58%). Sự gia tăng này chủ yếu đến từ chi phí nguyên vật liệu và dịch vụ mua ngoài.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, nhưng đã có sự cắt giảm đáng kể. Cụ thể, chi phí này giảm từ 119.002 triệu đồng xuống còn 95.469 triệu đồng, tương đương mức giảm 19,78% vì trong năm Công ty đã hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi do đã thu hồi được nợ.

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đối diện với nhiều thách thức, bao gồm áp lực lạm phát, đồng tiền mất giá, chi phí đầu vào tăng cao do xung đột địa chính trị trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động sau đại dịch COVID-19. Trước những khó khăn đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chủ động điều hành, đưa ra nhiều chiến lược quản trị hiệu quả nhằm đảm bảo kết quả kinh doanh tốt nhất cho Công ty và cổ đông.

VỀ VIỆC THỰC HIỆN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ Không có

VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024:

Hội đồng quản trị quyết định thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2024 và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024.

VỀ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG

Lương bình quân của người lao động năm 2020: 9.000.000 đồng/người/tháng.
Lương bình quân của người lao động năm 2021: 9.200.000 đồng/người/tháng.
Lương bình quân của người lao động năm 2022: 11.000.000 đồng/người/tháng.
Lương bình quân của người lao động năm 2023: 10.400.000 đồng/người/tháng.
Lương bình quân của người lao động năm 2024: 10.700.000 đồng/người/tháng.

VỀ VIỆC CHI TRẢ CỔ TỨC

Ngày 20/04/2024, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 24 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức 15-25%, tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

Hoàn tất việc điều chỉnh ngành nghề và tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 50%.

ĐẦU TƯ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Xem thông tin phần II - Tình hình đầu tư, thực hiện dự án.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Bộ máy tổ chức Công ty trong năm 2024 như sau:

- Ban Tổng Giám đốc điều hành gồm 03 thành viên: Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.
- Phòng nghiệp vụ: gồm 03 phòng: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế toán - Tài vụ; Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.
- Các công trường trực thuộc Công ty.
- Công ty con trực tiếp:
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (LBM) do LHC nắm giữ 64,9% cổ phiếu đang lưu hành.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (L40) do LHC nắm giữ 51% cổ phiếu đang lưu hành.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10 (L40.10) do LHC nắm giữ 99,45% cổ phiếu đang lưu hành.
- Công ty con gián tiếp:
- Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành do LBM nắm giữ 94,39% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Một thành viên Hiệp Thịnh Phát do LBM nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- + Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông do LBM nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- + Công ty TNHH Một thành viên LBM Tân Phú do LBM nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- + Công ty TNHH Một thành viên LBM Lộc Sơn do LBM nắm giữ 100% vốn điều lệ.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục ưu tiên đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc để triển khai thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Hội đồng quản trị sẽ tập trung nghiên cứu và sắp xếp cơ cấu tổ chức một cách khoa học, tinh gọn bộ máy quản lý nhằm tối ưu hóa nguồn lực, tăng cường tính linh hoạt trong điều hành, tiết giảm chi phí và khai thác hiệu quả nguồn nhân lực, từ đó nâng cao năng suất lao động.
- Hội đồng quản trị cam kết tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, cập nhật kịp thời tình hình hoạt động và đưa ra những chỉ đạo sát thực tế, giúp Công ty vận hành hiệu quả và thích ứng nhanh chóng với những thay đổi của thị trường. Mọi hoạt động của HĐQT sẽ luôn dựa trên nguyên tắc bảo đảm lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và cam kết minh bạch trong quản lý.

▶ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty tập trung vào các trụ cột chính: nâng cao hiệu suất đầu tư, tinh gọn bộ máy quản lý, tối ưu hóa chi phí và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty chú trọng mở rộng thị phần sang các khu vực lân cận, tăng cường quảng bá thương hiệu để củng cố vị thế trên thị trường.
- Để tối ưu hóa hiệu suất, Công ty tiếp tục nâng cấp quy trình thi công và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, từ đó tăng cường khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt, Công ty tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh ổn định và có tiềm năng sinh lời cao, nhất là đầu tư và quản lý mảng vật liệu xây dựng tại các công ty con, nhằm tối đa hóa lợi nhuận và năng lực cạnh tranh.
- Cuối cùng, Công ty tăng cường khả năng thích ứng với thị trường bằng cách theo dõi sát sao các diễn biến, điều chỉnh kịp thời chi phí quản lý và giá vốn để bảo vệ biên lợi nhuận và đảm bảo tăng trưởng ổn định trong dài hạn.



▶ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Xem thông tin phần III - Kế hoạch phát triển trong tương lai.



05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tính tại ngày 20/03/2025)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.072.000	7,44%	
2	Trần Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành	1.234.400	8,57%	
3	Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT không điều hành	2.000	0,01%	Đã nộp đơn từ nhiệm và có hiệu lực từ ngày 10/07/2024
4	Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	
5	Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	127.500	0,89%	

(*) Căn cứ danh sách cổ đông ĐKCC tại ngày 20/03/2025



LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG LÊ ĐÌNH HIẾN

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
Nơi sinh: Thái Bình

Quá trình công tác:

10/1986 – 09/1987	Nhân viên kỹ thuật Trung tâm ĐH2 Đại học Thủy lợi Hà Nội
10/1987 – 04/1996	Phó Giám đốc Xí nghiệp SX vật liệu xây dựng cơ bản - Công ty công nghiệp Đá xuất khẩu Lâm Đồng
05/1996 – 03/1998	Quyền Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
04/1998 - 07/2000	Giám đốc Công ty Xây dựng Thủy lợi I Lâm Đồng
08/2000 - 06/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
04/2006 - 03/2011	Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
04/2011 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
12/2015 - 06/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40
07/2020 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
07/2020 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40
12/2023 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Phước Hòa

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng,
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40
- Thành viên HĐQT Công ty CP Phước Hòa.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 1.072.000 cp , chiếm 7,44% vốn điều lệ



LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

ÔNG TRẦN VIỆT THẮNG

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
Nơi sinh: Bắc Ninh

Quá trình công tác:

2007 - 2012	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ladofoods (VDL)
2012 - 2018	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2 Phytopharma
2015 - 2019	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty GTN FOODS
2015 - 2019	Trưởng Ban Kiểm soát VinaTea
2015 - 2020	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Miền Nam
02/2021 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Phân bón Vinacafe
25/04/2021 – 20/04/2022	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
... - na	- Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Long An - Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Anphatek
21/04/2022 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Long An.
- Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Anphatek

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 1.234.400 cp , chiếm 8,57% vốn điều lệ



BÀ NGÔ THU HƯƠNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Kế toán
Nơi sinh: TP. Hà Nội

Quá trình công tác:

2000 - 2007	Nhân viên phòng kế toán phòng tài chính kế toán CTCP tư vấn Xây dựng thủy lợi II
2007	Kế toán trưởng, CTCP Tư vấn Xây dựng Phước Hòa
2008 - 2013	Kế toán trưởng, CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II
2013 - 2016	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II
2016 - 2022	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng CTCP Phước Hòa
2022 - nay	Kế toán trưởng, CTCP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, CTCP Phước Hòa
... – nay	Kế toán trưởng tại Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II
... – nay	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng tại Công ty CP Phước Hòa
... – nay	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV AE
... – nay	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV T&K
... – nay	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Best Farm
... – nay	Kế toán trưởng tại Công ty CP Năng lượng xanh Sông Cầu
2024 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Kế toán trưởng tại Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thủy lợi II;
- Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng tại Công ty CP Phước Hòa;
- Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV AE;
- Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV T&K;
- Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Best Farm;
- Kế toán trưởng tại Công ty CP Năng lượng xanh Sông Cầu

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 127.500 cp , chiếm 0,89% vốn điều lệ.

ÔNG PHAN CÔNG NGÔN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi

Nơi sinh: Đà Lạt

Quá trình công tác:

1991 - 1994	Quản lý Kỹ thuật thuộc Viện Quy hoạch tổng hợp Lâm Đồng
1994 - 2018	Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Lâm Đồng
25/04/2021 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 17.900 cp , chiếm 0,12% vốn điều lệ

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

- Tờ trình: Miễn nhiệm chức vụ TV HĐQT Trần Hùng Phương và bầu thành viên thay thế.
- Thông qua thông tin ứng viên bà Ngô Thu Hương để đưa vào danh sách bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ còn lại của Hội đồng quản trị đương nhiệm (2021-2025).

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã hoạt động hiệu quả theo đúng Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành, bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.
- Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo sát sao mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo tính nghiêm túc và phù hợp với tình hình thực tế. Đặc biệt, HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông, bảo vệ quyền lợi của cổ đông và định hướng phát triển dài hạn cho Công ty theo đúng quy định.
- Bên cạnh đó, HĐQT đã chủ động rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý để đảm bảo tuân thủ pháp luật và kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo và điều hành. Công tác giám sát các dự án đầu tư theo kế hoạch phê duyệt cũng được HĐQT thực hiện nghiêm ngặt, đảm bảo tuân thủ mọi quy định. Các thành viên HĐQT luôn hoàn thành tốt trách nhiệm, bảo vệ quyền lợi cổ đông và duy trì sự cân bằng lợi ích giữa Công ty và người lao động.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY không có

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Tuy nhiên HĐQT đã phân công các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực: Nhân sự, tiền lương, đầu tư phát triển, kinh doanh, định mức kinh tế kỹ thuật, tài chính kế toán...

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, tuân thủ nghiêm ngặt Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành. HĐQT đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) để chỉ đạo chặt chẽ mọi mặt hoạt động, đảm bảo các nhiệm vụ, chương trình và kế hoạch được triển khai nghiêm túc, minh bạch và đạt hiệu quả cao. HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, bảo vệ quyền lợi cổ đông và định hướng phát triển dài hạn phù hợp với tình hình thực tế. Công tác rà soát, cập nhật hệ thống văn bản quản lý cũng được HĐQT chú trọng, đảm bảo tuân thủ pháp luật.
- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo triển khai công việc theo đúng định hướng và nghị quyết. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức đầy đủ, đúng quy chế, với sự thảo luận kỹ lưỡng và đưa ra các quyết sách tối ưu.
- Các thành viên HĐQT đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, hành động vì lợi ích của cổ đông, Công ty và người lao động, luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật trong mọi quyết định. Đặc biệt, HĐQT đã chỉ đạo thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 24 và đưa ra các giải pháp quản trị kịp thời, hỗ trợ Ban điều hành vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh và lợi nhuận năm 2024, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, mang lại hiệu quả cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động. Công tác giám sát Ban Tổng Giám đốc được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty đi đúng chiến lược và có điều chỉnh linh hoạt khi cần thiết.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	
2	Ông Trần Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	
3	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT	0	0%	Từ nhiệm từ 01/10/2023 Miễn nhiệm từ 20/4/2024
4	Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	4/4	100%	Đã nộp đơn từ nhiệm và có hiệu lực từ ngày 10/07/2024
5	Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT độc lập	9/11	81,8%	Không tham dự do có việc gia đình; Ủy quyền Chủ tịch HĐQT.
6	Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT không điều hành	8/8	100%	Bổ nhiệm từ 20/4/2024

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung																																			
1	Nghị quyết HĐQT số: 01a/2024/NQ- HĐQT/LHC	02/02/2024	Điều 1: Thống nhất kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:																																			
			1.Kết quả sản xuất kinh doanh riêng Công ty mẹ:																																			
			<table><tr><th>TT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch</th><th>Thực hiện</th><th>Tỷ lệ</th></tr><tr><td>1</td><td>Doanh thu thuần</td><td>180 tỷ đồng</td><td>131,3 tỷ đồng</td><td>72,94%</td></tr><tr><td>2</td><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>28,3 tỷ đồng</td><td>36 tỷ đồng</td><td>127,2%</td></tr><tr><td>3</td><td>Cổ tức</td><td>15-25%</td><td>Đã tạm ứng đợt 1 - 15%</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Đầu tư TSCĐ</td><td>7-10 tỷ đồng</td><td>1,15 tỷ đồng</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Khấu hao TSCĐ</td><td>7-10 tỷ đồng</td><td>3,70 tỷ đồng</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Đầu tư vào Cty con</td><td>Max 150 tỷ đồng</td><td>145 tỷ đồng</td><td></td></tr></table>	TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	1	Doanh thu thuần	180 tỷ đồng	131,3 tỷ đồng	72,94%	2	Lợi nhuận trước thuế	28,3 tỷ đồng	36 tỷ đồng	127,2%	3	Cổ tức	15-25%	Đã tạm ứng đợt 1 - 15%		4	Đầu tư TSCĐ	7-10 tỷ đồng	1,15 tỷ đồng		5	Khấu hao TSCĐ	7-10 tỷ đồng	3,70 tỷ đồng		6	Đầu tư vào Cty con	Max 150 tỷ đồng	145 tỷ đồng	
			TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ																															
			1	Doanh thu thuần	180 tỷ đồng	131,3 tỷ đồng	72,94%																															
			2	Lợi nhuận trước thuế	28,3 tỷ đồng	36 tỷ đồng	127,2%																															
			3	Cổ tức	15-25%	Đã tạm ứng đợt 1 - 15%																																
			4	Đầu tư TSCĐ	7-10 tỷ đồng	1,15 tỷ đồng																																
			5	Khấu hao TSCĐ	7-10 tỷ đồng	3,70 tỷ đồng																																
			6	Đầu tư vào Cty con	Max 150 tỷ đồng	145 tỷ đồng																																
2. Kết quả sản xuất kinh doanh Hợp nhất																																						
<table><tr><th>TT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch</th><th>Thực hiện</th><th>Tỷ lệ</th></tr><tr><td>1</td><td>Doanh thu thuần</td><td>180 tỷ đồng</td><td>131,3 tỷ đồng</td><td>72,94%</td></tr><tr><td>2</td><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>28,3 tỷ đồng</td><td>36 tỷ đồng</td><td>127,2%</td></tr><tr><td>3</td><td>Cổ tức</td><td>15-25%</td><td>Đã tạm ứng đợt 1 - 15%</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Đầu tư TSCĐ</td><td>7-10 tỷ đồng</td><td>1,15 tỷ đồng</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Khấu hao TSCĐ</td><td>7-10 tỷ đồng</td><td>3,70 tỷ đồng</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Đầu tư vào Cty con</td><td>Max 150 tỷ đồng</td><td>145 tỷ đồng</td><td></td></tr></table>	TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	1	Doanh thu thuần	180 tỷ đồng	131,3 tỷ đồng	72,94%	2	Lợi nhuận trước thuế	28,3 tỷ đồng	36 tỷ đồng	127,2%	3	Cổ tức	15-25%	Đã tạm ứng đợt 1 - 15%		4	Đầu tư TSCĐ	7-10 tỷ đồng	1,15 tỷ đồng		5	Khấu hao TSCĐ	7-10 tỷ đồng	3,70 tỷ đồng		6	Đầu tư vào Cty con	Max 150 tỷ đồng	145 tỷ đồng				
TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ																																		
1	Doanh thu thuần	180 tỷ đồng	131,3 tỷ đồng	72,94%																																		
2	Lợi nhuận trước thuế	28,3 tỷ đồng	36 tỷ đồng	127,2%																																		
3	Cổ tức	15-25%	Đã tạm ứng đợt 1 - 15%																																			
4	Đầu tư TSCĐ	7-10 tỷ đồng	1,15 tỷ đồng																																			
5	Khấu hao TSCĐ	7-10 tỷ đồng	3,70 tỷ đồng																																			
6	Đầu tư vào Cty con	Max 150 tỷ đồng	145 tỷ đồng																																			
Điều 2: Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư để trình ĐHĐCĐ năm 2024 như sau:																																						
<table><tr><th colspan="4">Kế hoạch 2024</th></tr><tr><th>TT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Công ty mẹ (Tỷ đồng)</th><th>Hợp đồng (Tỷ đồng)</th></tr><tr><td>1</td><td>Doanh thu thuần</td><td>200</td><td>1.100</td></tr><tr><td>2</td><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>28,8</td><td>103,5</td></tr><tr><td></td><td>- LN từ SXKD</td><td>7,5</td><td></td></tr><tr><td></td><td>- Cổ tức từ LBM (15%)</td><td>19,47</td><td></td></tr><tr><td></td><td>- Cổ tức từ L40 (10%)</td><td>1,83</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Đầu tư TSCĐ</td><td>4-10 tỷ đồng</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Khấu hao TSCĐ</td><td>4-10 tỷ đồng</td><td></td></tr></table>	Kế hoạch 2024				TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ (Tỷ đồng)	Hợp đồng (Tỷ đồng)	1	Doanh thu thuần	200	1.100	2	Lợi nhuận trước thuế	28,8	103,5		- LN từ SXKD	7,5			- Cổ tức từ LBM (15%)	19,47			- Cổ tức từ L40 (10%)	1,83		3	Đầu tư TSCĐ	4-10 tỷ đồng		4	Khấu hao TSCĐ	4-10 tỷ đồng			
Kế hoạch 2024																																						
TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ (Tỷ đồng)	Hợp đồng (Tỷ đồng)																																			
1	Doanh thu thuần	200	1.100																																			
2	Lợi nhuận trước thuế	28,8	103,5																																			
	- LN từ SXKD	7,5																																				
	- Cổ tức từ LBM (15%)	19,47																																				
	- Cổ tức từ L40 (10%)	1,83																																				
3	Đầu tư TSCĐ	4-10 tỷ đồng																																				
4	Khấu hao TSCĐ	4-10 tỷ đồng																																				

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung																								
1	Nghị quyết HĐQT số: 01a/2024/NQ-HĐQT/LHC	02/02/2024	Ghi chú: Kế hoạch lợi nhuận Công ty mẹ 7,5 tỷ đồng không bao gồm các khoản chi phí, lợi nhuận có được đã tính trong báo cáo quản trị phân tích lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. Điều 3: Thống nhất bổ nhiệm nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng gồm: 1. Ông Hầu Văn Tuấn, Giám đốc tài chính trực thuộc HĐQT Công ty, là Người phụ trách kiểm toán nội bộ. 2. Các nhân sự khác là người làm công tác kiểm toán nội bộ sẽ do ông Hầu Văn Tuấn trưng tập nhân sự nội bộ của Công ty hoặc thuê bên ngoài để thực hiện công việc kiểm. Nhân sự nội bộ hiện có của Công ty đảm bảo quy định bao gồm: <table><tr><th>TT</th><th>Họ tên</th><th>Chuyên môn</th></tr><tr><td>1</td><td>Đặng Thị Hằng – Phó TP Kế hoạch – Kỹ thuật</td><td>Kỹ sư kinh tế XD</td></tr><tr><td>2</td><td>Cù Tuấn Nam – Đội trưởng</td><td>Kỹ sư thủy lợi</td></tr><tr><td>3</td><td>Nguyễn Nhật Hoàng – Đội trưởng</td><td>Kỹ sư thủy lợi</td></tr><tr><td>4</td><td>Nguyễn Đức Toàn – Đội trưởng</td><td>Kỹ sư thủy lợi</td></tr><tr><td>5</td><td>Lê Văn Giáp – Cán bộ kỹ thuật</td><td>Kỹ sư thủy lợi</td></tr><tr><td>6</td><td>Hầu Thế An – Cán bộ kỹ thuật</td><td>Kỹ sư thủy lợi</td></tr><tr><td>7</td><td>Trần Xuân Phương – Cán bộ kỹ thuật</td><td>Kỹ sư thủy lợi</td></tr></table> Nhiệm kỳ: Theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc khi có quyết định khác thay thế. Điều 4: Thống nhất kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và thanh toán cổ tức đợt hai (10%) năm 2023 như sau: - Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội và thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2023: 20/3/2024. - Ngày thanh toán cổ tức: 17/4/2024. - Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: 20/4/2024. Điều 5: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này	TT	Họ tên	Chuyên môn	1	Đặng Thị Hằng – Phó TP Kế hoạch – Kỹ thuật	Kỹ sư kinh tế XD	2	Cù Tuấn Nam – Đội trưởng	Kỹ sư thủy lợi	3	Nguyễn Nhật Hoàng – Đội trưởng	Kỹ sư thủy lợi	4	Nguyễn Đức Toàn – Đội trưởng	Kỹ sư thủy lợi	5	Lê Văn Giáp – Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư thủy lợi	6	Hầu Thế An – Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư thủy lợi	7	Trần Xuân Phương – Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư thủy lợi
TT	Họ tên	Chuyên môn																									
1	Đặng Thị Hằng – Phó TP Kế hoạch – Kỹ thuật	Kỹ sư kinh tế XD																									
2	Cù Tuấn Nam – Đội trưởng	Kỹ sư thủy lợi																									
3	Nguyễn Nhật Hoàng – Đội trưởng	Kỹ sư thủy lợi																									
4	Nguyễn Đức Toàn – Đội trưởng	Kỹ sư thủy lợi																									
5	Lê Văn Giáp – Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư thủy lợi																									
6	Hầu Thế An – Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư thủy lợi																									
7	Trần Xuân Phương – Cán bộ kỹ thuật	Kỹ sư thủy lợi																									

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung
2	Nghị quyết HĐQT Số: 01b/2023/NQ-HĐQT/LHC	20/02/2024	Điều 1: Thống nhất phê duyệt quỹ lương văn phòng, mức lương Ban Điều hành, Kế toán trưởng và điều kiện tăng giảm lương như sau: * Quỹ lương văn phòng Công ty Quỹ lương văn phòng Công ty được trích 3% trên doanh thu thuần. Quỹ lương được chi cho văn phòng Công ty bao gồm: - Tổng Giám đốc điều hành theo mức lương được HĐQT thông qua ngày 20/01/2022; - Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng: TGD xem xét và trả lương hàng tháng không vượt quá 50.000.000 đồng/người/tháng. - Cán bộ CNV văn phòng Công ty do TGD xem xét chi trả. Điều kiện tăng giảm lương: - Nếu lợi nhuận trước thuế tăng vượt mức 7,5 tỷ đồng so với kế hoạch giao (không bao gồm các khoản chi phí, lợi nhuận có được tính trong báo cáo quản trị phân tích lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023) thì lương Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được chi tăng với tỷ lệ 1,5 lần tỷ lệ tăng lợi nhuận (tính từ mức tăng vượt 7,5 tỷ đồng). - Nếu lợi nhuận trước thuế giảm từ 6 tỷ đồng trở xuống so với kế hoạch giao, thì lương Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng sẽ giảm tương ứng theo tỷ lệ tương ứng của lợi nhuận giảm (tính từ mức giảm 6 tỷ đồng). Điều 2: Thống nhất phê duyệt quyết toán quỹ lương văn phòng Công ty năm 2023 và các khoản chi khác với tổng số tiền là 5.165.225.000 đồng. Bao gồm: 1. Chi nghỉ dưỡng năm 2023 (3,75 triệu đồng/người): 217.500.000 đồng. 2. Lương tháng 13 (2,5 tháng lương đóng BHXH): 1.008.125.000 đồng.

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung
2	Nghị quyết HĐQT Số: 01b/2023/NQ-HĐQT/LHC	20/02/2024	3. Quỹ lương Văn phòng Công ty: 3.939.600.000 đồng. Tạm giữ lại 900 triệu đồng chưa chi phần quỹ lương Văn phòng Công ty. Sau khi thu hồi được công nợ từ Công ty Đông Nam sẽ cho chi phần 900 triệu giữ lại này. Điều 3: Thống nhất xóa các khoản nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng của các đơn vị sau: 1. Ban QLDA Đầu tư và xây dựng CTCC huyện Đạ Tẻh: 2.033.760.000 đồng Lý do xóa nợ: Đơn vị sự nghiệp không được UBND tỉnh bố trí vốn để thanh toán. 2. Công ty Cổ phần 508: 57.338.000 đồng. Lý do xóa nợ: Công ty liên tục thay đổi địa chỉ. 3. Ban QLDA Hồ Tuyền Lâm: 89.104.790 đồng. Lý do xóa nợ: Cấn trừ khoản nợ phải trả với Công ty Tuổi trẻ. Tổng cộng: 2.180.202.790 đồng. Thời gian xử lý xóa nợ: Từ 31/12/2023. Ban Điều hành tiếp tục lập sổ theo dõi thu hồi và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước. Điều 4: Thống nhất thông qua nội dung xóa các khoản nợ phải trả tồn đọng lâu ngày của các đơn vị sau: 1. Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Tuổi Trẻ: 290.814.262 đồng. 2. Công ty CP Tư vấn Xây dựng Cơ khí TM Sóng Thần: 22.100.330 đồng. 3. CN Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng: 100.005.000 đồng. 4. Công ty TNHH Phước Tiến: 416.630.156 đồng. 5. BQL DA ĐT và XD Thành phố Bảo Lộc: 5.130.000 đồng. Tổng cộng: 834.679.748 đồng. Ban Điều hành tiếp tục lập sổ theo dõi và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước. Điều 5: Thống nhất thông qua việc điều chỉnh, bổ sung mức lương đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động thống nhất trong toàn hệ thống. Bao gồm: Điều chỉnh, bổ sung số bậc lương; bổ sung hệ số lương; điều chỉnh hệ số phụ cấp chức vụ; điều chỉnh thời gian giữ bậc lương. Chi tiết như sau: 1. Bổ sung “Số bậc lương”: Bổ sung số bậc lương cho các chức danh có 05 bậc hiện hành lên thành 08 bậc. 2. Bổ sung “Hệ số lương”: Bổ sung Hệ số thang lương, bảng lương theo 8 bậc lương như sau:

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung																																																																																																																																																																																											
2	Nghị quyết HĐQT Số: 01b/2023/NQ-HĐQT/LHC	20/02/2024	<table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nhóm/chức danh/ công việc</th><th colspan="8">Hệ số lương</th></tr><tr><th>Bậc 1</th><th>Bậc 2</th><th>Bậc 3</th><th>Bậc 4</th><th>Bậc 5</th><th>Bậc 6</th><th>Bậc 7</th><th>Bậc 8</th></tr><tr><td>1</td><td>Chủ tịch HĐQT</td><td colspan="8">Áp dụng mức lương tối đa theo quy định của Luật BHXH 2014</td></tr><tr><td>2</td><td>Giám đốc tài chính trực thuộc HĐQT</td><td>2,67</td><td>2,83</td><td>2,97</td><td>3,12</td><td>3,28</td><td>3,45</td><td>3,63</td><td>3,82</td></tr><tr><td>3</td><td>Tổng Giám đốc</td><td>3,17</td><td>3,33</td><td>3,50</td><td>3,68</td><td>3,87</td><td>4,07</td><td>4,28</td><td>4,49</td></tr><tr><td>4</td><td>Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng</td><td>2,17</td><td>2,60</td><td>2,73</td><td>2,87</td><td>3,02</td><td>3,18</td><td>3,35</td><td>3,53</td></tr><tr><td>5</td><td>Trưởng phòng; Đội trưởng; Trưởng BCHCT</td><td>1,56</td><td>1,64</td><td>1,73</td><td>1,82</td><td>1,92</td><td>2,02</td><td>2,13</td><td>2,24</td></tr><tr><td>6</td><td>Phó trưởng phòng; Phó đội trưởng; Phó trưởng BCHCT</td><td>1,56</td><td>1,64</td><td>1,73</td><td>1,82</td><td>1,92</td><td>2,02</td><td>2,13</td><td>2,24</td></tr><tr><td>7</td><td>Nhân viên trình độ đại học</td><td>1,56</td><td>1,64</td><td>1,73</td><td>1,82</td><td>1,92</td><td>2,02</td><td>2,13</td><td>2,24</td></tr><tr><td>8</td><td>Nhân viên trình độ cao đẳng</td><td>1,32</td><td>1,39</td><td>1,46</td><td>1,54</td><td>1,62</td><td>1,71</td><td>1,80</td><td>1,89</td></tr><tr><td>9</td><td>Nhân viên trình độ trung cấp</td><td>1,22</td><td>1,29</td><td>1,36</td><td>1,43</td><td>1,51</td><td>1,59</td><td>1,67</td><td>1,76</td></tr><tr><td>10</td><td>Lái xe văn phòng</td><td>1,14</td><td>1,20</td><td>1,26</td><td>1,33</td><td>1,40</td><td>1,47</td><td>1,55</td><td>1,63</td></tr><tr><td>11</td><td>Nhân viên văn thư, phục vụ, tạp vụ, bảo vệ</td><td>1,07</td><td>1,13</td><td>1,19</td><td>1,24</td><td>1,31</td><td>1,38</td><td>1,45</td><td>1,53</td></tr><tr><td>12</td><td>Công nhân lái xe thi công công trình thủy lợi</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>12.1</td><td>Lái xe tải, xe cầu dưới 3,5 tấn</td><td>1,17</td><td>1,23</td><td>1,30</td><td>1,37</td><td>1,44</td><td>1,52</td><td>1,60</td><td>1,68</td></tr><tr><td>12.2</td><td>Lái xe tải, xe cầu từ 3,5 tấn đến dưới 7,5 tấn</td><td>1,23</td><td>1,30</td><td>1,37</td><td>1,44</td><td>1,52</td><td>1,60</td><td>1,68</td><td>1,77</td></tr><tr><td>12.3</td><td>Lái xe tải, xe cầu từ 7,5 tấn trở lên</td><td>1,29</td><td>1,36</td><td>1,43</td><td>1,51</td><td>1,59</td><td>1,67</td><td>1,76</td><td>1,85</td></tr><tr><td>13</td><td>Công nhân vận hành máy đào, máy xúc lật thi công công trình thủy lợi</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>										STT	Nhóm/chức danh/ công việc	Hệ số lương								Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	1	Chủ tịch HĐQT	Áp dụng mức lương tối đa theo quy định của Luật BHXH 2014								2	Giám đốc tài chính trực thuộc HĐQT	2,67	2,83	2,97	3,12	3,28	3,45	3,63	3,82	3	Tổng Giám đốc	3,17	3,33	3,50	3,68	3,87	4,07	4,28	4,49	4	Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng	2,17	2,60	2,73	2,87	3,02	3,18	3,35	3,53	5	Trưởng phòng; Đội trưởng; Trưởng BCHCT	1,56	1,64	1,73	1,82	1,92	2,02	2,13	2,24	6	Phó trưởng phòng; Phó đội trưởng; Phó trưởng BCHCT	1,56	1,64	1,73	1,82	1,92	2,02	2,13	2,24	7	Nhân viên trình độ đại học	1,56	1,64	1,73	1,82	1,92	2,02	2,13	2,24	8	Nhân viên trình độ cao đẳng	1,32	1,39	1,46	1,54	1,62	1,71	1,80	1,89	9	Nhân viên trình độ trung cấp	1,22	1,29	1,36	1,43	1,51	1,59	1,67	1,76	10	Lái xe văn phòng	1,14	1,20	1,26	1,33	1,40	1,47	1,55	1,63	11	Nhân viên văn thư, phục vụ, tạp vụ, bảo vệ	1,07	1,13	1,19	1,24	1,31	1,38	1,45	1,53	12	Công nhân lái xe thi công công trình thủy lợi									12.1	Lái xe tải, xe cầu dưới 3,5 tấn	1,17	1,23	1,30	1,37	1,44	1,52	1,60	1,68	12.2	Lái xe tải, xe cầu từ 3,5 tấn đến dưới 7,5 tấn	1,23	1,30	1,37	1,44	1,52	1,60	1,68	1,77	12.3	Lái xe tải, xe cầu từ 7,5 tấn trở lên	1,29	1,36	1,43	1,51	1,59	1,67	1,76	1,85	13	Công nhân vận hành máy đào, máy xúc lật thi công công trình thủy lợi								
			STT	Nhóm/chức danh/ công việc	Hệ số lương																																																																																																																																																																																									
					Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8																																																																																																																																																																																		
			1	Chủ tịch HĐQT	Áp dụng mức lương tối đa theo quy định của Luật BHXH 2014																																																																																																																																																																																									
			2	Giám đốc tài chính trực thuộc HĐQT	2,67	2,83	2,97	3,12	3,28	3,45	3,63	3,82																																																																																																																																																																																		
			3	Tổng Giám đốc	3,17	3,33	3,50	3,68	3,87	4,07	4,28	4,49																																																																																																																																																																																		
			4	Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng	2,17	2,60	2,73	2,87	3,02	3,18	3,35	3,53																																																																																																																																																																																		
			5	Trưởng phòng; Đội trưởng; Trưởng BCHCT	1,56	1,64	1,73	1,82	1,92	2,02	2,13	2,24																																																																																																																																																																																		
			6	Phó trưởng phòng; Phó đội trưởng; Phó trưởng BCHCT	1,56	1,64	1,73	1,82	1,92	2,02	2,13	2,24																																																																																																																																																																																		
			7	Nhân viên trình độ đại học	1,56	1,64	1,73	1,82	1,92	2,02	2,13	2,24																																																																																																																																																																																		
			8	Nhân viên trình độ cao đẳng	1,32	1,39	1,46	1,54	1,62	1,71	1,80	1,89																																																																																																																																																																																		
			9	Nhân viên trình độ trung cấp	1,22	1,29	1,36	1,43	1,51	1,59	1,67	1,76																																																																																																																																																																																		
			10	Lái xe văn phòng	1,14	1,20	1,26	1,33	1,40	1,47	1,55	1,63																																																																																																																																																																																		
			11	Nhân viên văn thư, phục vụ, tạp vụ, bảo vệ	1,07	1,13	1,19	1,24	1,31	1,38	1,45	1,53																																																																																																																																																																																		
			12	Công nhân lái xe thi công công trình thủy lợi																																																																																																																																																																																										
			12.1	Lái xe tải, xe cầu dưới 3,5 tấn	1,17	1,23	1,30	1,37	1,44	1,52	1,60	1,68																																																																																																																																																																																		
			12.2	Lái xe tải, xe cầu từ 3,5 tấn đến dưới 7,5 tấn	1,23	1,30	1,37	1,44	1,52	1,60	1,68	1,77																																																																																																																																																																																		
12.3	Lái xe tải, xe cầu từ 7,5 tấn trở lên	1,29	1,36	1,43	1,51	1,59	1,67	1,76	1,85																																																																																																																																																																																					
13	Công nhân vận hành máy đào, máy xúc lật thi công công trình thủy lợi																																																																																																																																																																																													
96	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024																																																																																																																																																																																													

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung											
2	Nghị quyết HĐQT Số: 01b/2023/NQ- HĐQT/LHC	20/02/2024												
			STT		Nhóm/chức danh/công việc		Hệ số lương							
							Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8
			13.1	Dung tích gầu nhỏ hơn 0,3 m3	1,17	1,23	1,30	1,37	1,44	1,52	1,60	1,68		
			13.2	Dung tích gầu từ 0,3 m3/gầu đến nhỏ hơn 0,5 m3/ gầu	1,23	1,30	1,37	1,44	1,52	1,60	1,68	1,77		
			13.3	Dung tích gầu từ 0,5 m3/gầu trở lên	1,29	1,36	1,43	1,51	1,59	1,67	1,76	1,85		
			14	Công nhân vận hành máy ủi thi công công trình thủy lợi										
			14.1	Máy ủi nhỏ hơn 140 CV	1,23	1,30	1,37	1,44	1,52	1,60	1,68	1,77		
			14.2	Máy ủi từ 140 CV trở lên	1,29	1,36	1,43	1,51	1,59	1,67	1,76	1,85		
			15	Công nhân vận hành máy đầm, máy lu thi công công trình thủy lợi	1,29	1,36	1,43	1,51	1,59	1,67	1,76	1,85		
			16	Công nhân kỹ thuật/Lao động thủ công thi công công trình thủy lợi	1,12	1,20	1,26	1,33	1,40	1,47	1,55	1,63		
3. Điều chỉnh “Hệ số phụ cấp chức vụ”: Điều chỉnh hệ số phụ cấp chức vụ như sau:														
TT		Họ tên				Hệ số hiện hành		Hệ số điều chỉnh mới						
1		Tổng Giám đốc				0,30		0,50÷1,00						
2		Giám đốc Tài chính trực thuộc HĐQT				0,30		0,50						
3		Phó TGĐ; Kế toán trưởng				0,20		0,50						
4		Trưởng phòng; Đội trưởng; Trưởng BCHCT				0,20		0,50						
5		Phó trưởng phòng; Phó đội trưởng; Phó TBCHCT				0,10		0,30						
Đối với Tổng Giám đốc, “Hệ số phụ cấp chức vụ” được xếp theo Doanh thu của năm trước liền kề với các mức như sau:														
Nhỏ hơn 500 tỷ/năm				Từ 500 tỷ đến 1.000 tỷ/năm				Lớn hơn 1.000 tỷ/năm						
0,50				0,70				1,00						
Tổng Giám đốc đương nhiệm: Hệ số lương bậc 2 được nâng lương theo thời gian 02 năm kể từ ngày được bổ nhiệm.														

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung
2	Nghị quyết HĐQT Số: 01b/2023/NQ-HĐQT/LHC	20/02/2024	4. Điều chỉnh “Thời gian giữ bậc lương”: - Đối với các chức danh Tổng Giám đốc; Giám đốc Tài chính trực thuộc Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng: 02 năm kể từ ngày được bổ nhiệm. - Đối với các chức danh quản lý và chức vụ Trưởng, Phó trở lên, Nhân viên trình độ đại học: 03 năm kể từ ngày làm việc trong hệ thống công ty. - Đối với các chức danh thấp hơn khác: 02 năm kể từ ngày làm việc trong hệ thống công ty. * Xác định mức lương đóng BHXH: - Mức lương đóng bảo hiểm xã hội = (Hệ số bậc lương + Hệ số phụ cấp chức vụ) x Mức lương tối thiểu vùng II (thành phố Đà Lạt). - Mức lương tối thiểu vùng sẽ thay đổi từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ. Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và các quy chế kèm theo phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Thời gian áp dụng: Từ 01/01/2024. Điều 6: Hội đồng quản trị chưa thông qua nội dung của tờ trình của TGD về việc người lao động có nguyện vọng đóng BHXH bắt buộc theo lương thực nhận hàng tháng. Hội đồng quản trị giao TGD triển khai thuê đơn vị tư vấn và trình HĐQT trong phiên họp tới. Điều 7: Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương thanh lý hệ thống thiết bị khoan cọc bê tông đất. Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tịch HĐQT triển khai thực hiện. Điều 8: Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
03	Quyết định HĐQT Số: 01/2024/QĐ-HĐQT/LHC	02/02/2024	Điều 1. 1.Bổ nhiệm Ông Hầu Văn Tuấn - Giám đốc Tài chính trực thuộc HĐQT Công ty, là Người phụ trách kiểm toán nội bộ. Nhiệm kỳ: Theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đương nhiệm hoặc khi có quyết định khác thay thế. 2.Ông Hầu Văn Tuấn có quyền trưng tập nhân sự nội bộ của Công ty hoặc thuê bên ngoài để thực hiện công việc kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật. Điều 2. Chức năng và nhiệm vụ của Bộ phận Kiểm toán nội bộ được quy định tại “Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty”. Điều 3. Hiệu lực thi hành Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế cho Điều 3 Nghị quyết số 01a/2024/NQ-HĐQT/LHC ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, trưởng các Phòng/Bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty, Bộ phận/Kiểm toán nội bộ và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung
04	Nghị quyết HĐQT Số: 02/2024/NQ-HĐQT/LHC	28/03/2024	Điều 1: Thống nhất 100% nội dung các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, bao gồm: - Báo cáo công tác quản trị Công ty năm 2023. - Tờ trình: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023; - Tờ trình: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023; - Tờ trình: Quyết toán thù lao, thưởng HĐQT và BKS 2023; Phương án chi thù lao 2024; - Tờ trình: Kế hoạch SXKD, mức chia cổ tức và đầu tư năm 2024; - Tờ trình: Chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024; - Tờ trình: Miễn nhiệm chức vụ TV HĐQT Trần Hùng Phương và bầu thành viên thay thế. - Thông báo mời họp ĐHĐCĐ; - Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội gồm: - Ông Trần Đại Hiền - Phó TGD: Trưởng ban - Ông Vũ Việt Dũng - Phòng Tổ chức – Hành chính: Thành viên - Bà Nguyễn Thị Thủy - Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật: Thành viên - Bà Lê Thị Thùy - Phòng Tổ chức – Hành chính: Thành viên - Dự thảo Chương trình Đại hội; - Dự thảo Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết của Đại hội; - Dự thảo Quy chế bầu cử bổ sung TV HĐQT; - Dự thảo Nghị quyết Đại hội; - Nội dung Phiếu – Thẻ biểu quyết. Điều 2: Thống nhất đề cử Bà: Đặng Thị Hằng. Sinh ngày 15/12/1988. Số CCCD: 042188005143. Ngày cấp: 21/5/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH. Địa chỉ thường trú: 211/40 Đa Thiện, P8, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Trình độ học vấn: 12/12. Chuyên ngành: Kỹ sư, ngành Kinh tế Xây dựng. Là ứng viên bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát đương nhiệm (2021-2025). Điều 3: Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung								
05	Nghị quyết HĐQT Số: 03a/2024/NQ- HĐQT/LHC	15/4/2024	Điều 1: Thống nhất 100% trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 V/v điều chỉnh điều 28 Điều lệ hiện hành Công ty như sau:								
			<table><tr><th>Điều lệ Công ty hiện hành</th><th>Đề nghị chỉnh sửa</th></tr><tr><td>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</td><td>Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</td></tr><tr><td>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</td><td>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng. Tiền lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức tiền lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</td></tr><tr><td>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</td><td>3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</td></tr></table>	Điều lệ Công ty hiện hành	Đề nghị chỉnh sửa	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng. Tiền lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức tiền lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
			Điều lệ Công ty hiện hành	Đề nghị chỉnh sửa							
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị										
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao công việc và thưởng. Tiền lương, thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức tiền lương, thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức tiền lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.										
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Tiền lương, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.										
Điều 2: Thống nhất 100% phương án trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm đã bao gồm: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Riêng Chủ tịch Hội đồng quản trị không bao gồm tiền đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ 01/7/2020 đến nay.											

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung												
05	Nghị quyết HĐQT Số: 03a/2024/NQ-HĐQT/LHC	15/4/2024	Điều 3: Thống nhất 100% việc phân chia thu nhập thực trả cho người lao động thành các nhóm thu nhập: - Lương cơ bản theo công việc/chức danh: Theo mức lương thang bảng lương do Công ty ban hành. - Các khoản thu nhập không bắt buộc đóng bảo hiểm: Sự chuyên cần, hiệu quả công việc... - Khoản tiền phải trả cho người lao động tương đương tiền đóng BH bắt buộc (nếu có). Hàng năm, Ban Tổng Giám đốc trình HĐQT thông qua mức lương thay đổi của thang bảng lương tùy điều kiện kinh doanh (nếu có). Điều 4: Thống nhất 75% điều chỉnh dự thảo Nghị quyết để bổ sung tài liệu họp Đại Hội cổ đông thường niên năm 2024. Điều 5: Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.												
06	Nghị quyết HĐQT Số: 04/2024/NQ-HĐQT/LHC	18/4/2024	Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất 100% thông qua kết quả kinh doanh quý 1/2024: 1. Kết quả tại Công ty mẹ: <table><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch</th><th>Thực hiện</th><th>Hoàn thành</th></tr><tr><td>Doanh thu thuần</td><td>200 tỷ đồng</td><td>7,437 tỷ đồng</td><td>2,72%</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>28,8 tỷ đồng</td><td>0,677 tỷ đồng</td><td>2,35%</td></tr></table> Điều 2: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng tài sản của Công ty theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2023 với các đối tượng sau: - Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng. - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40. - Công ty CP Phước Hòa. - Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành. - Công ty TNHH MTV Bê tông LBM Đắk Nông. - Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú. - Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn. - Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát. * Nội dung thực hiện và giao dịch: - Mua bán hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu xây dựng phục vụ sản xuất, xây dựng công trình; - Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh; - Thuê, cho thuê máy móc, thiết bị cơ giới, thiết bị phục vụ sản xuất; - Nhận thầu và giao thầu phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành	Doanh thu thuần	200 tỷ đồng	7,437 tỷ đồng	2,72%	Lợi nhuận trước thuế	28,8 tỷ đồng	0,677 tỷ đồng	2,35%
Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành												
Doanh thu thuần	200 tỷ đồng	7,437 tỷ đồng	2,72%												
Lợi nhuận trước thuế	28,8 tỷ đồng	0,677 tỷ đồng	2,35%												



NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung
06	Nghị quyết HĐQT Số: 04/2024/NQ-HĐQT/LHC	18/4/2024	Điều 3: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung điều chỉnh, bổ sung tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, bao gồm: 1. Điều chỉnh “Dự thảo chương trình 2 Đại hội”; 2. Tờ trình 06: Bổ sung 01 đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C; 3. Tờ trình 07: Phương án tiền lương, thưởng HĐQT và BKS; 4. Tờ trình 10: Trình ứng viên đưa vào danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT; 5. Tờ trình 11: Trình bổ sung sửa đổi Điều 28 Điều lệ Công ty; 6. Tờ trình 12: Đề xuất của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024 về đơn kiến nghị lần 2 của cổ đông lớn về việc điều chỉnh khoản 1 Điều 26 và khoản 2 Điều 25 điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị thảo luận nội dung kiến nghị nêu trên, nhận thấy: - Việc kiến nghị sửa đổi Điều lệ nêu trên là phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. - Do Đại hội đồng cổ đông năm 2024 không thực hiện kịp. Hội đồng quản trị kiến nghị: + Nâng số Thành viên HĐQT từ 05 người lên 07 người. + Thời điểm thực hiện: Trình Đại hội biểu quyết lựa chọn thời gian thực hiện là tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 hoặc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. 7. Cập nhật Dự thảo Nghị quyết trình Đại hội. Điều 3: Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
07	Quyết định HĐQT Số: 06/2024/QĐ-HĐQT/LHC	24/04/2024	Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/04/2024. Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế cho Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng ban hành theo Quyết định số: 12/2023/QĐ-HĐQT/LHC ngày 21/04/2023. Điều 3: Các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng nghiệp vụ công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, các Công ty con và các bộ phận, cá nhân liên căn cứ Quyết định thi hành.

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung																								
08	Nghị quyết HĐQT Số: 05/2024/NQ-HĐQT/LHC	24/04/2024	Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị thực hiện tư vấn, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng và kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc tiến hành thương thảo, ký kết đồng với đơn vị kiểm toán nêu trên. Điều 2: Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.																								
09	Nghị quyết HĐQT Số: 06/2024/NQ-HĐQT/LHC	22/6/2024	Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất sử dụng tài sản là 7.500.000 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng, Mã chứng khoán “LBM” thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, đang niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE dùng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn/bảo lãnh/cấp hạn mức tín dụng của các công ty con. <table><tr><th>TT</th><th>Tên Công ty con</th><th>Số lượng cổ phiếu LBM thế chấp</th><th>Mục đích</th></tr><tr><td>1</td><td>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40</td><td>4.900.000</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Trong đó:</td><td>150.000</td><td>Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Lâm Đồng</td></tr><tr><td></td><td></td><td>4.750.000</td><td>Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Gia Định</td></tr><tr><td>2</td><td>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10</td><td>2.600.000</td><td>Cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV Gia Định</td></tr><tr><td colspan="2">Tổng cộng</td><td>7.500.000</td><td></td></tr></table> Điều 2: Người đại diện Công ty thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng. 1. Giao Ông Lê Văn Quý - Tổng Giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đại diện Công ty: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, hồ sơ, văn bản liên quan đến việc thế chấp cổ phiếu, cầm cố tài sản với Ngân hàng và các bên có liên quan. 2. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ các văn bản, hợp đồng, tài liệu do Ông Lê Văn Quý đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng ký kết với Ngân hàng và các bên liên quan phù hợp với các nội dung nêu tại Nghị quyết này. Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.	TT	Tên Công ty con	Số lượng cổ phiếu LBM thế chấp	Mục đích	1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	4.900.000			Trong đó:	150.000	Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Lâm Đồng			4.750.000	Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Gia Định	2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	2.600.000	Cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV Gia Định	Tổng cộng		7.500.000	
TT	Tên Công ty con	Số lượng cổ phiếu LBM thế chấp	Mục đích																								
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	4.900.000																									
	Trong đó:	150.000	Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Lâm Đồng																								
		4.750.000	Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Gia Định																								
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	2.600.000	Cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV Gia Định																								
Tổng cộng		7.500.000																									



NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung																								
10	Nghị quyết HĐQT Số: 07/2024/NQ-HĐQT/LHC	05/08/2024	Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất 100% thông qua kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng năm 2024: 1. Kết quả tại Công ty mẹ: <table><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch</th><th>Thực hiện</th><th>Hoàn thành</th></tr><tr><td>Doanh thu thuần</td><td>200 tỷ đồng</td><td>37,832 tỷ đồng</td><td>18,91%</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>28,8 tỷ đồng</td><td>22,619 tỷ đồng</td><td>78,54%</td></tr></table> 2. Kết quả hợp nhất: <table><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch</th><th>Thực hiện</th><th>Hoàn thành</th></tr><tr><td>Doanh thu thuần</td><td>1.100 tỷ đồng</td><td>532,01 tỷ đồng</td><td>48,36%</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>103,5 tỷ đồng</td><td>66,37 tỷ đồng</td><td>64,12%</td></tr></table> Điều 2: Hội đồng quản trị đã nhận đơn từ nhiệm của ông Lý Chủ Hưng - thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2025. Hội đồng quản trị chấp thuận đơn từ nhiệm và đã công bố theo quy định. Hội đồng quản trị thống nhất trình ĐHĐCĐ đơn từ nhiệm theo nguyện vọng của ông Lý Chủ Hưng. Việc phê duyệt miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên sẽ được thực hiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất. Điều 3: Hội đồng quản trị thống nhất thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1/2024 như sau: - Tỷ lệ tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1/2024 là 15% (tương ứng 1.500đ/cổ phiếu). - Ngày chốt danh sách: 29/8/2024. - Ngày thanh toán: 16/9/2024. Điều 4: Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành	Doanh thu thuần	200 tỷ đồng	37,832 tỷ đồng	18,91%	Lợi nhuận trước thuế	28,8 tỷ đồng	22,619 tỷ đồng	78,54%	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành	Doanh thu thuần	1.100 tỷ đồng	532,01 tỷ đồng	48,36%	Lợi nhuận trước thuế	103,5 tỷ đồng	66,37 tỷ đồng	64,12%
Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành																								
Doanh thu thuần	200 tỷ đồng	37,832 tỷ đồng	18,91%																								
Lợi nhuận trước thuế	28,8 tỷ đồng	22,619 tỷ đồng	78,54%																								
Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành																								
Doanh thu thuần	1.100 tỷ đồng	532,01 tỷ đồng	48,36%																								
Lợi nhuận trước thuế	103,5 tỷ đồng	66,37 tỷ đồng	64,12%																								

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung
11	Nghị quyết HĐQT Số: 08/2024/NQ-HĐQT/LHC	05/08/2024	Điều 1. Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C. Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hạn mức tín dụng/theo món. Cụ thể như sau: - Hạn mức tín dụng: 250.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tỷ đồng), bao gồm: + Hạn mức vay vốn lưu động: 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng). + Hạn mức cấp bảo lãnh: 200.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng). - Mục đích: Vay vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. - Thời hạn vay: Theo quy định của Ngân hàng. - Lãi suất vay và điều kiện vay vốn: Theo quy định của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty và Ngân hàng. Điều 2. Thông qua biện pháp bảo đảm tiền vay. Thông qua việc cầm cố, thế chấp các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Công ty và các tài sản khác huy động của bên thứ ba (nếu có) tại Ngân hàng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng đối với khoản vay/bảo lãnh/L/C nêu trên. Cụ thể các tài sản gồm: - Các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng là toàn bộ phương tiện vận tải, phương tiện thi công cơ giới, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất. - 10.000.000 cổ phiếu LBM niêm yết trên sàn HOSE thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng. - Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn. Điều 3. Người đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng. 1. Giao Ông Lê Văn Quý - Tổng Giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện Công ty: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, văn bản liên quan đến việc vay vốn, thế chấp, cầm cố tài sản tại Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy đề nghị vay vốn; Giấy đề nghị phát hành bảo lãnh, mở L/C; Hợp đồng tín dụng hạn mức; Hợp đồng cấp bảo lãnh; Bảng kê rút vốn/Hợp đồng tín dụng cụ thể; Giấy đề nghị giải ngân; Bảng phân khai kế hoạch giải ngân; Đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; Biên bản giao nhận hồ sơ chứng từ liên quan đến từng lần giải ngân; Biên bản định giá tài sản và các văn bản, tài liệu khác có liên quan...

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung																												
11	Nghị quyết HĐQT Số: 08/2024/NQ-HĐQT/LHC	05/08/2024	2. Ông Lê Văn Quý được quyền ủy quyền lại cho người khác đại diện Công ty thực hiện các công việc nêu trên. Việc ủy quyền này được lập thành văn bản riêng. 3. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ các văn bản, hợp đồng, tài liệu do Ông Lê Văn Quý hoặc người được Ông Lê Văn Quý ủy quyền đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng ký kết với Ngân hàng phù hợp với các nội dung nêu tại Nghị quyết này. Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Điều 5. Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.																												
12	Nghị quyết HĐQT Số: 09/2024/NQ-HĐQT/LHC	05/08/2024	Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất sử dụng tài sản là 15.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng, Mã chứng khoán “LBM” thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, đang niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE dùng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn/bảo lãnh/cấp hạn mức tín dụng của các công ty con. Cụ thể như sau: <table><tr><th colspan="4">Số lượng cổ phiếu</th></tr><tr><th>TT</th><th>Tên Công ty con</th><th>LBM thể chấp</th><th>Mục đích</th></tr><tr><td>1</td><td>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40</td><td>9.800.000</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Trong đó:</td><td>300.000</td><td>Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Lâm Đồng</td></tr><tr><td></td><td></td><td>9.500.000</td><td>Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Gia Định</td></tr><tr><td>2</td><td>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10</td><td>5.200.000</td><td>Cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV Gia Định</td></tr><tr><td colspan="2">Tổng cộng</td><td>15.500.000</td><td></td></tr></table>	Số lượng cổ phiếu				TT	Tên Công ty con	LBM thể chấp	Mục đích	1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	9.800.000			Trong đó:	300.000	Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Lâm Đồng			9.500.000	Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Gia Định	2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	5.200.000	Cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV Gia Định	Tổng cộng		15.500.000	
Số lượng cổ phiếu																															
TT	Tên Công ty con	LBM thể chấp	Mục đích																												
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	9.800.000																													
	Trong đó:	300.000	Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Lâm Đồng																												
		9.500.000	Thế chấp tại Ngân hàng BIDV Gia Định																												
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	5.200.000	Cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV Gia Định																												
Tổng cộng		15.500.000																													

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung																								
12	Nghị quyết HĐQT Số: 09/2024/NQ-HĐQT/LHC	05/08/2024	Điều 2: Người đại diện Công ty thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết hợp đồng với Ngân hàng. 1. Giao Ông Lê Văn Quý - Tổng Giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty, đại diện Công ty: Thương thảo, đàm phán, thông qua, ký kết và thực hiện các hợp đồng, hồ sơ, văn bản liên quan đến việc cho vay cổ phiếu, thế chấp cổ phiếu với Công ty con và các bên liên quan. 2. Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ các văn bản, hợp đồng, tài liệu do Ông Lê Văn Quý đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng ký kết với Ngân hàng và các bên liên quan phù hợp với các nội dung nêu tại Nghị quyết này. Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐQT/LHC ngày 22/6/2024. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.																								
13	Nghị quyết HĐQT Số: 10/2024/NQ-HĐQT/LHC	05/11/2024	Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất 100% thông qua kết quả kinh doanh quý 3 và 9 tháng năm 2024: 1. Kết quả tại Công ty mẹ: <table><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch</th><th>Thực hiện</th><th>Hoàn thành</th></tr><tr><td>Doanh thu thuần</td><td>200 tỷ đồng</td><td>52,51 tỷ đồng</td><td>26,25 %</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>28,8 tỷ đồng</td><td>23,23 tỷ đồng</td><td>80,69 %</td></tr></table> 2. Kết quả hợp nhất: <table><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>Kế hoạch</th><th>Thực hiện</th><th>Hoàn thành</th></tr><tr><td>Doanh thu thuần</td><td>1.100 tỷ đồng</td><td>813,40 tỷ đồng</td><td>73,95 %</td></tr><tr><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td>103,5 tỷ đồng</td><td>89,56 tỷ đồng</td><td>86,53 %</td></tr></table> Điều 2: Hội đồng quản trị thống nhất 100% bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty. Nhân sự được bổ nhiệm như sau:	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành	Doanh thu thuần	200 tỷ đồng	52,51 tỷ đồng	26,25 %	Lợi nhuận trước thuế	28,8 tỷ đồng	23,23 tỷ đồng	80,69 %	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành	Doanh thu thuần	1.100 tỷ đồng	813,40 tỷ đồng	73,95 %	Lợi nhuận trước thuế	103,5 tỷ đồng	89,56 tỷ đồng	86,53 %
Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành																								
Doanh thu thuần	200 tỷ đồng	52,51 tỷ đồng	26,25 %																								
Lợi nhuận trước thuế	28,8 tỷ đồng	23,23 tỷ đồng	80,69 %																								
Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành																								
Doanh thu thuần	1.100 tỷ đồng	813,40 tỷ đồng	73,95 %																								
Lợi nhuận trước thuế	103,5 tỷ đồng	89,56 tỷ đồng	86,53 %																								

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP HĐQT

TT	Số Nghị quyết	Thời gian	Nội dung
13	Nghị quyết HĐQT Số: 10/2024/NQ-HĐQT/LHC	05/11/2024	Điều 2: Hội đồng quản trị thống nhất 100% bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty. Nhân sự được bổ nhiệm như sau: Họ và tên: NGUYỄN VĂN SƠN - Ngày sinh: 20/4/1970 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam - Số CCCD: 042070013606, cấp ngày: 10/7/2021 tại Cục QLHC về TTXH - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng công trình thủy. - Địa chỉ thường trú: 649/24B Điện Biên Phủ, Phường 25, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. - Được bổ nhiệm: Phó Tổng Giám đốc Công ty. - Thời hạn bổ nhiệm: Từ ngày 05/11/2024 đến 30/4/2026 theo nhiệm kỳ còn lại của Hội đồng quản trị đương nhiệm 2021-2025, hoặc khi có quyết định khác thay thế. - Quyền lợi: Hưởng lương, thưởng, chế độ và quyền lợi khác tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40. Điều 3: Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
14	Nghị quyết HĐQT Số: 11/2024/NQ-HĐQT/LHC	25/11/2024	Điều 1: Hội đồng quản trị thống nhất 100% thông qua chủ trương mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10 – “Công ty L40.10” (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 – “Công ty L40”) sau khi được Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/11/2024 của Công ty L40 thông qua. - Giá mua : 10.000đ/cổ phiếu. - Số lượng mua : 1.800.000 cổ phiếu/1.810.000 cổ phiếu của Công ty L40.10, tương ứng 99,45% vốn Điều lệ Công ty L40.10. Điều 2: Hội đồng quản trị thống nhất 100% thông qua chủ trương chuyển nhượng 51% cổ phiếu của Công ty tại Công ty L40 (1.836.000 cổ phiếu) sau khi tìm được đối tác để giao dịch thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phiếu L40 với giá trên 40.000đ/cổ phiếu. Điều 3: Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

Ngày 19/04/2024, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 24 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua:

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.
- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2023.
- Thông qua kế hoạch sản xuất - kinh doanh, chia cổ tức và đầu tư năm 2024.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.
- Thông qua phê duyệt tổng mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 và quyết định mức tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024.
- Thông qua nội dung: Không thực hiện chia cổ tức tại Công ty LBM 65% lợi nhuận sau thuế năm 2023 để duy trì hoạt động kinh doanh.
- Thông qua Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung thành viên HĐQT.
- Thông qua thông tin ứng viên bà Ngô Thu Hương để đưa vào danh sách bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ còn lại của Hội đồng quản trị đương nhiệm (2021-2025).
- Thông qua kết quả trúng cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025.
- Thông qua sửa đổi khoản 2, khoản 3, điều 28 Điều lệ công ty.
- Thông qua nội dung nâng số Thành viên Hội đồng quản trị công ty từ 05 (năm) người lên 07 (bảy) người.
- Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 24 năm 2024.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Lê Huy Sáu	Trưởng Ban kiểm soát	205.000	1,42%	-
2	Hoàng Thị Lụa	Thành viên BKS	328.000	2,28%	-
3	Nguyễn Thị Liên	Thành viên BKS	165.000	1,15%	-

(*) Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày ĐKCC 20/03/2025

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Huy Sáu	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%
2	Hoàng Thị Lụa	Thành viên BKS	2/2	100%
3	Nguyễn Thị Liên	Thành viên BKS	2/2	100%

RÀ SOÁT DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Không có thay đổi trong cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2024

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

ÔNG LÊ HUY SÁU

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi

Nơi sinh: Thanh Hoá

Quá trình công tác:

1992 - 1997	Cán bộ Thủy lợi Phòng Kinh tế huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng
1997 - 2000	Cán bộ Công ty Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
2000 - 2020	Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
25/04/2021 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 205.000 cp , chiếm 1,42% vốn điều lệ

BÀ HOÀNG THỊ LỤA

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán

Nơi sinh: Thái Bình

Quá trình công tác:

01/10/1989 - 31/05/1993	Nhân viên Kế toán tại Xí nghiệp Quản lý và Khai thác Công trình thuộc Liên hiệp Xí nghiệp Thủy lợi Lâm Đồng
01/06/1994	Nhân viên Kế toán tại Xí nghiệp Khai thác và chế biến Đá ốp lát thuộc Công ty Công nghiệp Đá xuất khẩu Lâm Đồng
29/06/1998 - 30/06/2018	Nhân viên Thủ quỹ Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 Lâm Đồng nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
25/04/2021 - nay	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 328.000 cp , chiếm 2,28% vốn điều lệ

BÀ NGUYỄN THỊ LIÊN

Cử nhân Kế toán

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Nơi sinh: Bắc Giang

Quá trình công tác:

01/1995 - 06/1997	Kế toán thanh toán tại Công ty Phát triển Kinh tế Lâm Đồng
07/1997 - 02/2007	Kế toán trưởng Trung tâm lữ hành - Đơn vị thành viên thuộc CT Dịch vụ Du lịch Đà Lạt - Nay là CTCP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
03/2007 - 09/2008	Chuyên viên phòng Kiểm soát nội bộ CTCP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
10/2008 - 02/2010	Giám đốc Khu du lịch Prenn - Đơn vị thành viên thuộc CT Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
03/2010 - 09/2010	Phó phòng Đầu tư và Kiểm soát nội bộ CTCP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt
10/2010 - 03/2011	Trưởng phòng Tài chính Kế toán CTCP Sacom Tuyền Lâm Đà Lạt
04/2016 – 04/ 2021	Trưởng BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
25/04/2021 - nay	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 20/03/2025:

Sở hữu cá nhân: 165.000 cp , chiếm 1,15% vốn điều lệ

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

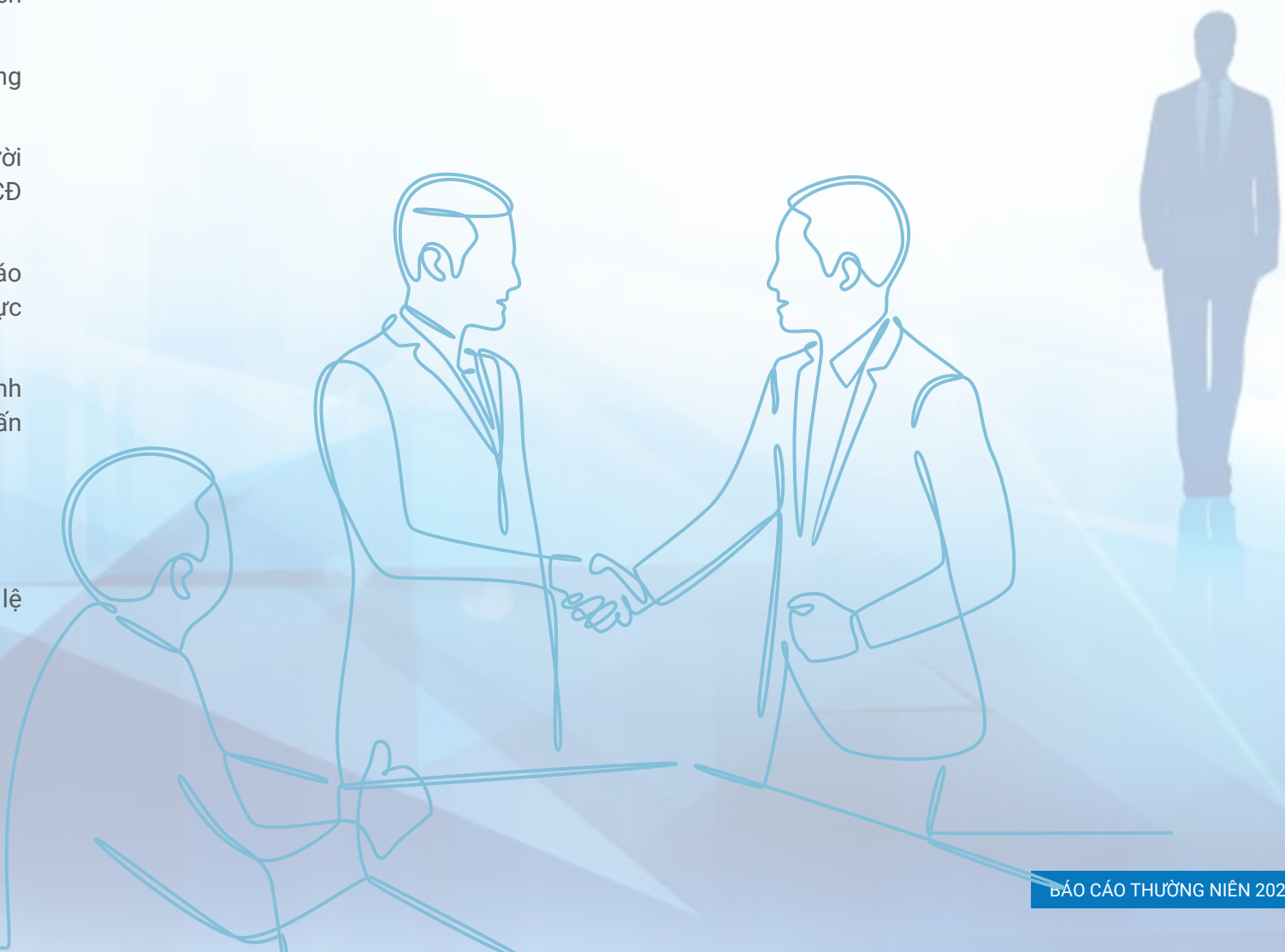


Trong năm 2024, BKS đã tiến hành thực hiện các nội dung công việc theo chức năng và nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ Công ty. Cụ thể các hoạt động đã thực hiện của BKS trong năm 2024 như sau:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT với Tổng Giám đốc và Ban điều hành Công ty. Đại diện BKS tham gia họp giao ban định kỳ của Công ty.
- Kiểm tra sổ sách, ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán và tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại văn phòng công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Đánh giá kết quả hoạt động, tình hình quản lý, tính pháp lý các dự án được triển khai tại công ty mẹ và các công ty con.
- Giám sát việc thực hiện những nội dung được thông qua tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2024.
- Giám sát tình hình tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành Công ty. Giám sát việc quản lý tài chính và các quy định khác của công ty.
- Giám sát việc điều hành kinh doanh, phân bổ nguồn lực, cân đối vốn để triển khai các kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận của Công ty.
- Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.
- Giám sát việc chi trả lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của những người quản lý Công ty phù hợp với kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Giám sát tình hình tài chính, kế toán của công ty. Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính thường niên nhằm đánh giá tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của các số liệu tài chính.
- Giám sát việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty. Theo đó, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam được chọn là đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2024
- Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán.
- Thảo luận và thống nhất báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty mẹ: Năm 2024, doanh thu không hoàn thành kế hoạch và lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.
- Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất: Trong năm 2024 doanh thu và lợi nhuận hoàn thành vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.
- Tình hình tài chính: Tình hình tài chính ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Qua BCTC năm 2024 đã được kiểm toán, BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh. BCTC phản ánh đầy đủ và rõ ràng, tình hình tài chính của công ty lành mạnh.
- BKS thống nhất với báo cáo của HĐQT về công tác quản trị công ty năm 2024. Về tình hình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024.
- Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, đã chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho các cổ đông tỷ lệ 25% với số tiền là: 36.000.000.000 đồng.



BAN KIỂM SOÁT (TT)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN QUẢN LÝ CÔNG TY TRONG NĂM 2024

Đối với Hội đồng quản trị

- HĐQT công ty năm 2024 có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập đảm bảo cơ cấu thành viên HĐQT theo quy định. Ngày 02/07/2024, 01 thành viên trong HĐQT là Lý Chủ Hưng đã nộp đơn xin từ nhiệm kể từ ngày 10/07/2024 vì lý do cá nhân.
- HĐQT công ty đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch HĐQT chủ trì.
- HĐQT thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2024. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Thực hiện đúng chế độ công bố thông tin theo quy định Luật Chứng khoán.
- HĐQT Công ty đã chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ tốt cho Ban Tổng Giám đốc điều hành công việc sản xuất kinh doanh của công ty.
- BKS đánh giá hoạt động của HĐQT tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị doanh nghiệp. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu và theo sát mọi hoạt động Công ty với tinh thần trách nhiệm cao.

Đối với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

- Năm 2024, công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch doanh thu do tình hình khó khăn chung của thị trường xây dựng nhưng lợi nhuận vượt kế hoạch. Về hợp nhất, doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ năm 2024 đề ra.
- Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động đưa ra các giải pháp nỗ lực để tiết giảm chi phí. Kết quả kinh doanh xây lắp năm 2024, Doanh thu thuần thực hiện chỉ đạt 49,22% so với kế hoạch, tuy nhiên Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD đã đạt được 102,32% kế hoạch đề ra.
- Doanh thu năm 2024 đạt thấp là do các gói thầu đã ký hợp đồng nhưng Chủ đầu tư chưa tháo gỡ được các vướng mắc về mặt bằng để triển khai thi công:
 - + Gói thầu số 10: Cụm đầu mối Hồ Ta Hoét vướng mặt bằng và công tác an ninh.
 - + Gói thầu số 13: Cụm đầu mối Hồ Đông Thanh đang tạm dừng thi công chờ phê duyệt phương án xử lý sạt trượt.
 - + Gói thầu số 18: Kênh và CTTK Đông Thanh chờ bàn giao mặt bằng thi công.
- Ban điều hành đã làm việc với tinh thần trách nhiệm, cẩn trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày tuân theo các quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
- Hoạt động công bố thông tin thực hiện kịp thời, tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho công ty niêm yết.





ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho BKS tiếp cận với các thông tin một cách trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra hoặc thông qua hệ thống báo cáo tài chính của Công ty.

- BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tại các cuộc họp, BKS đã thảo luận đối với các vấn đề về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình quản trị của công ty trong phạm vi chức năng của BKS.
- BKS thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của BKS và những kiến nghị cần thiết đến HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi nhiệm vụ của mình.
- Trong năm, BKS không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại hoặc yêu cầu kiểm tra các vấn đề tài chính cũng như công tác quản lý từ Cổ đông.

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Trong năm 2024, BKS triệu tập 02 cuộc họp trực tiếp để thảo luận các vấn đề sau:

Cuộc họp 1. Xem xét kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của công ty.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm hợp nhất đã thực hiện 532,01 tỷ, hoàn thành 48,36% kế hoạch doanh thu và 66,37 tỷ, hoàn thành 64,12% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.
- Hoạt động quản lý điều hành công ty 6 tháng đầu năm 2024 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty là minh bạch, phù hợp với các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Đề nghị HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có biện pháp tích cực thúc đẩy SX- KD trong thời gian 6 tháng cuối năm để hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2024.
- Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2024 tỷ lệ 15%. Ngày chốt danh sách 29/8/2024. Ngày thanh toán 16/9/2024.
- HĐQT thống nhất trình ĐHĐCĐ đơn từ nhiệm theo nguyện vọng của ông Lý Chủ Hưng tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
- Cuộc họp 2. Xem xét báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2025.
- BKS thống nhất với số liệu trên BCTC của công ty, qua đó ghi nhận một số chỉ tiêu chính của niên độ kế toán 2024 như sau:

+ Năm 2024 công ty mẹ chỉ đạt 98,45 tỷ doanh thu hoàn thành 49,22% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt 53,1 tỷ hoàn thành 184,39% kế hoạch.

+ Nguyên nhân do tình hình khó khăn chung của thị trường xây dựng, Chủ đầu tư chưa tháo gỡ được các vướng mắc về mặt bằng của các gói thầu thi công.

- Định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trình ĐHĐCĐ.
- Đề nghị HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có biện pháp tích cực thúc đẩy SX- KD để hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra trong các năm tiếp theo.
- Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024. Thảo luận và thống nhất trình báo cáo BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

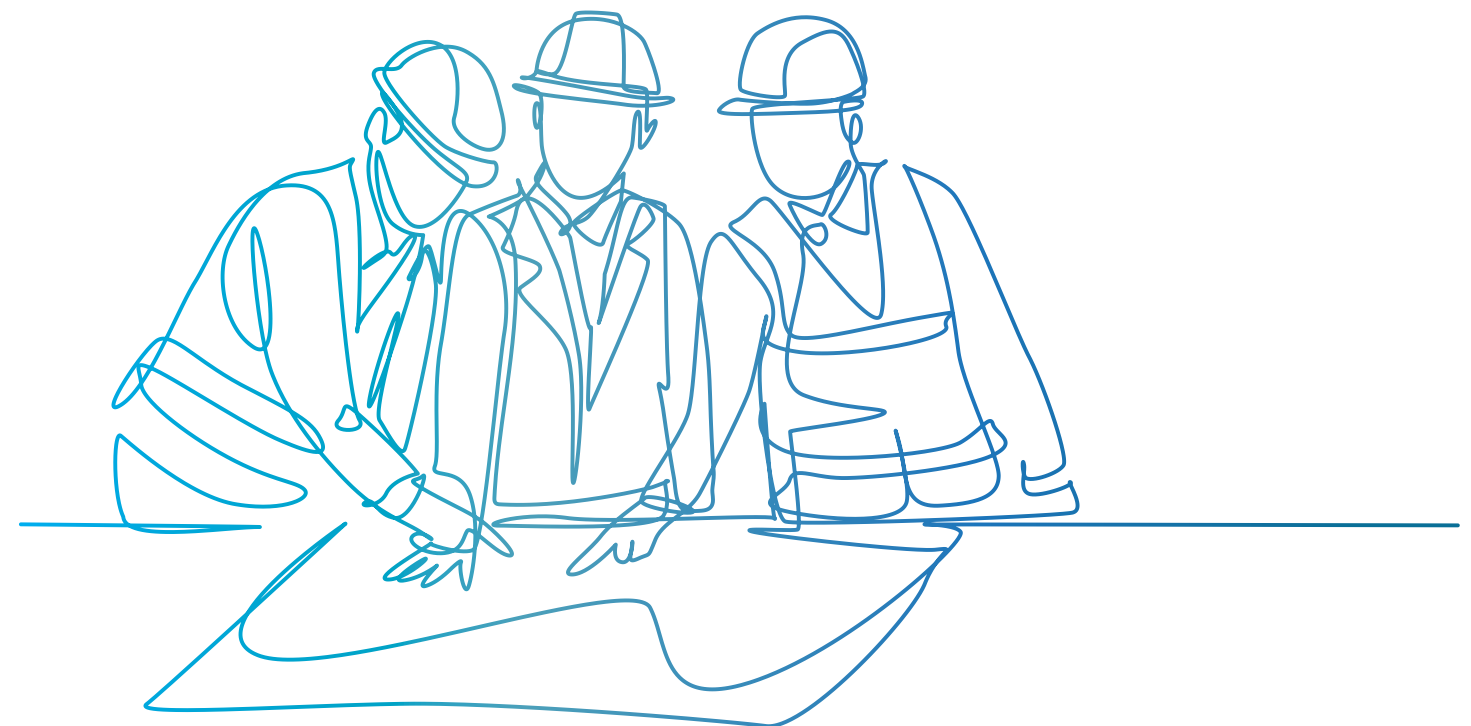
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Kiến nghị của BKS đối với HĐQT và Ban điều hành năm 2025

- Công ty cần thúc đẩy việc khảo sát, nghiên cứu nhằm tìm kiếm dự án mới đồng thời với việc tháo gỡ các vướng mắc các dự án đang triển khai để thúc đẩy phát triển lĩnh vực kinh doanh xây dựng.
- Xây lắp là lĩnh vực truyền thống của Công ty mẹ nhưng ngày càng khó khăn và đạt hiệu quả thấp. Do đó, HĐQT cần nghiên cứu cơ chế mới phù hợp hơn với lĩnh vực xây lắp để quản lý và cải thiện hiệu quả hoạt động.
- HĐQT cần chú trọng nhiều hơn đến việc tuyển dụng, đào tạo thế hệ kế cận, đảm bảo việc phát triển bền vững của công ty.

Phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2025

- Tiếp tục duy trì tốt chức năng kiểm tra, giám sát các chỉ tiêu, nội dung kinh tế kế hoạch mà nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch, công khai vì lợi ích của cổ đông và Công ty;
- Phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm thu thập thông tin, đưa ra kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành về công tác kiểm soát chi phí và kiểm soát vốn tại các Công ty con.
- Phối hợp với Bộ phận kiểm soát nội bộ, Bộ phận đảm bảo chất lượng và an toàn lao động để soát xét chi phí, đánh giá hiệu quả kinh tế của một số công trình hoàn thành. Trong trường hợp cần thiết có thể đề nghị sử dụng tư vấn độc lập là các công ty kiểm toán độc lập.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2024
THÙ LAO CỦA TV HĐQT				
1	Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.345.611.727	777.100.000
2	Ông Trần Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
3	Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	-	40.000.000
4	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	45.000.000	-
5	Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	60.000.000	30.000.000
6	Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT độc lập	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng			1.630.611.727	1.027.100.000
THU NHẬP CỦA TV BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	1.117.588.000	1.119.252.000
2	Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc	603.540.000	579.172.000
3	Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	10.000.000	-
4	Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	559.988.000	400.908.000
5	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	259.428.000	455.658.000
Tổng cộng			2.550.544.000	2.554.990.000

DANH SÁCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

SỐ DƯ PHẢI THU (PHẢI TRẢ) VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024
Phải thu khách hàng ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	2.157.967.483
Trả trước thương mại	
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	9.998.553.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	15.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	43.315.068
Phải trả cho người bán ngắn hạn	
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(1.302.535.622)
Góp vốn đầu tư vào Công ty con	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	36.000.000.000
Công trình và cung cấp dịch vụ	
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	9.336.569.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	5.093.974.000
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	45.318.071
Tổng cộng	14.475.861.071
Bán vật tư	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	1.120.416.333
Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	72.709.051
Tổng cộng	1.193.125.384
Lãi cho vay	
Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	611.568.493
Nhận cổ tức	
Công ty Cổ phần Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng	45.430.602.000
Mua lại phần vốn góp	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	18.000.000.000
Vốn đầu tư vào công ty con	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	18.000.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH(TT)

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH(TT)Đơn vị tính: Đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2024
CỔ TỨC ĐÃ CHIA CHO TV HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT	2.144.000.000	1.072.000.000
2	Ông Trần Việt Thắng	Phó CT HĐQT	1.679.900.000	432.600.000
3	Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	146.500.000	-
4	Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	-	127.500.000
5	Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	20.850.000	2.000.000
6	Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	183.200.000	91.600.000
7	Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	69.000.000	37.000.000
8	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	42.008.000	21.004.000
Tổng cộng			4.285.458.000	1.783.704.000
TIỀN LƯƠNG VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA TV BKS				
1	Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
2	Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Tổng cộng			108.000.000	108.000.000
CỔ TỨC ĐÃ CHIA CHO TV BKS				
1	Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	444.000.000	222.000.000
2	Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	656.000.000	328.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	330.000.000	165.000.000
Tổng cộng			1.430.000.000	715.000.000

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thị Thùy	Em gái của CT HĐQT	5.200	0,04%	8.300	0,06%	Mua 3.200 CP Bán 100 CP
2	Đình Văn Diện	Em rể của CT HĐQT	83.000	0,58%	73.600	0,51%	Mua 3.000 CP Bán 12.400 CP
3	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	21.004	0,15%	25.004	0,17%	Mua 4.000 CP
4	Hầu Văn Tuấn	Giám đốc Tài chính	37.000	0,26%	4.900	0,03%	Mua 1.000 CP Bán 33.100 CP
5	Nguyễn Thị Sương	Vợ của Giám đốc Tài chính	0	0%	600	0,0042%	Mua 600 CP
6	Lê Huy Sáu	Trưởng BKS	222.000	1,54%	205.000	1,42%	Bán 17.000 CP
7	Trần Xuân Tâm	Thư ký, Người phụ trách quản trị công ty	0	0%	200	0,001%	Mua 200 CP
8	Nguyễn Thị Oanh	Vợ của Ông Phan Công Ngôn - Thành viên HĐQT	17.500	0,12%	10.000	0,07%	Mua 500 CP Bán 8.500 CP
9	Lê Cao Quang	Người nội bộ của Công ty con LBM	159.000	1,10%	186.100	1,29%	Mua 27.100 CP
10	Trần Thị Thanh Huyền	Chị dâu của Ông Lê Cao Quang	106.500	7,40%	99.700	6,92%	Bán 6.800 CP
11	Trần Việt Thắng	Phó CT HĐQT	934.900	6,49%	1.285.700	8,93%	Mua 350.800 CP
12	Nguyễn Thị Mai Lan	Mẹ của PCT HĐQT	973.400	6,76%	1.213.600	8,43%	Mua 240.200 CP
13	Phan Minh Đạt	Chồng của TV BKS Nguyễn Thị Liên	42.960	0,30%	47.460	0,33%	Mua 4.500 CP
14	Phan Minh Hiếu	Con của TV BKS Nguyễn Thị Liên	163.800	1,14%	181.800	1,26%	Mua 18.000 CP
15	Nguyễn Thị Liên	TV BKS	165.000	1,15%	165.000	1,15%	Mua 9.000CP Ban 9.000CP

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH (TT)

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Shih Kuan Tung	Cổ đông lớn	2.103.500	14,6%	0	0%	Mua 208.100 CP Bán 2.311.600 CP
2	Trần Việt Thắng	Cổ đông lớn	934.900	6,49%	1.285.700	8,93%	Mua 350.800 CP
3	Nguyễn Thị Mai Lan	Cổ đông lớn	973.400	6,76%	1.213.600	8,43%	Mua 240.200 CP
4	Nhóm cổ đông lớn: Nguyễn Khắc Hùng, Ông Nguyễn Ngọc Thủy Anh, Nguyễn Thị Định, Ông Ngọc Khoát	Nhóm cổ đông lớn	2.311.600	16,05%	691.200	4,8%	Mua 2.311.600 CP Bán 1.620.400 CP (Không còn là cổ đông lớn kể từ ngày 04/07/2024)

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM TRỞ LẠI ĐÂY: Không có

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH LÀ THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH: Không có

CÁC GIAO DỊCH KHÁC CỦA CÔNG TY CÓ THỂ MANG LẠI LỢI ÍCH VẬT CHẤT HOẶC PHI VẬT CHẤT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng luôn chú trọng đến việc quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ. Để đảm bảo quyền lợi và lợi ích cho cổ đông cũng như các nhà đầu tư, Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

Công ty cũng cam kết công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và rõ ràng, giúp cổ đông và các bên liên quan có cái nhìn minh bạch về tình hình hoạt động của công ty. Ban lãnh đạo luôn nỗ lực hoàn thiện bộ máy quản trị, phù hợp với bản sắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, từ đó nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong mọi hoạt động.

Ngoài ra, Công ty không ngừng nâng cao năng lực quản trị cho các thành viên trong Ban lãnh đạo, nhằm đảm bảo hoạt động quản trị mang lại hiệu quả cao, thúc đẩy sự phát triển và thịnh vượng lâu dài của Công ty.



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên – miễn nhiệm ngày 10/07/2024
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên – bổ nhiệm ngày 20/04/2024

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Giám đốc – bổ nhiệm ngày 05/11/2024
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

361
3NC
TNI
TOÁN
VII
40'



RSM Việt Nam
Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: 345/2025/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

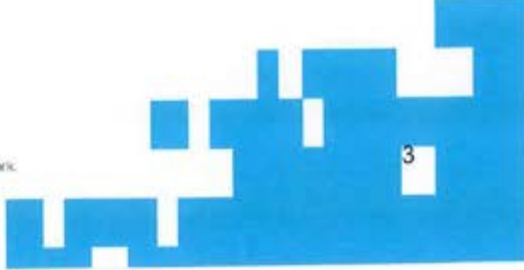
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.





Mẫu số B 01 - DN/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Hoài Nam
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3527-2021-026-1
(Theo Ủy quyền số 10/2024-25/UQ-RSM ngày
31/12/2024 của Tổng Giám đốc)

Lê Võ Thuý Linh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán:
3525-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		607.500.864.584	660.825.539.644
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	273.024.811.700	197.316.312.274
1. Tiền	111		110.019.595.427	67.316.312.274
2. Các khoản tương đương tiền	112		163.005.216.273	130.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		183.545.416.398	314.255.883.185
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	119.700.325.386	123.756.848.032
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	59.966.949.287	124.783.227.709
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	4.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	35.495.313.302	95.798.166.974
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(31.617.171.577)	(34.182.359.530)
III. Hàng tồn kho	140	4.6	143.920.667.536	141.717.841.616
1. Hàng tồn kho	141		145.471.472.405	143.268.646.485
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.009.968.950	7.535.502.569
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		296.244.632	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	6.591.732.881	4.331.470.070
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	121.991.437	3.204.032.499
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		589.111.617.186	437.684.633.088
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.202.601.466	3.085.352.449
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	3.202.601.466	3.085.352.449
II. Tài sản cố định	220		372.307.673.613	369.259.215.070
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	355.304.531.029	333.819.244.946
Nguyên giá	222		1.002.877.881.408	911.618.466.798
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(647.573.350.379)	(577.799.221.852)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	17.003.142.584	35.439.970.124
Nguyên giá	228		23.069.091.474	41.069.091.474
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.065.948.890)	(5.629.121.350)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	1.727.587.500
1. Nguyên giá	231		-	2.103.150.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(375.562.500)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		184.501.067.484	38.750.707.333
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	184.501.067.484	38.750.707.333
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.100.274.623	24.861.770.736
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	25.026.466.627	22.816.013.185
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	4.19	4.073.807.996	2.045.757.551
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.196.612.481.770	1.098.510.172.732

Mẫu số B 01 - DN/HN

Mẫu số B 02 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		450.418.765.040	408.926.635.282
I. Nợ ngắn hạn	310		418.159.819.306	364.537.689.548
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	91.718.218.506	59.635.363.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	156.004.064.106	195.409.065.572
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	19.593.617.875	7.158.113.947
4. Phải trả người lao động	314	4.18	38.020.916.634	38.554.187.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	5.815.833.899	8.466.870.885
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		9.265.809	10.465.939
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	2.173.314.768	4.560.342.774
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	97.701.700.756	39.987.716.220
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	5.143.515.371	8.535.030.889
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.979.371.582	2.220.531.619
II. Nợ dài hạn	330		32.258.945.734	44.388.945.734
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	4.272.445.734	4.402.445.734
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	27.000.000.000	39.000.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.17	986.500.000	986.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		746.193.716.730	689.583.537.450
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	746.193.716.730	689.583.537.450
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.052.708.180	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		213.784.472.806	212.272.033.188
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		108.146.047.509	78.725.382.556
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		62.512.942.938	18.656.631.855
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45.633.104.571	60.068.750.701
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		271.210.488.235	245.533.413.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.196.612.481.770	1.098.510.172.732

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.206.792.016.202	1.119.808.512.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.008.434.299	537.379.164
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.204.783.581.903	1.119.271.133.177
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	982.364.750.141	842.466.132.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222.418.831.762	276.805.000.837
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.398.754.257	5.898.958.340
7. Chi phí tài chính	22	5.4	3.686.600.668	4.671.139.745
Trong đó, chi phí lãi vay	23		3.390.950.749	4.298.962.979
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	4.950.872.868	3.162.427.454
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	95.468.972.672	119.001.622.748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		121.711.139.811	155.868.769.230
11. Thu nhập khác	31	5.7	28.984.374.344	10.771.762.997
12. Chi phí khác	32	5.8	3.481.726.039	5.347.086.950
13. Lợi nhuận khác	40		25.502.648.305	5.424.676.047
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		147.213.788.116	161.293.445.277
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	32.305.544.756	34.085.387.490
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.11	(2.028.050.445)	933.304.567
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		116.936.293.805	126.274.753.220
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		66.967.012.999	81.668.750.701
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		49.969.280.806	44.606.002.519
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.4	4.650	5.651
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.4	4.650	5.651

Phê duyệt

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc
Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Phê duyệt

Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc
Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Mẫu số B 03 - DN/HN

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		147.213.788.116	161.293.445.277
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	81.085.566.179	84.696.398.933
Các khoản dự phòng	03		(5.956.703.471)	6.516.013.892
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.829.067)	14.309.439
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(28.666.358.935)	(9.323.622.390)
Chi phí lãi vay	06	5.4	3.390.950.749	4.298.962.979
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh	08		197.061.413.571	247.495.508.130
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		128.996.123.343	(94.101.065.432)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(2.202.825.920)	12.192.879.697
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.795.185.761)	100.483.216.932
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(2.506.698.074)	974.623.207
Tiền lãi vay đã trả	14		20.828.757.260	(3.937.680.788)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(21.831.071.700)	(53.661.699.491)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(541.160.037)	(325.607.094)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		309.009.352.682	209.120.175.161
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(276.401.832.883)	(194.064.534.289)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		49.993.122.804	11.389.558.922
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.100.000.000	2.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.310.244.194	4.326.967.282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(218.998.465.885)	(180.348.008.085)

Ph. / TY + T. / NA / SC

(Xem tiếp trang sau)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		719.983.475	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	125.349.969.403	101.185.553.385
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(79.635.984.867)	(57.689.291.127)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.20.1	(60.746.098.000)	(49.334.201.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.312.129.989)	(5.837.938.942)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		75.698.756.808	22.934.228.134
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		197.316.312.274	174.393.942.334
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.742.618	(11.858.194)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	273.024.811.700	197.316.312.274

Phê duyệt
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG
Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc
Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập
Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty" hoặc "công ty mẹ") được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 25 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 144.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 856 (31/12/2023 là: 840).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước.
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.5. Các công ty con được hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:					
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40.10	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	99,45%	99,45%	99,45%
Công ty con gián tiếp:					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	61,26%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch sau:
 - + Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế được chi tiết tại các vị trí như sau:

- Tại 87 Phú Đồng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng: Đã trích khấu hao hết.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Tại Xí nghiệp Hiệp Lực: Quyền sử dụng đất có thời hạn và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.
- Thửa đất số: 64, Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện ĐăkR'lấp, tỉnh Đăk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2056.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Các thửa đất, tờ bản đồ và thời hạn sử dụng tương ứng tại Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông như sau:

Thửa đất	Tờ bản đồ	Thời hạn sử dụng
Số 13	Số 5	Đến năm 2056
Số 64	Số 5	Đến 15/10/2056
Số 27	Số 15	Đến 01/07/2064
Số 84	Số 16	Đến 01/07/2064
Số 27	Số 22	Đến 2050
Số 63	Số 5	Đến 2050
Số 29	Số 22	Đến 03/2058
Số 61	Số 15	Đến 2050

- Thửa đất số: 119 Tờ bản đồ số: 56, Thửa đất số: 110 Tờ bản đồ số: 56, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến 15/10/2044.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là quyền sử dụng đất đang chờ hoàn tất đầy đủ giấy tờ hợp lý hợp lệ, bao gồm:

- Thửa đất số: 79, Tờ bản đồ số: 12, thôn Thuận Trung, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2063.
- Thửa đất số: 184, 185, 181 Tờ bản đồ số: 61, thôn Thuận Nam, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến 01/07/2064, trong đó có 1.636 m2 sử dụng đến 15/10/2048.
- Thửa đất số: 65 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 20 Tờ bản đồ số: 5, Thửa đất số: 11 Tờ bản đồ số: 5, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến các năm 2056 và đến 2057.
- Thửa đất số: 104 Tờ bản đồ số: 1, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2061.
- Thửa đất số: 157 Tờ bản đồ số: 69, Thôn Thuận Nam, xã Thuận Nam, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2044.
- Thửa đất số: 19 Tờ bản đồ số: 05, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông, thời hạn sử dụng đến năm 2056.
- Thửa đất tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đang trong quá trình hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm;
- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu
Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
Thặng dư vốn cổ phần
Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
Cổ tức
Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.
Quỹ dự trữ
Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.
Phân phối lợi nhuận
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng
Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.
Doanh thu hợp đồng xây dựng
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại Mục 3.17 dưới đây.
Lãi tiền gửi
Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì: - Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn; - Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.
3.18. Giá vốn hàng bán
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.
3.19. Chi phí tài chính
Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.
3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....
Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).
3.21. Thuế
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.
Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu: 0%
- Trong nước: 10%

Riêng năm 2024, theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	448.003.964	1.409.960.189
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.571.591.463	65.906.352.085
Các khoản tương đương tiền (*)	163.005.216.273	130.000.000.000
Cộng	273.024.811.700	197.316.312.274

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ với lãi suất từ 2,0% đến 3,9%/năm.

Giá trị cuối năm của các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 3 tháng là 8.000.000.000 VND với lãi suất 3,2%/năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho việc phát hành bảo lãnh tạm ứng của công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Giá trị cuối năm của các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng là 37.000.000.000 VND với lãi suất 3,9%/năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số: 02/2024/590363/HĐTD ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại Ngân hàng BIDV Lâm Đồng.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	14.527.114.000	8.181.704.267
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Các khách hàng khác (*)	96.370.648.331	106.772.580.710
Cộng	119.700.325.386	123.756.848.032

(*) Tại ngày 31/12/2024, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	4.512.000.000
Trả trước cho người bán:		
Ông Lê Hữu Chiến	-	49.930.000.000
Công ty TNHH Trọng Tín (a)	18.328.863.270	24.088.958.380
Ông Nguyễn Viết Lương (b)	8.195.416.799	8.195.416.799
Công ty TNHH Công Nghệ Mới Nguyễn Vinh (c)	5.571.153.300	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Khoáng sản Việt (d)	3.220.123.000	3.220.123.000
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng TM Trường Thành (e)	9.998.553.000	9.998.553.000
Các nhà cung cấp khác (*)	14.652.839.918	24.838.176.530
Cộng	59.966.949.287	124.783.227.709

(a) Là khoản trả trước cho Công ty TNHH Trọng Tín liên quan đến Dự án xây dựng hồ chứa nước Đồng Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022 và Dự án xây dựng hồ chứa nước KaZam, Đơn Dương theo Hợp đồng số 01KZ/2023/HĐ-LHC-TT ngày 29 tháng 11 năm 2023. Công trình này đang tạm ngừng do vấn đề địa chất khu vực vượt tầm xử lý của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

(b) Là khoản trả trước cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các Thửa đất số 12, 238, 35, 27, 28, 29, 30, 31, 04, 198, 01, 05, 06, 32, 198, 50, 37, 03, 07, 10, 14, 18, 203 Tờ bản đồ số 48 (2013), 49 (2013), 61 (2013), 62 (2013) tọa lạc tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 11 năm 2019. Tuy nhiên, do chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng nên khoản trả trước không biến động trong 2 năm qua.

(c) Là khoản trả trước để mua máy nghiền côn TEREX TC1300 theo Hợp đồng ký kết ngày 16 tháng 12 năm 2024.

(d) Là khoản trả trước cho việc lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và gia hạn giấy phép khai thác mỏ Cao Lanh khu vực xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản bentonite và sét gạch ngói số 37/GP-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2007 tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Do thủ tục gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản chưa hoàn tất nên số tiền ứng trước này vẫn không thay đổi trong 2 năm qua.

(e) Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trường Thành theo Hợp đồng số 2401/2022/HĐ/ICCO40-TT để thực hiện thi công cho công trình Hồ chứa nước Ta Hoét. Công trình này hiện chưa thể khởi công do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền.

(*) Tại ngày 31/12/2024, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	23.350.065.000	-	75.797.521.000	-
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	6.424.843.928	-	14.404.356.617	(19.780.700)
Phải thu khác	1.294.530.508	(118.932.268)	1.170.415.491	(118.932.268)
Cộng	35.495.313.302	(4.544.806.134)	95.798.166.974	(4.564.586.834)
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	3.202.601.466	-	3.085.352.449	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	30.325.155.504	3.250.790.061	37.836.777.535	8.223.627.039
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.542.806.134	-	4.609.449.134	40.240.100
Cộng	34.867.961.638	3.250.790.061	42.446.226.669	8.263.867.139

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc và một số khách hàng đang tranh chấp.

ĐƯỢC CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH SX TM Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	8.802.563.055	-
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	3.528.200.000	-	3.528.200.000	-
Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Tp.HCM – Công trình Đê bao Bà Hồng	942.354.052	-	942.354.052	-
Các khách hàng khác	21.594.844.531	3.250.790.061	29.173.109.562	8.263.867.139
Cộng	34.867.961.638	3.250.790.061	42.446.226.669	8.263.867.139

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	85.328.481.129	-	80.170.590.104	-
Công cụ, dụng cụ	2.259.013.442	-	1.914.859.110	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	43.503.111.859	-	30.916.462.096	-
Thành phẩm	11.741.901.181	(835.242.862)	28.252.674.869	(835.242.862)
Hàng hóa	2.638.964.794	(715.562.007)	2.014.060.306	(715.562.007)
Cộng	145.471.472.405	(1.550.804.869)	143.268.646.485	(1.550.804.869)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Hồ chứa nước Đông Thanh	5.801.093.548	7.469.204.899
Hồ chứa nước Ka Zam	938.266.152	2.179.724.250
Hồ chứa nước Tha La	13.800.148.039	-
Hồ chứa nước Tà Hoét	1.421.318.706	1.365.291.035
Tuyến Suối Nhum (**)	4.250.339.244	4.250.339.244
Rạch Cái Cầu	3.382.120.613	4.157.086.195
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	13.909.825.557	11.494.816.473
Cộng	43.503.111.859	30.916.462.096

(**) Công trình này đang tạm ngưng thực hiện do bị vướng thủ tục giải phóng mặt bằng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Đầu tư đất tại xã Liên Hiệp, Đức Trọng, Lâm Đồng	130.859.874.000	-
Đầu tư đất tại xã Ninh Gia, Đức Trọng, Lâm Đồng	17.668.525.000	-
Mua quyền sử dụng đất	12.447.005.500	7.047.005.500
Mua sắm tài sản	6.415.560.000	-
Xây dựng cơ bản công trình trạm trọng	4.358.600.595	-
Dự án Hệ nghiên Camly	-	22.906.734.624
Xây dựng nhà văn phòng, bờ kè, sân bãi thuộc dự án Tân Phú	-	3.874.410.560
Khác	12.751.502.389	4.922.556.649
Cộng	184.501.067.484	38.750.707.333

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	14.681.164.423	15.175.702.880
Chi phí bóc tầng phủ Ninh Thuận	3.199.091.206	-
Chi phí sử dụng đất có thời hạn	7.137.149.783	7.318.360.109
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.061.215	321.950.196
Cộng	25.026.466.627	22.816.013.185

(*) Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	13.209.729.982	13.703.867.246
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	1.427.335.441	1.299.114.567
Quyền khai thác mỏ Tutra	44.099.000	172.721.067
Cộng	14.681.164.423	15.175.702.880

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Xây dựng VINCI VINA	7.950.072.806	7.950.072.806	977.580.995	977.580.995
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	4.888.757.555	4.888.757.555	915.316.796	915.316.796
Công ty TNHH Trọng Tín	11.542.622.678	11.542.622.678	-	-
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp 276	4.732.257.000	4.732.257.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	62.604.508.467	62.604.508.467	57.742.466.169	57.742.466.169
Cộng	91.718.218.506	91.718.218.506	59.635.363.960	59.635.363.960

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng (a)	75.200.000.000	75.200.000.000
Ban Quan lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình công cộng huyện Lâm Hà (b)	25.449.744.519	31.759.595.042
Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng và Công trình CC huyện Đơn Dương (c)	20.110.866.096	34.132.179.088
BDL DA Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương (d)	16.356.600.000	-
Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	-	32.611.363.000
Công ty TNHH Tài Phước (e)	10.000.000.000	-
Các khách hàng khác	8.886.853.491	21.705.928.442
Cộng	156.004.064.106	195.409.065.572

- (a) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng liên quan đến công trình Ta Hoét theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 và công trình Kênh Đạ Ròn theo Hợp đồng số 480/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 06 tháng 09 năm 2021. Công trình này hiện chưa thể khởi công do vướng công tác giải phóng mặt bằng từ cơ quan có thẩm quyền.
- (b) Người mua trả tiền trước là Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây Dựng và Công trình công cộng huyện Lâm Hà liên quan đến công trình đập Đồng Thanh Lâm Hà và Hệ thống kênh Đồng Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 222/HĐ-TCXD ngày 23 tháng 12 năm 2021. Công trình này đang tạm ngừng do vấn đề địa chất khu vực vượt tầm xử lý của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.
- (c) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình công cộng huyện Đơn Dương liên quan đến công trình xây dựng hồ chứa nước Kazam, huyện Đơn Dương theo Hợp đồng số 21/2023/HĐXD-BQLDA ngày 25 tháng 09 năm 2023.
- (d) Người mua trả tiền trước là BDL DA Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương liên quan đến công trình nạo vét và gia cố tuyến Suối Cái từ cầu Thợ Út đến sông Đồng Nai theo Hợp đồng số 41/HĐ-XD ngày 21 tháng 12 năm 2024.
- (e) Là khoản ứng trước mua đất của Công ty TNHH Tài Phước theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các lô đất tại xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng ngày 09 tháng 10 năm 2024.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024		Trong năm		Tại ngày 01/01/2024	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	6.591.732.881	2.827.398.838	23.067.528.023	23.059.156.930	4.857.009.472	1.101.046.522
Thuế xuất, nhập khẩu	8.697.906	8.697.906	260.981.898	260.981.898	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.192.226	15.882.062.652	21.831.071.700	32.977.299.579	479.027.238	5.212.669.785
Thuế thu nhập cá nhân	-	798.535.036	8.144.608.165	8.140.122.290	-	803.020.911
Thuế tài nguyên	109.574.405	130.560	1.211.057.102	1.165.373.778	63.853.161	92.640
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	67.244.333	5.447.089.396	7.645.419.527	2.131.085.798	-
Các loại thuế khác	-	9.548.550	682.716.034	653.980.495	3.000.000	41.284.089
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	22.488.333	22.488.333	1.526.900	-
Cộng	6.713.724.318	19.593.617.875	60.667.540.651	73.924.822.830	7.535.502.569	7.158.113.947

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	1.388.806.279	1.257.391.628
Trích trước chi phí mua nguyên vật liệu	1.996.107.255	-
Trích trước cung cấp quyền khai thác mỏ Camly	-	1.476.216.131
Trích trước giá vốn công trình xây dựng	2.302.206.385	5.313.266.659
Các khoản trích trước khác	128.713.980	419.996.467
Cộng	5.815.833.899	8.466.870.885

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả khác là các bên liên quan	-	412.861.370
Kinh phí công đoàn	746.299.706	549.744.660
Khoản tạm giữ chờ quyết toán công trình	747.261.310	747.261.310
Các khoản phải trả, phải nộp khác	679.753.752	2.850.475.434
Cộng	2.173.314.768	4.560.342.774
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	380.000.000	510.000.000
Phải trả Công ty TNHH Hoàng Minh	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải trả ông Bùi Trung Thu	2.392.445.734	2.392.445.734
Cộng	4.272.445.734	4.402.445.734

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	76.672.458.152	113.016.260.133	46.088.004.476	9.744.202.495	9.744.202.495
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	7.245.709.270	7.245.709.270	10.233.513.725	10.233.513.725	10.233.513.725
	Vay các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	1.753.533.334	5.088.000.000	8.304.466.666	4.970.000.000	4.970.000.000
	Vay đối tượng khác	30.000.000	-	10.000.000	40.000.000	40.000.000
	Nợ dài hạn đến hạn phải trả	12.000.000.000	12.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	97.701.700.756	97.701.700.756	137.349.969.403	79.635.984.867	39.987.716.220	39.987.716.220
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	27.000.000.000	27.000.000.000	-	12.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Tổng cộng	124.701.700.756	124.701.700.756	137.349.969.403	91.635.984.867	78.987.716.220	78.987.716.220

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:
 - Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 - Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 6,00%/năm.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:
 - Hạn mức vay: 37.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 1 tháng.
 - Lãi suất: 3,90%/ năm
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi số: 206/2024/590363/HĐTG ngày 02 tháng 12 năm 2024
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam:
 - Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 03 tháng.
 - Lãi suất: Theo từng lần trên Giấy nhận nợ, lãi suất trung bình 7,73%/năm.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản đảm bảo: Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

- Hạn mức vay:
Thời hạn vay:
Lãi suất:
Mục đích vay:

95.000.000.000 VND.
60 tháng.
9,30%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu quý.
Tài trợ các chi phí Tập đoàn đã đầu tư 61 máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.
- Tài sản đảm bảo
bao gồm:

Những quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuê (nhà làm việc) tại 87 Đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/590344/HĐBĐ ngày 28/03/2023 với giá trị định giá là 51.925.000.000 VND - Xem thêm các Mục 4.9 và 4.10.
- Những máy móc thiết bị và phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 10.500.000.000 VND và 38.110.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.
- Những máy móc thiết bị: phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 54.500.000.000 VND, 4.300.000.000 VND và 200.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.
- Những phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá là 24.790.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.
- Hàng tồn kho của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng tại các kho được mô tả trong Bảng Tổng hợp tồn kho thời điểm ngày 30/09/2024 của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2023/590344/HĐBĐ ngày 15/12/2023 với giá trị định giá là 93.976.595.309 VND.
- Toàn bộ Khoản phải thu của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng theo Bảng tổng hợp phải thu khách hàng đến thời điểm 30/09/2024 của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 07/2023/590344/HĐBĐ ngày 15/12/2023 với giá trị định giá là 78.254.256.396 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.143.515.371	8.535.030.889
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ	986.500.000	986.500.000

4.18. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả công nhân viên tại ngày 31/12/2024, bao gồm lương tháng 12 và các khoản thưởng của năm 2024.

4.19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.073.807.996	2.045.757.551

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	169.699.262.599	68.429.402.444	221.461.612.207	612.642.985.430
Lãi trong năm trước	-	-	-	81.668.750.701	44.606.002.519	126.274.753.220
Chia cổ tức từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	(4.041.104.409)	(3.158.895.591)	-	(7.200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.600.000.000)	(20.534.201.200)	(42.134.201.200)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	46.613.874.998	(46.613.874.998)	-	-
Tại ngày 01/01/2024	144.000.000.000	9.052.708.180	212.272.033.188	78.725.382.556	245.533.413.526	689.583.537.450
Lãi trong năm nay	-	-	-	66.967.012.999	49.969.280.806	116.936.293.805
Chia cổ tức	-	-	-	(36.000.000.000)	(24.746.098.000)	(60.746.098.000)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.512.439.618	(1.512.439.618)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Thay đổi từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	266.091.572	453.891.903	719.983.475
Tại ngày 31/12/2024	144.000.000.000	9.052.708.180	213.784.472.806	108.146.047.509	271.210.488.235	746.193.716.730

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Vốn góp của cổ đông	144.000.000.000	144.000.000.000

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.400.000	14.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	66.967.012.999	81.668.750.701
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(300.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	66.967.012.999	81.368.750.701
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	14.400.000	14.400.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	4.650	5.651

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
USD	12.438,33	33.624,33

	Tại ngày 31/12/2024 Nguyên tệ VND	Tại ngày 01/01/2024 Nguyên tệ VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Ban QLDA Đầu tư và xây dựng CTCC huyện ĐạTẻh	- 2.033.760.000	- 2.033.760.000
Đối tượng khác	- 4.003.222.233	- 4.003.222.233
Cộng	- 6.036.982.233	- 6.036.982.233

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu thi công (*)	1.077.728.496.547	993.715.201.309
Doanh thu kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	52.305.799.073	44.251.728.359
Doanh thu gồm sứ chịu lửa	32.413.134.909	32.241.128.856
Doanh thu gạch	13.503.059.545	21.393.841.549
Doanh thu cao lanh	17.840.494.957	23.938.255.893
Doanh thu điện năng lượng mặt trời, cho thuê nhà xưởng (**)	13.001.031.171	4.268.356.375
Tổng cộng	1.206.792.016.202	1.119.808.512.341

(*) Doanh thu thi công công trình tăng 9% so với năm trước chủ yếu do các công trình đĩnh trệ các năm trước đã được thi công trở lại sau thời gian dài vướng công tác giải phóng mặt bằng.

(**) Doanh thu điện năng lượng mặt trời và cho thuê nhà xưởng tăng 184% so với năm trước chủ yếu do Tập đoàn khai thác hết công suất hoạt động kho bãi, văn phòng.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn thi công (*)	911.709.666.784	785.724.090.497
Giá vốn kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	28.153.144.713	5.174.454.278
Giá vốn gồm sứ chịu lửa	22.462.472.582	21.629.296.647
Giá vốn gạch	3.623.407.715	7.912.283.359
Giá vốn cao lanh	11.419.186.507	17.775.961.199
Giá vốn điện năng lượng mặt trời, cho thuê nhà xưởng	4.996.871.840	4.250.046.360
Cộng	982.364.750.141	842.466.132.340

(*) Giá vốn thi công năm nay tăng so với năm trước do doanh thu thi công năm 2024 tăng như được thuyết minh tại Mục 5.1.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	3.310.244.194	5.844.737.325
Lãi chênh lệch tỷ giá	88.510.063	53.473.329
Doanh thu tài chính khác	-	747.686
Cộng	3.398.754.257	5.898.958.340

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	3.390.950.749	4.298.962.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá	217.498.349	263.962.310
Chi phí tài chính khác	78.151.570	108.214.456
Cộng	3.686.600.668	4.671.139.745

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	359.907.015	373.258.493
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.733.695.212	1.796.872.161
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.533.332	29.533.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.638.401	34.965.356
Chi phí bằng tiền khác	2.661.098.908	927.798.112
Cộng	4.950.872.868	3.162.427.454

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	63.215.578.790	75.971.374.522
Chi phí vật liệu quản lý	2.260.197.724	2.901.538.088
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.730.404.937	2.460.715.630
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.711.323.517	8.968.336.701
Thuế, phí và lệ phí	1.837.778.695	2.504.362.595
Chi phí dự phòng	(2.565.187.953)	6.106.813.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.610.232.008	4.182.747.852
Chi phí bằng tiền khác	19.668.644.954	15.905.734.120
Cộng	95.468.972.672	119.001.622.748

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 46% so với năm trước do hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi trong năm do Tập đoàn đã thu hồi được nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	937.535.981	3.478.885.065
Bán vật tư	152.804.986	2.001.079.401
Lãi thanh lý quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư (*)	24.509.313.182	-
Hoàn nhập khoản dự phòng bảo hành công trình (**)	2.429.585.869	529.940.716
Thu nhập khác	955.134.326	4.761.857.815
Cộng	28.984.374.344	10.771.762.997

(*) Là lãi thanh lý quyền sử dụng đất và bất động sản tại 251- 251A Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 27/11/2024 với giá chuyển nhượng là 46.800.000.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

(**) Là khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành của các công trình đã hết hạn bảo hành.

5.8. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn từ bán vật tư	1.345.219.254	1.872.760.197
Các khoản bị phạt	1.144.684.077	2.119.751.538
Chi phí khác	991.822.708	1.354.575.215
Cộng	3.481.726.039	5.347.086.950

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	522.617.775.745	471.190.638.957
Chi phí nhân công	187.699.245.958	191.309.028.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.085.566.179	84.696.398.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.363.693.534	161.010.360.301
Chi phí khác bằng tiền	36.191.586.058	49.640.185.690
Cộng	1.079.957.867.474	957.846.612.202

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	147.213.788.116	161.293.445.277
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	904.176.508	4.780.266.436
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(19.225.100.569)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.341.555.539)
Trừ: Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	(43.815.518.413)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	104.302.446.211	145.507.055.605
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	20.860.489.242	29.101.411.121
Trừ: Thuế TNDN được ưu đãi	-	(39.365.260)
Cộng: Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	8.763.103.683	-
Cộng: Truy thu thuế TNDN theo QĐ số 2180/QĐ-CCT ngày 19/07/2024 của Chi Cục thuế quận Bình Thạnh	293.945.920	-
Cộng: Truy thu thuế TNDN theo Quyết định số 2417/QĐ-CTLĐO ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Cục thuế Lâm Đồng	-	9.742.703
Cộng: Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	3.059.760.734	5.013.598.926
Trừ: Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	(671.754.823)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm	32.305.544.756	34.085.387.490

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế TNDN như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định là xe ô tô với nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ, chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí không có chứng từ hợp lệ.

5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong kỳ và năm trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho VND	Khấu hao TSCĐ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	(2.523.418.947)	(455.643.170)	(2.979.062.117)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	821.482.187	111.822.380	933.304.567
Điều chỉnh khác	-	(1)	(1)
Tại ngày 01/01/2024	(1.701.936.760)	(343.820.791)	(2.045.757.551)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	1.672.854.684	(3.700.905.129)	(2.028.050.445)
Tại ngày 31/12/2024	(29.082.076)	(4.044.725.920)	(4.073.807.996)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	125.349.969.403	101.185.553.385
6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(79.635.984.867)	(57.689.291.127)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thi công công trình;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Sản xuất gạch;
- Khai thác và chế biến cao lanh;
- Điện năng lượng mặt trời và cho thuê nhà xưởng

(Xem tiếp trang sau)

19-01-2025
TƯ VẤN
NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Thi công công trình VND	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ VND	Gốm sứ chịu lửa VND	Gạch VND	Cao lanh VND	Khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	1.144.146.803.249	76.563.341.769	32.413.134.909	40.568.047.985	17.840.494.957	13.001.031.171	(119.749.272.137)	1.204.783.581.903
GVHB	985.892.136.969	56.213.001.297	22.461.479.982	29.713.316.443	11.348.391.275	4.996.871.840	(128.260.447.665)	982.364.750.141
Lãi gộp	158.254.666.280	20.350.340.472	9.951.654.927	10.854.731.542	6.492.103.682	8.004.159.331	8.511.175.528	222.418.831.762
Chi phí bán hàng	911.997.027	1.929.334.309	1.733.695.212	3.402.805	372.443.515	-	-	4.950.872.868
Chi phí QLDN	79.973.546.192	2.230.506.868	4.258.108.548	7.980.011.618	2.472.662.998	444.291.517	(1.890.155.069)	95.468.972.672
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	77.369.123.061	16.190.499.295	3.959.851.167	2.871.317.119	3.646.997.169	7.559.867.814	10.401.330.597	121.998.986.222
Doanh thu tài chính	48.829.807.263	6.231.300.942	227.645	1.206.466.180	13.382.879	9.483.655	(52.891.914.307)	3.398.754.257
Chi phí tài chính	81.550.469	5.397.211.380	16.483.333	-	3.604.949	-	(1.812.249.463)	3.686.600.668
Lợi nhuận HĐ tài chính	48.748.256.794	834.089.562	(16.255.688)	1.206.466.180	9.777.930	9.483.655	(51.079.664.844)	(287.846.411)
Thu nhập khác	60.087.257.569	274.726.560	3.727.393	18.199.428	5.535.524	3.894.317	(31.408.966.447)	28.984.374.344
Chi phí khác	12.824.580.343	1.086.329.737	19.739.208	15.786.238	2.980.395	7.980.829	(10.475.670.711)	3.481.726.039
Lợi nhuận khác	47.262.677.226	(811.603.177)	(16.011.815)	2.413.190	2.555.129	(4.086.512)	(20.933.295.736)	25.502.648.305
Tổng lợi nhuận trước thuế	173.380.057.081	16.212.985.680	3.927.583.664	4.080.196.489	3.659.330.228	7.565.264.957	(61.611.629.983)	147.213.788.116
Chi phí thuế TNDN								32.305.544.756
Chi phí thuế hoãn lại								(2.028.050.445)
Lợi nhuận sau thuế								116.936.293.805

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ					
	Thi công công trình	Tại ngày 31/12/2024	Gồm sử dụng chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Khác
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.237.257.049.263	82.793.689.302	35.050.756.131	43.869.275.855	19.292.266.538	14.058.991.033
	4.073.807.996				(239.783.354.348)	1.192.538.673.774
						4.073.807.996
Tổng tài sản	1.241.330.857.259	82.793.689.302	35.050.756.131	43.869.275.855	19.292.266.538	(239.783.354.348)
						1.196.612.481.770
Nợ phải trả của bộ phận	425.634.499.193	28.482.288.866	12.057.993.424	15.091.698.387	6.636.833.230	4.836.506.830
					(42.321.054.890)	450.418.765.040
Chi phí mua sắm tài sản Chi phí khấu hao	94.501.305.224	34.745.885.536	-	1.283.981.972	120.300.000	-
	72.726.726.661	5.199.810.557	713.752.467	1.805.220.760	414.926.905	1.249.485.787
					(1.024.356.958)	81.085.566.179

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ					
	Thi công công trình	Tại ngày 31/12/2024	Gồm sử dụng chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Khác
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 31/12/2024 VND
Doanh thu thuần GVHB	1.026.145.184.305	85.087.885.194	32.241.128.856	45.770.817.424	23.938.255.893	4.268.356.375
	820.708.341.305	50.025.842.137	21.636.046.647	31.477.916.176	17.769.211.199	4.250.046.360
Lãi gộp	205.436.843.000	35.062.043.057	10.605.082.209	14.292.901.248	6.169.044.694	18.310.015
Chi phí bán hàng	946.996.553	23.955.656	1.796.872.161	3.440.841	391.162.243	-
Chi phí QLDN	102.250.048.169	1.847.561.264	4.898.439.597	6.683.993.317	3.229.330.541	354.182.587
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	102.239.798.278	33.190.526.137	3.909.770.451	7.605.467.090	2.548.551.910	(335.872.572)
Doanh thu tài chính	42.547.862.244	17.084.051.496	2.222.408	798.277.674	678.160	6.472.326
Chi phí tài chính	80.195.070	5.296.027.809	59.147.777	-	13.229.407	448.689
Lợi nhuận HĐ tài chính	42.467.667.174	11.788.023.687	(56.925.369)	798.277.674	(12.551.247)	6.023.637
Thu nhập khác	16.809.996.211	2.462.796.069	4.197.502	83.093.520	1.344.070	3.150.439
Chi phí khác	10.102.289.815	2.927.600.500	1	91.083.074	270.257	2.474.166
						(7.776.630.863)
Lợi nhuận khác	6.707.706.396	(464.804.431)	4.197.501	(7.989.554)	1.073.813	676.273
Tổng lợi nhuận trước thuế	151.415.171.848	44.513.745.393	3.857.042.583	8.395.755.210	2.537.074.476	(329.172.662)
						(49.096.171.571)
Chi phí thuế TNDN						34.085.387.490
Chi phí thuế hoãn lại						933.304.567
Lợi nhuận sau thuế						126.274.753.220

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

Thị công công trình	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ		Gồm sử chịu lừa	Gạch	Cao lanh		Khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Tại ngày 01/01/2024	VND	Tại ngày 01/01/2024	VND	Tại ngày 01/01/2024	VND	Tại ngày 01/01/2024	VND	Tại ngày 01/01/2024
Tài sản của bộ phận	1.072.290.998.526	88.914.292.804	33.691.014.472	47.829.133.995	25.014.760.783	4.460.304.633	(175.736.090.033)	1.096.464.415.181	
Tài sản không phần bỏ	2.045.757.551	-	-	-	-	-	-	2.045.757.551	
Tổng tài sản	1.074.336.756.077	88.914.292.804	33.691.014.472	47.829.133.995	25.014.760.783	4.460.304.633	(175.736.090.033)	1.098.510.172.732	
Nợ phải trả của bộ phận	369.350.601.076	30.626.525.390	11.604.868.886	16.474.743.716	8.616.333.573	1.536.351.792	(29.282.789.152)	408.926.635.282	
Chi phí mua sắm tài sản	16.138.439.272	19.115.778.489	-	2.897.853.276	319.444.444	-	(727.272.728)	37.744.242.753	
	74.837.365.782	7.015.481.000	840.202.630	2.241.370.180	417.925.043	668.317.704	(1.324.263.406)	84.696.398.933	

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Công ty con trực tiếp
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	Công ty con trực tiếp
4. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
7. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
8. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
9. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tạm ứng:		
Ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh - Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến (a)	8.440.000.000	-
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2024), Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/05/2024) của công ty con (b)	5.442.196.000	53.267.521.000
Ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc công ty con (c)	2.908.379.000	-
Ông Lê Thanh Hòa - Phó Tổng Giám đốc công ty con (d)	1.315.090.000	16.530.000.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc công ty con (e)	460.000.000	4.600.000.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2025), Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2025) của công ty con (f)	4.784.400.000	1.400.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	23.350.065.000	75.797.521.000

(a) Đây là khoản tạm ứng cho ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh - Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến liên quan đến việc đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 35, Tờ bản đồ số 34 và Thửa đất số 33, Tờ bản đồ số 35, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 16.000 m2, theo Hợp đồng ký kết ngày 21 tháng 07 năm 2023.

(b) Đây là khoản phải thu từ ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất như sau:

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 28, Tờ bản đồ số 34, thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.905 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Ninh (gần khu vực mỏ đá Tín Thái, Gắn Reo) với diện tích 9.100 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 26 tháng 04 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 06 năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- + Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 29 tháng 06 năm 2023.
 - + Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.563 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 06 năm 2023.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 212, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 9.539 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 214, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 282 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
 - + Quyền sử dụng đất Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 409 m² theo theo bản liệt kê tọa độ góc ranh trong Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 10, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 5.036 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.439 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 03, Tờ bản đồ số 25 (2016), xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.671,7 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 25 tháng 07 năm 2023.
- (c) Đây là khoản tiền tạm ứng cho ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc công ty con liên quan đến việc mua những quyền sử dụng đất sau:
- + Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.901,4 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 15 tháng 03 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 225, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 6.920 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 04 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 335, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.407 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 23 tháng 04 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 336, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 7.945 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 23 tháng 04 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 227, Tờ bản đồ số 12, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 2.392 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 06 tháng 05 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 226, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 2.810,5 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 17 tháng 05 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 313, Tờ bản đồ số 53, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.720 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 03 tháng 06 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.740,7 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 03 tháng 06 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 239, Tờ bản đồ số 12, thôn Kinh Tế Mới, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 2.294 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 06 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 3.222,9 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 03 tháng 07 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 8.751,6 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 12 tháng 07 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- + Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.876,3 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 10 tháng 09 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 11.704,9 m2 theo Hợp đồng ký kết ngày 10 tháng 09 năm 2024.
- (d) Đây là khoản phải thu từ ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 29.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 06 năm 2023.
- (e) Đây là khoản phải thu từ ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 05, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với diện tích 3.990 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 10 năm 2020; và tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 02 năm 2022.
- (f) Đây là khoản tạm ứng cho ông Lê Cao Quang – Tổng giám đốc liên quan đến việc tạm ứng để đặt cọc mua đất như sau:
- + Quyền sử dụng đất tại xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 838 m2, theo Hợp đồng ký kết ngày 20 tháng 03 năm 2024.
 - + Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 61, Tờ bản đồ số 05, thôn 02, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 10 năm 2024.

Các khoản tạm ứng đặt cọc mua đất nêu trên đã được Hội đồng quản trị Tập đoàn phê duyệt.

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Vay – Xem thêm Mục 4.16:		
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT công ty mẹ	(1.753.533.334)	(1.020.000.000)
Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng 40	-	(3.950.000.000)
Cộng	(1.753.533.334)	(4.970.000.000)

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vay:		
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT công ty mẹ	4.588.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng Giám đốc công ty con	500.000.000	5.650.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.16	5.088.000.000	5.650.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Trả nợ vay:		
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT công ty mẹ	3.854.466.666	50.000.000
Bà Lê Thị Thủy – Thành viên BKS	-	6.150.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn – Tổng giám đốc công ty con	4.450.000.000	1.700.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.16	8.304.466.666	7.900.000.000

Tập đoàn vay tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất 0.2% đối với VND. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi tạm ứng:		
Ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc công ty con	21.436.904.000	-
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT công ty mẹ	4.600.000.000	-
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2025), Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2025) công ty mẹ	990.000.000	13.500.000.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2024), Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/05/2024) công ty mẹ	850.000.000	46.196.000.000
Ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh - Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến	20.000.000	9.520.000.000
Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng Giám đốc công ty mẹ	-	16.530.000.000
Cộng	27.896.904.000	85.746.000.000

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua đất:		
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/05/2024), Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01/05/2024) công ty mẹ	41.507.550.000	-
Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng Giám đốc công ty mẹ	14.877.000.000	-
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2025), Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2025) công ty mẹ	732.600.000	-
Ông Hồ Tấn Dũng - Giám đốc công ty con	18.528.525.000	-
Ông Nguyễn Vũ Ngọc Anh - Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Tiến	1.080.000.000	-
Cộng	76.725.675.000	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị công ty mẹ được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT	777.100.000	1.345.611.727
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	45.000.000
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Cộng		1.027.100.000	1.630.611.727

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác công ty mẹ được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	1.119.252.000	1.117.588.000
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc	579.172.000	603.540.000
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm	-	10.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	400.908.000	559.988.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	455.658.000	259.428.000
Cộng		2.554.990.000	2.550.544.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác công ty mẹ trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch HĐQT	1.072.000.000	2.144.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	432.600.000	1.679.900.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	146.500.000
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	127.500.000	-
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	2.000.000	20.850.000
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	91.600.000	183.200.000
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	37.000.000	69.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	21.004.000	42.008.000
Cộng		1.783.704.000	4.285.458.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát công ty mẹ được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Cộng		108.000.000	108.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát công ty mẹ được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	222.000.000	444.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	328.000.000	656.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	165.000.000	330.000.000
Cộng		715.000.000	1.430.000.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Kết quả Hoạt động Kinh doanh Hợp nhất (Trích):

	Năm 2023 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2023 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.651	5.671
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.651	5.671

Việc báo cáo lại lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do điều chỉnh trích quỹ khen thưởng phúc lợi để đảm bảo tính so sánh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 07/03/2025, Tập đoàn đã bán thành công toàn bộ khoản đầu tư vào 1.836.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 theo phương thức thỏa thuận. Như vậy, sau khi bán, Tập đoàn không còn mối liên hệ về vốn nào với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

Ngoài sự kiện trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Tập đoàn trong năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên – miễn nhiệm ngày 10/07/2024
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên – bổ nhiệm ngày 20/04/2024

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc – bổ nhiệm ngày 05/11/2024
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Số: 314/2025/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

POWER OF BEING UNDERSTOOD
INSURANCE | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. RSM Vietnam is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. RSM Vietnam is not a member of the RSM network in any jurisdiction.



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.268.550.297	163.135.154.397
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	119.917.252.562	74.493.281.520
1. Tiền	111		31.917.252.562	9.493.281.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		88.000.000.000	65.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.321.154.069	73.190.943.830
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	17.580.561.748	31.065.507.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	30.787.059.437	27.638.289.744
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	15.000.000.000	19.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	1.481.732.884	1.773.087.036
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(3.528.200.000)	(6.385.940.450)
III. Hàng tồn kho	140		14.995.413.592	14.607.410.524
1. Hàng tồn kho	141	4.8	14.995.413.592	14.607.410.524
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.730.074	843.518.523
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.730.074	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	843.518.523
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.254.888.334	155.438.113.521
I. Tài sản cố định	220		7.138.991.834	10.322.217.021
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	4.337.959.576	7.370.434.763
Nguyên giá	222		88.258.029.476	88.222.103.550
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.920.069.900)	(80.851.668.787)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2.801.032.258	2.951.782.258
Nguyên giá	228		3.139.364.500	3.139.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(338.332.242)	(187.582.242)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		181.115.896.500	145.115.896.500
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	181.115.896.500	145.115.896.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		384.523.438.631	318.573.267.918

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Hoài Nam
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1
(Theo Giấy uỷ quyền số 10/2024-25/UQ-RSM
ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc)

Lê Võ Thùy Linh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3525-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		198.419.191.416	148.009.466.225
I. Nợ ngắn hạn	310		198.419.191.416	148.009.466.225
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	20.483.486.799	11.355.121.178
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	130.732.274.292	125.013.189.735
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.417.326.288	255.083.687
4. Phải trả người lao động	314		2.990.146.125	2.808.125.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	534.693.767	2.687.665.535
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	170.912.287	306.910.019
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	37.030.000.000	40.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.17	4.395.410.156	4.671.365.732
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		664.941.702	872.004.739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		186.104.247.215	170.563.801.693
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	186.104.247.215	170.563.801.693
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.052.708.180	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.811.093.513	2.030.553.178
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.240.445.522	15.480.540.335
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.240.445.522	15.480.540.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		384.523.438.631	318.573.267.918

Phê duyệt


Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	100.438.777.546	131.745.479.598
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	1.992.487.491	446.125.955
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98.446.290.055	131.299.353.643
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	86.224.976.471	124.825.705.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.221.313.584	6.473.648.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	48.324.456.639	42.154.455.010
7. Chi phí tài chính	22	5.5	80.451.570	52.140.741
Trong đó, chi phí lãi vay	23		2.300.000	15.652.083
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	7.462.044.408	13.897.942.607
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.003.274.245	34.678.019.996
10. Thu nhập khác	31	5.7	1.503.408.812	4.367.550.131
11. Chi phí khác	32	5.8	1.403.027.329	1.977.890.278
12. Lợi nhuận khác	40		100.381.483	2.389.659.853
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.103.655.728	37.067.679.849
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.263.210.206	(12.860.486)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.840.445.522	37.080.540.335

Phê duyệt


Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.103.655.728	37.067.679.849
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	3.219.151.113	3.699.860.485
Các khoản dự phòng	03		(3.133.696.026)	1.573.237.957
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(48.281.141.571)	(43.136.128.331)
Chi phí lãi vay	06		2.300.000	15.652.083
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.910.269.244	(779.697.957)
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09		11.109.754.545	37.230.179.936
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(388.003.068)	(1.579.757.405)
(Tăng), giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.589.964.706	(30.995.306.860)
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(34.730.074)	324.074.074
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.300.000)	(15.652.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(632.451.987)	(9.742.703)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(507.063.037)	(295.357.094)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.045.440.329	3.878.739.908
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.925.926)	(4.084.508.080)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.013.299.664
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	(19.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.100.000.000	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		48.324.456.639	40.636.684.967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.388.530.713	20.565.476.551

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	37.000.000.000	50.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(10.000.000)	(597.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(36.000.000.000)	(28.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		990.000.000	(29.347.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		45.423.971.042	(4.902.783.541)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		74.493.281.520	79.396.065.061
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	119.917.252.562	74.493.281.520



Phê duyệt
Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 25 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để thay đổi thông tin người đại diện pháp luật.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 144.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 52 (31/12/2024: 56).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước;
- Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:					
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40.10	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	99,45%	99,45%	99,45%
Công ty con gián tiếp:					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	61,26%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đăk Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TBĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp đồ đạc, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Máy móc thiết bị
 - Phương tiện vận tải truyền dẫn
 - Thiết bị, dụng cụ quản lý
- 03 – 07 năm

05 – 06 năm

02 – 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 37, xã Tiên Hoàng, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng trong 20 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày Mục 3.14 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và các chi phí khác.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Riêng năm 2024, theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cụ thể, các hàng hoá, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Thi công xây lắp;
- Bán máy móc thiết bị và bán vật tư.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	21.672.747	141.392.091
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.895.579.815	9.351.889.429
Các khoản tương đương tiền (*)	88.000.000.000	65.000.000.000
Cộng	119.917.252.562	74.493.281.520

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 2,9% đến 3,9%/năm.

Giá trị cuối năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng là 8.000.000.000 VND với lãi suất 3,2%/năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho việc phát hành bảo lãnh tạm ứng của công trình xây dựng hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Giá trị cuối năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng là 37.000.000.000 VND với lãi suất 3,9%/năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho hợp đồng vay tín dụng số: 02/2024/590363/HĐTD ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại Ngân hàng BIDV Lâm Đồng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 31/12/2024 VND			Tại ngày 01/01/2024 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	110.775.469.000	367.334.000.000	-	110.775.469.000	623.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	34.340.427.500	62.424.000.000	-	34.340.427.500	34.884.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40.10 – Xem thêm Mục 7	36.000.000.000	(*)	-	-	-	-
Cộng	181.115.896.500	429.758.000.000	-	145.115.896.500	657.924.000.000	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40 trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2024.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40.10 để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	2.157.967.483	2.776.309.800
Phải thu từ khách hàng:		
BQL Dự án Nông nghiệp tỉnh Long An	3.811.571.000	-
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT tỉnh Tây Ninh	3.625.549.400	4.173.979.100
Công ty CP Công trình và Thương mại Giao thông vận tải	3.528.200.000	3.528.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	2.935.350.425	-
Các khách hàng khác (*)	1.521.923.440	20.587.018.600
Cộng	17.580.561.748	31.065.507.500

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	9.998.553.000	4.214.826.758
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Trọng Tín (*)	16.423.700.270	17.193.940.780
Các đối tượng khác (**)	4.364.806.167	6.229.522.206
Cộng	30.787.059.437	27.638.289.744

(*) Trả trước cho Công ty TNHH Trọng Tín liên quan đến Dự án xây dựng hồ chứa nước Đồng Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022 và Dự án xây dựng hồ chứa nước KaZam, Đơn Dương theo Hợp đồng số 01KZ/2023/HĐ-LHC-TT ngày 29 tháng 11 năm 2023.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trả trước các đối tượng khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu về cho vay các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khách hàng	-	4.100.000.000
Cộng	15.000.000.000	19.100.000.000

4.6. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	43.315.068	-	111.986.301	-
Phải thu khác:				
Phải thu người lao động	1.438.417.816	-	1.655.625.735	-
Phải thu khác	-	-	5.475.000	-
Cộng	1.481.732.884	-	1.773.087.036	-

4.7. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.528.200.000	-	8.385.940.450	2.000.000.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì khoản nợ đã quá hạn từ nhiều năm và khó có khả năng thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	3.528.200.000	-	4 năm	3.528.200.000	-	3 năm
Các khoản khác	-	-		4.857.740.450	2.000.000.000	4 - 5 năm
Cộng	3.528.200.000	-		8.385.940.450	2.000.000.000	

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	13.848.094.621	-	13.368.892.513	-
Hàng hóa	1.147.318.971	-	1.238.518.011	-
Cộng	14.995.413.592	-	14.607.410.524	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Hồ chứa nước Đông Thanh	5.801.093.548	7.469.204.899
Gói Hệ thống cào rác Trạm bơm Tân Phú	3.620.160.000	-
Gói 15 Tây Ninh – Giai đoạn 2	2.016.298.630	-
Hồ chứa nước Tà Hoét	1.421.318.706	1.365.291.035
Hồ chứa nước Ka Zam	938.266.152	2.179.724.250
Dự án Hạ tầng Vườn Chanh – Long An	50.957.585	1.841.152.648
Công trình Lọc Sơn	-	462.519.681
Kênh và CTTK Vàm Cỏ Đông – Gói 17	-	51.000.000
Cộng	13.848.094.621	13.368.892.513

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2024	76.506.803.822	11.633.299.728	82.000.000	88.222.103.550
Mua trong năm	35.925.926	-	-	35.925.926
Tại ngày 31/12/2024	76.542.729.748	11.633.299.728	82.000.000	88.258.029.476
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2024	71.734.166.317	9.059.950.613	57.551.857	80.851.668.787
Khấu hao trong năm	2.357.269.338	686.683.632	24.448.143	3.068.401.113
Tại ngày 31/12/2024	74.091.435.655	9.746.634.245	82.000.000	83.920.069.900
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2024	4.772.637.505	2.573.349.115	24.448.143	7.370.434.763
Tại ngày 31/12/2024	2.451.294.093	1.886.665.483	-	4.337.959.576

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 73.319.325.303 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	3.015.000.000	124.364.500	3.139.364.500
Tại ngày 31/12/2024	3.015.000.000	124.364.500	3.139.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	63.217.742	124.364.500	187.582.242
Khấu hao trong năm	150.750.000	-	150.750.000
Tại ngày 31/12/2024	213.967.742	124.364.500	338.332.242
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	2.951.782.258	-	2.951.782.258
Tại ngày 31/12/2024	2.801.032.258	-	2.801.032.258

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.364.500 VND.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	1.302.535.622	1.302.535.622	69.622.793	69.622.793
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Xây dựng VINCI VINA	7.950.072.806	7.950.072.806	977.580.995	977.580.995
Công ty CP Cơ điện Bắc Âu	3.080.141.000	3.080.141.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	8.150.737.371	8.150.737.371	10.307.917.390	10.307.917.390
Cộng	20.483.486.799	20.483.486.799	11.355.121.178	11.355.121.178

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng (*)	75.200.000.000	75.200.000.000
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC Huyện Lâm Hà (**)	21.600.000.000	21.600.000.000
BQL DA ĐT&XD và Công trình CC huyện Đơn Dương (***)	14.860.915.679	23.837.155.122
BDL DA Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương (****)	16.356.600.000	-
BQL DA Nông nghiệp Tỉnh Long An	-	4.359.312.000
Các khách hàng khác	2.714.758.613	16.722.613
Cộng	130.732.274.292	125.013.189.735

(*) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng liên quan đến Công trình Ta Hoét, Định An theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐT&XDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021.

(**) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình Công Cộng Huyện Lâm Hà liên quan đến công trình xây dựng hệ thống kênh Đồng Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 272/HĐ-TCXD ngày 27 tháng 12 năm 2022.

(***) Người mua trả tiền trước là BQL DA ĐT&XD và Công trình Công Cộng huyện Đơn Dương liên quan đến công trình xây dựng hồ chứa nước Kazam, huyện Đơn Dương theo Hợp đồng số 21/2023/HĐXD-BQLDA ngày 25 tháng 09 năm 2023.

(****) Người mua trả tiền trước là BDL DA Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương liên quan đến công trình nạo vét và gia cố tuyến Suối Cái từ cầu Thợ Út đến sông Đồng Nai theo Hợp đồng số 41/HĐ-XD ngày 21 tháng 12 năm 2024.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024		Trong năm		Tại ngày 01/01/2024	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	955.561	734.151.275	207.656.312	525.539.402	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	984.533.921	1.934.965.029	632.451.987	317.979.121	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	431.836.806	3.050.053.883	2.873.300.764	-	255.083.687
Các khoản phí, lệ phí	-	-	7.726.733	7.726.733	-	-
Cộng	-	1.417.326.288	5.726.896.920	3.721.135.796	843.518.523	255.083.687

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Trích trước giá vốn công trình Vườn Chanh Long an		
Trích trước giá vốn các công trình còn lại		
Cộng	534.693.767	332.634.880
	-	2.355.030.655
	534.693.767	2.687.665.535

4.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Kinh phí công đoàn	160.236.287	122.457.524
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.676.000	184.452.495
Cộng	170.912.287	306.910.019

ĐÃ KÊ TRẢ VÀ THU NHẬP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024		Trong năm		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng (*)	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-	-
Vay cá nhân (**)	30.000.000	30.000.000	-	10.000.000	40.000.000	40.000.000
Cộng	37.030.000.000	37.030.000.000	37.000.000.000	10.000.000	40.000.000	40.000.000

(*) Vay ngân hàng là khoản vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 3,9%/ năm của ngân hàng BIDV Lâm Đồng và được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi số: 206/2024/590363/HĐTG ngày 02 tháng 12 năm 2024.

(**) Vay cá nhân là khoản vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo lãi suất cho vay vốn lưu động của ngân hàng BIDV Lâm Đồng và không đảm bảo bằng tài sản.

4.17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Dự phòng bảo hành công trình Đầu tư hạ tầng vườn chanh - Long An	1.295.211.108	1.392.677.483
Dự phòng bảo hành công trình Hồ chứa nước Đông Thanh - Lâm Hà	1.177.694.796	1.258.988.318
Dự phòng bảo hành các công trình khác	1.922.504.252	2.019.699.931
Cộng	4.395.410.156	4.671.365.732

Dự phòng bảo hành công trình được trích theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công nhưng không quá 5% theo quy định của Nhà nước.

ĐÃ KÊ TRẢ VÀ THU NHẬP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu
4.18.1.Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	6.071.657.587	3.158.895.591	162.283.261.358
Lãi trong năm nay	-	-	-	37.080.540.335	37.080.540.335
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo Thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 02/03/2023 của HĐQT	-	-	(4.041.104.409)	(3.158.895.591)	(7.200.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2023 theo Thông báo tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền ngày 04/08/2023 của HĐQT	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	144.000.000.000	9.052.708.180	6.071.657.587	3.158.895.591	162.283.261.358
Lãi trong năm nay	-	-	-	51.840.445.522	51.840.445.522
Chia cổ tức từ lợi nhuận bằng tiền đợt 2 năm 2023 theo Thông báo số 04/2024 ngày 20/02/2024 của HĐQT	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ24-LHC ngày 20/04/2024 của HĐQT	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ24-LHC ngày 20/04/2024 của HĐQT	-	-	780.540.335	(780.540.335)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận bằng tiền đợt 1 năm 2024 theo Thông báo số 20/2024 ngày 12/08/2024 của HĐQT	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	144.000.000.000	9.052.708.180	2.811.093.513	30.240.445.522	186.104.247.215



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.2.Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Vốn góp của các cổ đông	144.000.000.000	144.000.000.000

4.18.3.Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.400.000	14.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Cổ tức đã trả

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức đã trả cho cổ phiếu phổ thông	(36.300.000.000)	(28.800.000.000)

4.18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2024	2.030.553.178
Trích từ lợi nhuận trong năm	780.540.335
Tại ngày 31/12/2024	2.811.093.513

4.18.6. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024 Nguyên tệ VND	Tại ngày 01/01/2024 Nguyên tệ VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Ban QLDA Đầu tư và xây dựng CTCC huyện ĐạTẻh	- 2.033.760.000	- 2.033.760.000
Ban QLDA hồ Tuyền Lâm	- 89.104.790	- 89.104.790
Công ty CP 508	- 57.338.000	- 57.338.000
Cộng	- 2.180.202.790	- 2.180.202.790

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	98.938.695.998	131.745.479.598
Doanh thu cho thuê máy thi công công trình	1.500.081.548	-
Cộng	100.438.777.546	131.745.479.598

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7

Doanh thu hợp đồng xây dựng năm nay giảm hơn 24% so với năm trước là do các công trình cũ đã hoàn thiện gần hết các hạng mục và đã bàn giao, trong khi đó, công trình mới tại địa phương không phát sinh nhiều.

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giảm doanh thu hợp đồng xây dựng	1.992.487.491	446.125.955

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	86.224.976.471	124.825.705.309

Giá vốn hợp đồng xây dựng năm nay giảm so với năm trước do doanh thu năm 2024 giảm như được thuyết minh tại Mục 5.1.

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ bên liên quan – Xem thêm Mục 7	45.430.602.000	37.642.498.800
Lãi cho vay bên liên quan – Xem thêm Mục 7	611.568.493	111.986.301
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.837.877.951	4.399.969.909
Lãi từ tiền bảo hành công trình	444.408.195	-
Cộng	48.324.456.639	42.154.455.010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	2.300.000	15.652.083
Chi phí tài chính khác	78.151.570	36.488.658
Cộng	80.451.570	52.140.741

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	6.119.939.841	6.522.332.904
Chi phí vật liệu quản lý	23.640.778	100.272.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	861.881.775	770.418.650
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
(Hoàn nhập)/Trích lập chi phí dự phòng	(2.857.740.450)	2.192.970.225
Chi phí xóa nợ	-	89.104.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	520.708.544	1.202.690.194
Chi phí khác bằng tiền	2.790.613.920	3.017.153.117
Cộng	7.462.044.408	13.897.942.607

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 46% so với năm trước do hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi trong năm do Công ty đã thu hồi được nợ. Bên cạnh đó, chi phí dịch vụ mua ngoài giảm do giảm chi phí thuê văn phòng và chi phí thẩm định.

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán vật tư cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	1.101.219.226	16.468.637
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cho bên liên quan – Xem thêm Mục 7	-	727.272.728
Bán vật tư	152.804.986	2.001.079.401
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	254.400.593
Xóa công nợ	130.902.600	948.328.772
Thu nhập khác	118.482.000	420.000.000
Cộng	1.503.408.812	4.367.550.131

Thu nhập khác năm nay giảm hơn 66% so với năm trước chủ yếu là do giảm thu nhập đến từ việc bán vật tư tại công trình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán vật tư	1.345.219.254	1.878.308.379
Chi phí phạt thuế, vi phạm hành chính	57.798.444	99.465.002
Các khoản khác	9.631	116.897
Cộng	1.403.027.329	1.977.890.278

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.808.791.901	108.458.868.166
Chi phí nhân công	15.599.880.757	15.840.465.957
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.219.151.113	3.699.860.485
Chi phí dự phòng	(2.857.740.450)	2.192.970.225
Chi phí xóa nợ	-	89.104.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.405.755.292	3.778.794.783
Chi phí khác bằng tiền	3.990.380.376	7.048.115.444
Cộng	94.166.218.989	141.108.179.850

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	53.103.655.728	37.067.679.849
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng theo Luật thuế TNDN	465.202.715	255.741.947
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm theo Luật thuế TNDN (*)	(46.455.585.651)	(37.642.498.800)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.341.555.539)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	7.113.272.792	(1.660.632.543)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.422.654.558	-
Cộng: Truy thu thuế TNDN theo Quyết định số 2417/QĐ-CTLĐO ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng	-	9.742.703
Cộng: Chi phí Thuế TNDN do điều chỉnh bổ sung năm trước	512.310.471	-
Trừ: Chi phí Thuế TNDN do điều chỉnh bổ sung năm trước	(671.754.823)	(22.603.189)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.263.210.206	(12.860.486)

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định vượt quá 1.6 tỷ, chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi...

(*) Lợi nhuận sau thuế được chia từ công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.000.000.000	50.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(10.000.000)	(597.000.000)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	Công ty con trực tiếp
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	Công ty con trực tiếp
4. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	Công ty con gián tiếp
7. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
8. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con gián tiếp
9. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	2.157.967.483	2.690.539.800
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	85.770.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	2.157.967.483	2.776.309.800
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND

Trả trước thương mại – Xem thêm Mục 4.4:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 (*)	9.998.553.000	4.214.826.758
---	---------------	---------------

(*) Là khoản ứng trước theo theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐTXDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 để thực hiện công trình xây dựng hồ chứa nước Ta Hoét, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.5:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
(*) Đây là khoản vay tiền từ Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng – công ty mẹ nhằm bổ sung vốn lưu động theo lãi suất cho vay vốn lưu động của ngân hàng BIDV Lâm Đồng.		
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu lãi cho vay – Xem thêm Mục 4.6:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	43.315.068	111.986.301
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.11:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(1.302.535.622)	(69.622.793)
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Góp vốn đầu tư vào Công ty con – Xem thêm Mục 4.2:		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.10	36.000.000.000	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công trình và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	9.336.569.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	5.093.974.000	6.897.682.000
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	45.318.071	3.350.886.354
Cộng	14.475.861.071	10.248.568.354
Bao gồm:		
Doanh thu công trình và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.1	13.381.670.992	9.406.684.307
Thuế từ doanh thu công trình và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	1.094.190.079	841.884.047

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán vật tư:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	1.120.416.333	-
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	72.709.051	18.115.500
Cộng	1.193.125.384	18.115.500
Bao gồm:		
Bán vật tư cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế – Xem thêm Mục 5.7	1.101.219.226	16.468.637
Thuế từ bán vật tư cho các bên liên quan	91.906.158	1.646.863
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua vật tư, nhiên liệu và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	7.664.131.643	11.004.662.789
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	517.058.000	5.330.155.840
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	1.166.400	-
Cộng	8.182.356.043	16.334.818.629
Bao gồm:		
Mua vật tư, nhiên liệu và dịch vụ cho các bên liên quan chưa bao gồm thuế	7.554.703.910	14.943.797.958
Thuế từ mua vật tư, nhiên liệu và dịch vụ cho các bên liên quan	627.652.133	1.391.020.671
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi cho vay – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	611.568.493	111.986.301
Cộng	611.568.493	111.986.301
Nhận cổ tức – Xem thêm Mục 5.4:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	45.430.602.000	37.642.498.800

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua lại phần vốn góp:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	18.000.000.000	-
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư vào công ty con:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40.10	18.000.000.000	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	777.100.000	1.345.611.727
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	40.000.000	-
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	45.000.000
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	30.000.000	60.000.000
Ông Phan Công Ngón	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Cộng		1.027.100.000	1.630.611.727

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	1.119.252.000	1.117.588.000
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc	579.172.000	603.540.000
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm	-	10.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	400.908.000	559.988.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	455.658.000	259.428.000
Cộng		2.554.990.000	2.550.544.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	1.072.000.000	2.144.000.000
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên HĐQT	432.600.000	1.679.900.000
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	-	146.500.000
Bà Ngô Thu Hương	Thành viên HĐQT	127.500.000	-
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên HĐQT	2.000.000	20.850.000
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc	91.600.000	183.200.000
Ông Hầu Văn Tuấn	Giám đốc tài chính	37.000.000	69.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	21.004.000	42.008.000
Cộng		1.783.704.000	4.285.458.000

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Cộng		108.000.000	108.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	222.000.000	444.000.000
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên Ban Kiểm soát	328.000.000	656.000.000
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm soát	165.000.000	330.000.000
Cộng		715.000.000	1.430.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 07/03/2025, Công ty đã bán thành công toàn bộ khoản đầu tư vào 1.836.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40 theo phương thức thỏa thuận. Như vậy, sau khi bán, Công ty không còn mối liên hệ vốn nào với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40.

Ngoài sự kiện trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2024**

TP. Đà Lạt, ngày 17 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quý



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG



Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, P8, TP. Đà Lạt



0263 3821854 - 0263 3832542



xdthuyloild@gmail.com



www.lhc.com.vn